

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN ĐĂNG QUÂN

**HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI THEO
PHÁP LUẬT VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN CÁC
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN ĐĂNG QUÂN

**HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI THEO
PHÁP LUẬT VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN CÁC
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 9.38.01.07

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Trần Đình Hảo

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các tài liệu, số liệu tham khảo, trích dẫn trình bày trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

Nghiên cứu sinh

Nguyễn Đăng Quân

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong điều kiện nền kinh tế toàn cầu nói chung cũng như nền kinh tế nước ta nói riêng, hoạt động tín dụng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất. Bởi tín dụng là công cụ tài trợ hiệu quả nhất cho các ngành kinh tế từ kém phát triển cho tới các ngành kinh tế mũi nhọn. Nó tạo ra nguồn vốn hỗ trợ cho quá trình sản xuất được thực hiện bình thường, liên tục và phát triển nhằm góp phần đẩy nhanh quá trình sản xuất mở rộng, đầu tư phát triển kinh tế. Hoạt động tín dụng còn tạo điều kiện mở rộng và phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại. Tuy nhiên, chính từ đặc tính liên quan mật thiết đến hoạt động lưu chuyển dòng tiền mà loại hình kinh doanh này luôn gắn liền với rất nhiều rủi ro tiềm ẩn như: Rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro mất khả năng thanh toán... Khi rủi ro xảy ra kéo theo tác động tới nhiều chủ thể có liên quan. Đối với chủ thể tổ chức thực hiện hoạt động tín dụng là hệ thống các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng thì rủi ro tín dụng tác động trực tiếp vào hoạt động kinh doanh của họ. Ở tầm vĩ mô, rủi ro tín dụng xảy ra không chỉ ảnh hưởng tới một ngân hàng mà là cả một hệ thống các ngân hàng. Từ đó, xuất hiện tâm lý hoang mang, lo sợ của khách hàng, các nhà đầu tư. Rủi ro tín dụng xảy ra càng nhiều với quy mô lớn thì hệ thống ngân hàng trong một quốc gia sẽ bị giảm đi uy tín, niềm tin của hệ thống ngân hàng đó trên trường quốc tế, gây nên những khó khăn trong giao lưu kinh tế thế giới.

Đối với nền kinh tế, việc xử lý những hậu quả do quá trình kinh doanh không thành công của các tổ chức tín dụng không hề đơn giản nếu không có những biện pháp thích hợp để bảo vệ lợi ích của người dân sẽ gây ra những bất ổn khôn lường về kinh tế, chính trị, xã hội và tạo ra những bất lợi cho hoạt động

bình thường của hệ thống các tổ chức tín dụng. Nhận thức rõ tầm quan trọng của nhiệm vụ này, Nhà nước ta đã đưa ra rất nhiều chính sách cũng như ban hành các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động tín dụng ngân hàng nhằm tạo ra một môi trường lành mạnh, an toàn cho hoạt động tài chính - tiền tệ. Bên cạnh đó, Nhà nước ta cũng đã ban hành hệ thống văn bản pháp luật mới để điều chỉnh một nghiệp vụ đáp ứng được mục tiêu và nhiệm vụ phòng ngừa các rủi ro tín dụng, đó chính là nghiệp vụ bảo hiểm tiền gửi. Bảo hiểm tiền gửi là một biện pháp phòng ngừa rủi ro được nhiều quốc gia thiết lập nhằm bảo vệ người gửi tiền trong trường hợp một ngân hàng mất khả năng chi trả. Ở hầu hết các nước, hệ thống bảo hiểm tiền gửi (BHTG) được thành lập nhằm bảo đảm sự an toàn, tin cậy, là sự đảm bảo cho các khoản tiền gửi của khách hàng tại hệ thống ngân hàng, đồng thời, tổ chức BHTG còn thực hiện một nhiệm vụ quan trọng khác là ngăn ngừa, xử lý những khủng hoảng của ngân hàng nhằm đảm bảo an toàn vi mô cho toàn bộ hệ thống tài chính.

Qua học hỏi kinh nghiệm về mô hình, tổ chức quản lý về BHTG của các quốc gia trên thế giới, lần đầu tiên tổ chức BHTG ở Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 218/1999/QĐ-TTg ngày 09/11/1999 của Chính phủ. Tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện nhiệm vụ bảo hiểm tiền gửi trên cơ sở pháp lý là Nghị định 89/1999/NĐ-CP ngày 01/09/1999 của Chính phủ về BHTG và Nghị định 109/2005/NĐ-CP ngày 24/08/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 89/1999/NĐ-CP, cùng các văn bản hướng dẫn. Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012 ra đời (có hiệu lực từ ngày 01/01/2013) đã góp phần rất lớn vào công cuộc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, kiểm soát và đảm bảo an toàn, lành mạnh cho hoạt động của hệ thống ngân hàng nên tạo điều kiện thu hút tối đa tiền tiết kiệm trong người dân. Tuy nhiên, dưới góc nhìn tổng thể, hệ thống các quy định pháp luật về BHTG cũng như hoạt

động bảo hiểm tiền gửi của các chủ thể tham gia (trong đó có các ngân hàng thương mại) vẫn còn bộc lộ một số bất cập.

Trong thời gian qua, hệ thống ngân hàng thương mại đã trải qua quá trình tái cơ cấu để xử lý những ngân hàng yếu kém, nhưng không có ngân hàng nào phá sản do các quy định pháp luật về vấn đề này, trong đó có các quy định về BHTG còn nhiều bất cập. Lý do chưa có ngân hàng nào được phá sản cũng có thể do Nhà nước muốn giữ ổn định hệ thống ngân hàng, tuy nhiên, việc Ngân hàng Nhà nước mua lại 3 ngân hàng với giá 0 đồng đã vấp phải nhiều câu hỏi vì sao Ngân hàng Nhà nước chọn giải pháp quốc hữu hóa thay vì cho phá sản các ngân hàng yếu kém để lành mạnh hóa hệ thống... Hiện tại, có 94 ngân hàng thương mại trên tổng số 1.266 tổ chức tham gia BHTG. Mức chi phí bảo hiểm tiền gửi đang chiếm trung bình khoảng 3,64% tổng chi phí hoạt động của các ngân hàng¹. Và con số này của một số ngân hàng được kỳ vọng sẽ tiếp tục gia tăng trong thời gian tới, khi số tiền bảo hiểm tối đa được trả cho tất cả các khoản tiền gửi (gồm cả gốc và lãi) của một cá nhân tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được nâng lên 75 triệu đồng. Tuy nhiên, mức phí đồng hạng cho các tổ chức tham gia BHTG là 0,15% tính trên số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm đang được cho là cách thu phí cào bằng và là sự đối xử chưa thật công bằng giữa các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh tốt, năng lực tài chính vững vàng với các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng kinh doanh chưa tốt, có nguy cơ phá sản cao... Do đó, yêu cầu đặt ra cần phải sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chính sách pháp luật liên quan đến BHTG để hỗ trợ các cơ quan quản lý, giám sát đảm bảo ổn định hoạt động ngân hàng và duy trì kỷ luật thị trường trong thời gian tới.

¹ Theo số liệu của Tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam năm 2016

Từ những đòi hỏi trên cho thấy, việc nghiên cứu sâu sắc các vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về BHTG, thực trạng hoạt động BHTG của các ngân hàng thương mại với tư cách là các chủ thể tham gia BHTG, để từ đó, đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về BHTG, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại là yêu cầu cấp thiết của khoa học pháp lý hiện nay. Chính vì vậy, tôi đã mạnh dạn lựa chọn đề tài ***“Hoạt động bảo hiểm tiền gửi theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn các ngân hàng thương mại”*** để nghiên cứu và làm Luận án Tiến sĩ luật học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là nhằm làm rõ các vấn đề lý luận của pháp luật về BHTG; phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam, từ đó, đề xuất các định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu đặt ra ở trên, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án được xác định bao gồm:

Thứ nhất, tổng quan tình hình nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đề tài luận án nhằm làm rõ các vấn đề, nội dung sẽ được kế thừa và các nội dung cần tiếp tục phải nghiên cứu và giải quyết trong nội dung luận án.

Thứ hai, nghiên cứu, làm rõ một số vấn đề lý luận pháp luật về BHTG nói chung, pháp luật về BHTG đối với chủ thể tham gia là ngân hàng thương mại nói riêng; tham khảo kinh nghiệm pháp luật một số nước trên thế giới về vấn đề này.

Thứ ba, phân tích, đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam,

từ đó, rút ra những nhận xét về ưu điểm, những vấn đề còn tồn tại, bất cập và những nguyên nhân của thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật.

Thứ tư, luận giải về yêu cầu khách quan, đề xuất định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật về BHTG, cũng như các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Là các vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật về BHTG, hệ thống các quy định pháp luật về vấn đề này ở Việt Nam trên cơ sở so sánh với pháp luật về BHTG một số quốc gia về vấn đề này, cũng như thực trạng thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án này chỉ tập trung nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam hiện nay. Luận án không đề cập nghiên cứu các vấn đề sau:

- Thực trạng thực hiện pháp luật về BHTG của các tổ chức tín dụng khác như: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân; chi nhánh ngân hàng nước ngoài; văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;
- Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tổ chức BHTG Việt Nam (DIV);
- Các vấn đề khác có liên quan như: Xử phạt vi phạm, giải quyết tranh chấp trong hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lenin, bao gồm phép biện chứng duy vật và phương pháp luận duy vật lịch sử.

Trong quá trình nghiên cứu, luận án còn dựa trên cơ sở các quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước ta về chính sách bảo hiểm tiền gửi trong nền kinh tế thị trường tại Việt Nam. Bên cạnh đó, các phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng trong luận án bao gồm:

- Phương pháp tra cứu các tài liệu được sử dụng để tập hợp các tài liệu, công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài, tập hợp một cách có hệ thống các tài liệu liên quan đến đề tài luận án để tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài và được kết hợp với các phương pháp khác nhau trong quá trình tìm hiểu các vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật về BHTG.

- Phương pháp phân tích được sử dụng ở tất cả các nội dung của luận án nhằm phân tích và tìm hiểu các vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật cũng như thực tiễn thực hiện, các yêu cầu của việc hoàn thiện quy định của pháp luật cũng như những đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật về BHTG theo mục đích và nhiệm vụ luận án đã đặt ra.

- Phương pháp so sánh được sử dụng nhằm đối chiếu các quan điểm khác nhau giữa các nhà khoa học trong các công trình nghiên cứu; giữa quy định pháp luật BHTG hiện hành với pháp luật có liên quan đến BHTG; giữa quy định về BHTG Việt Nam với quy định BHTG các quốc gia khác trên thế giới.

- Phương pháp chứng minh nhằm đưa ra dẫn chứng để làm rõ các luận điểm trong các nội dung về lý luận ở Chương 1, các nhận định trong Chương 2 và đặc biệt là các quan điểm về sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về BHTG trong Chương 4 của luận án.

- Phương pháp tổng hợp được sử dụng chủ yếu trong việc rút ra những nhận định, ý kiến đánh giá sau quá trình phân tích ở từng ý, từng tiểu mục, đặc biệt được sử dụng để kết luận các chương và kết luận chung của luận án.

- Phương pháp dự báo khoa học được sử dụng trong suốt quá trình nghiên cứu đề tài và chủ yếu được sử dụng trong quá trình phân tích những điểm hợp lý cũng như các điểm bất cập trong các quy định, thực tiễn thực hiện pháp luật về BHTG, trong việc đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về BHTG của luận án.

Việc cụ thể các phương pháp nghiên cứu này chỉ mang tính chất tương đối, bởi trong quá trình triển khai, tùy từng vấn đề, nội dung trình bày mà luận án luôn kết hợp đan xen các phương pháp nghiên cứu với nhau nhằm đạt được mục đích nghiên cứu đã đặt ra.

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

- Luận án góp phần làm sáng tỏ thêm các vấn đề lý luận pháp luật về BHTG, đặc biệt là lý luận pháp luật về BHTG đối với chủ thể tham gia BHTG là các ngân hàng thương mại;

- Luận án đã khái quát, phân tích một cách có hệ thống thực trạng pháp luật về BHTG và thực tiễn thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam, chỉ ra được những ưu điểm, nhược điểm và những nguyên nhân.

- Luận án cũng đã chỉ ra những đòi hỏi từ lý luận và thực tiễn cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số quy định về BHTG như quy định về hạn mức chi trả, vấn đề phí bảo hiểm..., nâng hạn mức chi trả tiền bảo hiểm, song vẫn đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên và phù hợp với pháp luật quốc tế cũng như điều kiện nền kinh tế thị trường trong bối cảnh hội nhập hiện nay ở Việt Nam.

- Luận án đề xuất định hướng và các giải pháp sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về BHTG và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Là công trình nghiên cứu khoa học có hệ thống về pháp luật BHTG và thực tiễn thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam và có ý nghĩa như sau:

- *Về mặt lý luận*, luận án góp phần làm sáng tỏ thêm các vấn đề lý luận pháp luật về BHTG, đặc biệt là lý luận pháp luật về BHTG đối với chủ thể tham gia BHTG là các ngân hàng thương mại; làm rõ thực tiễn thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam; đề xuất định hướng và các giải pháp sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về BHTG và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

- *Về mặt thực tiễn*, kết quả nghiên cứu của luận án góp phần vào việc nghiên cứu để hoàn thiện pháp luật về BHTG ở Việt Nam, là tài liệu có giá trị tham khảo đối với các cơ quan nghiên cứu, quản lý và các cơ sở đào tạo có giảng dạy về pháp luật bảo hiểm tiền gửi.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận văn được kết cấu 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết nghiên cứu

Chương 2: Những vấn đề lý luận pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng thương mại

Chương 3: Thực trạng pháp luật và thực hiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

Chương 4: Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Các nghiên cứu lý luận và thực tiễn về hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Hoạt động BHTG được ra đời với mục tiêu bảo vệ người gửi tiền từ thế kỷ XIX tại Hoa Kỳ. Những thành công của hoạt động BHTG tại quốc gia này đã góp phần quan trọng làm cho loại hình bảo hiểm đặc thù này được “mở rộng” phạm vi hoạt động sang các quốc gia châu Âu vào những năm 1960 và tiếp đó là các quốc gia châu Á. Vì vậy, các nghiên cứu về hoạt động BHTG cũng trở nên sôi động hơn. Trong cuốn “*Deposit insurance and the appropriate institutions*” được nhà nghiên cứu Gillian G. H. Garcia hoàn thành vào năm 2002 đã phân tích sâu sắc về sự cần thiết của BHTG, vai trò của BHTG đối với hoạt động của hệ thống tài chính, ngân hàng ở các quốc gia, đặc biệt, tác giả đã đưa ra kinh nghiệm thiết lập hệ thống BHTG phù hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội ở các quốc gia. Đối với một số nghiên cứu về các vấn đề có liên quan đến hoạt động ngân hàng, nền tảng và là yếu tố mang tính tiền đề quan trọng trong quá trình xuất hiện của BHTG. Nổi bật có các công trình nghiên cứu: “*Macroeconomics*”, Harvard University, Worth Publishers, 33 Irving Place, New York của tác giả Mankiw G.N xuất bản năm 1992; “*Bank Management*”, University of New England của tác giả Shanmugam B và Turton C.

Ở Việt Nam, công trình nghiên cứu khoa học cấp Học viện của Học viện Ngân hàng được thực hiện và bảo vệ thành công năm 2009 với tên gọi “*Bảo hiểm tiền gửi trong việc bảo đảm an toàn tài chính quốc gia tại Việt Nam – Thực*

trạng và giải pháp” có đưa ra một số vấn đề lý luận về BHTG, vai trò của BHTG trong việc bảo đảm an toàn tài chính quốc gia, chỉ ra những mặt tích cực của BHTG và những mặt tiêu cực của BHTG trong việc đảm bảo vai trò đó và nguyên nhân của những mặt tiêu cực, đề ra một số giải pháp nâng cao chất lượng của BHTG trong việc bảo đảm an toàn tài chính ở Việt Nam.

Luận án Tiến sĩ kinh tế của tác giả Lê Thị Kim Oanh, 2004, về *“Giải pháp phát triển hoạt động bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam”*, bảo vệ thành công tại Học viện Ngân hàng, Hà Nội. Luận án đã nghiên cứu công phu những điều kiện về kinh tế, xã hội, tài chính, Ngân hàng tác động đến sự hình thành và phát triển của BHTG ở các nước và ở Việt Nam; đánh giá thực trạng hoạt động BHTG ở Việt Nam; phân tích những phương hướng nâng cao hoạt động BHTG ở Việt Nam.

Luận án Tiến sĩ của tác giả Đào Văn Tuấn năm 2005, với đề tài *“Giải pháp hoàn thiện chính sách bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế”*, Học viện Ngân hàng, Hà Nội đã phân tích thực trạng hoạt động BHTG ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập sâu và rộng vào nền kinh tế quốc tế. Luận án đã phân tích những giải pháp mang tính chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của BHTG ở Việt Nam trong bối cảnh các ngân hàng thực sự tham gia vào cuộc cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng.

Luận văn Thạc sĩ kinh tế của tác giả Nguyễn Thị Hiền về *“Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động bảo hiểm tiền gửi Việt Nam”* bảo vệ thành công tại Học viện Ngân hàng năm 2008 cũng nghiên cứu một số nội dung trong hoạt động BHTG, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của BHTGVN nhằm thực hiện các mục tiêu đặt ra.

Luận văn Thạc sĩ kinh tế của tác giả Bùi Thu Hương về *“Hoàn thiện hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong thời kì hội nhập”* được bảo vệ thành công tại Học viện Ngân hàng năm 2010 đã đề cập đến một số nội dung về

hoạt động nghiệp vụ BHTG tại Việt Nam, thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hoạt động nghiệp vụ BHTG tại Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

Luận án Tiến sĩ của tác giả Lê Việt Nga về đề tài “*Quản lý hoạt động bảo hiểm tiền gửi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hiện nay*” được bảo vệ thành công tại Đại học Thương mại năm 2013. Luận án phân tích các vấn đề lý luận cơ bản về quản lý hoạt động BHTG của tổ chức BHTG Việt Nam; trình bày thực trạng và các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý hoạt động bảo hiểm tiền gửi của BHTG Việt Nam.

Từ năm 2000, khi hoạt động BHTG bắt đầu triển khai thực hiện tại Việt Nam, đã có rất nhiều bài báo, bài tham luận của các chuyên gia nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế, nhà quản lý trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng (như PGS.TS Lê Hoàng Nga – Học viện Ngân hàng; TS Lê Thị Kim Oanh; ThS. Thúy Sen...) được đăng tải trên các tạp chí như Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí tài chính tiền tệ; các tờ báo điện tử, các website của BHTG Việt Nam, Ngân hàng nhà nước Việt Nam... Nhìn chung, các công trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn về hoạt động BHTG đã nhận diện được nội hàm khái niệm về hoạt động BHTG; vai trò của hoạt động BHTG; đánh giá thực trạng hoạt động nghiệp vụ của BHTG Việt Nam; xác định được nhu cầu và đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức BHTG Việt Nam, bảo đảm quyền và lợi ích của người gửi tiền, góp phần đảm bảo an toàn cho hệ thống Ngân hàng Việt Nam.

1.1.2. Nghiên cứu lý luận và thực tiễn pháp luật về bảo hiểm tiền gửi

Ở phần lớn các quốc gia trên thế giới, luật về BHTG được ban hành trước khi thiết lập và triển khai các hoạt động BHTG. Do đó, song song với hoạt động xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hoạt động BHTG của Nhà nước, hoạt động nghiên cứu về pháp luật về BHTG cũng trở nên sôi nổi. Do phạm vi nghiên cứu

của luận án chỉ đề cập đến một số nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu sau đây:

Cuốn “*Deposit Insurance around the world - A Data base*”, các nhà nghiên cứu đã phân tích một số vấn đề lý luận về BHTG, thực tiễn áp dụng pháp luật về BHTG tại các quốc gia trên thế giới; đánh giá những thành công, hạn chế của pháp luật các quốc gia trên các mặt thiết kế hệ thống BHTG; mô hình hoạt động BHTG của các quốc gia trên thế giới; một số nội dung hoạt động BHTG. Những nghiên cứu của tác giả có ý nghĩa rất lớn để các nhà nghiên cứu, nhà hoạch định chính sách ở mỗi quốc gia tham khảo.

Cuốn “*Structuring a deposit insurance system from the Asian perspective*” của nhà nghiên cứu Choi J. B. đã phân tích các vấn đề lý luận về BHTG, cơ sở của việc thiết kế các quy định pháp luật về BHTG và thực tiễn hoạt động BHTG không được thiết kế để áp dụng chung đối với tất cả các quốc gia khác nhau. Tại các quốc gia châu Á, do các yếu tố về điều kiện kinh tế, xã hội, tập quán, lịch sử, văn hóa, cho nên, cơ cấu một hệ thống BHTG cần phải được thiết kế phù hợp.

Ở Việt Nam, sách chuyên khảo “*Pháp luật về Bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam*” của TS. Lê Thị Thu Thủy được ra đời năm 2008 (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội) là công trình nghiên cứu có quy mô lớn nhất cho đến thời điểm hiện tại về pháp luật điều chỉnh quan hệ BHTG ở Việt Nam. Chuyên khảo đã đề cập khái quát về sự hình thành của BHTG trên thế giới và ở Việt Nam; một số vấn đề lý luận cơ bản về BHTG, như: Khái niệm BHTG, đặc trưng của BHTG, hạn chế của BHTG; nội dung pháp luật về BHTG của Việt Nam; khảo sát thực trạng pháp luật về BHTG ở Việt Nam và đề xuất một số phương hướng nhằm hoàn thiện pháp luật về BHTG ở Việt Nam. Tuy nhiên, chuyên khảo còn bỏ ngỏ nhiều vấn đề cần nghiên cứu như chưa xây dựng hệ thống lý luận pháp

luật về hoạt động BHTG; chưa có những đánh giá về bản chất pháp lý của hoạt động BHTG; chưa làm rõ sự tương đồng, khác biệt giữa hoạt động BHTG và hoạt động bảo hiểm thương mại; chưa có những phân tích về khía cạnh pháp lý của các mô hình hoạt động BHTG; chưa khảo sát toàn diện thực trạng pháp luật về hoạt động BHTG Việt Nam... Mặc dù nội dung nghiên cứu còn ở mức khái quát nhưng Chuyên khảo đã trở thành tiền đề để các nhà khoa học, nhà quản lý tiếp tục nghiên cứu về giác độ pháp lý của hoạt động BHTG - một loại hình hoạt động bảo hiểm đặc thù trong nền kinh tế.

Luận án Tiến sĩ luật học của tác giả Bùi Hữu Toàn về *“Pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế”* được bảo vệ thành công tại Học viện Khoa học xã hội năm 2012. Ngoài những vấn đề lý luận và thực trạng pháp luật BHTG trong điều kiện hội nhập, thì luận án là công trình đầu tiên làm rõ nhu cầu điều chỉnh bởi pháp luật đối với hoạt động BHTG, những yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về BHTG. Luận án cũng là công trình đầu tiên đánh giá, phân tích, bình luận các quy định pháp luật về BHTG của Việt Nam hiện hành trên cơ sở khoa học, thực tiễn, thông lệ quốc tế và bộ nguyên tắc xây dựng BHTG hiệu quả của Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi IADI.

Luận án Tiến sĩ luật học của tác giả Hoàng Thu Hằng về *“Pháp luật hoạt động bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam”* bảo vệ tại Trường Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2013. Luận án nghiên cứu những yếu tố tác động đến sự ra đời và phát triển của hoạt động BHTG và pháp luật về hoạt động BHTG; nghiên cứu và làm sáng tỏ nhu cầu điều chỉnh của pháp luật đối với quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực hoạt động BHTG ở Việt Nam; phân tích và làm sáng tỏ thực trạng pháp luật về hoạt động BHTG ở Việt Nam hiện nay.

Chuyên đề nghiên cứu mang tên *“Vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong việc bảo vệ người gửi tiền và bảo đảm an sinh xã hội”* đã phân

tích bản chất của BHTG, phân tích các mô hình BHTG trên thế giới, vai trò của BHTG đối với việc bảo vệ người gửi tiền, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và phương hướng xây dựng pháp luật về bảo vệ quyền và lợi ích của người gửi tiền tại tổ chức tham gia BHTG.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu trên, còn rất nhiều các bài viết nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành bàn luận, trao đổi về các vấn đề pháp luật về BHTG như: Bài viết *“Mô hình bảo hiểm tiền gửi hiện nay và những vấn đề quan tâm khi xây dựng Luật Bảo hiểm tiền gửi”* của TS. Đinh Dũng Sỹ. Trong đó, tác giả đã phân tích khía cạnh pháp lý của các mô hình BHTG đang được áp dụng trên thế giới như mô hình BHTG chuyên chi trả; mô hình BHTG chỉ trả với quyền hạn mở rộng và mô hình BHTG giảm thiểu rủi ro; Bài viết *“Bàn về mô hình bảo hiểm tiền gửi trong thời kì hội nhập quốc tế”* của TS. Lê Thị Thu Thủy cũng đã phân tích khía cạnh pháp lý của các mô hình BHTG trên thế giới; đưa ra một số kiến nghị về việc thiết lập mô hình BHTG ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế; Bài viết *“Địa vị pháp lý của tổ chức bảo hiểm tiền gửi Việt Nam”* của TS. Đinh Dũng Sỹ. Trong đó, Tác giả bài báo đã có những nghiên cứu về vị trí pháp lý của tổ chức BHTG Việt Nam hiện nay, xu hướng xác định vị trí pháp lý có tính “độc lập tương đối” của tổ chức BHTG, nhằm bảo đảm hiệu quả các hoạt động BHTG; Bài viết *“Bảo hiểm tiền gửi và vấn đề an toàn tín dụng”* của TS. Đinh Dũng Sỹ. Trong đó, tác giả bài báo phân tích sâu sắc bản chất của hoạt động tín dụng ngân hàng; tính rủi ro của hoạt động đó; vai trò của BHTG trong bảo đảm an toàn đối với hoạt động tín dụng ngân hàng; đưa ra các yêu cầu trong việc thiết lập các quy định pháp luật về BHTG nhằm đảm sự an toàn đối với hoạt động tín dụng ngân hàng; Bài viết *“Bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền theo pháp luật về bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam thực trạng và phương hướng hoàn thiện”*, được đăng trên Thông tin BHTGVN, số 3 năm 2009 của GS.TSKH

Đào Trí Úc. Bài viết đã đề cập đến các quy định của pháp luật về BHTG của Việt Nam trong vấn đề bảo vệ người gửi tiền; đánh giá những yếu tố kinh tế xã hội tác động đến việc hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về bảo vệ người gửi tiền tại các tổ chức tham gia BHTG. Ngoài ra, nhiều bài báo được các chuyên gia pháp lý, chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế - tài chính đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành pháp lý như Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Tạp chí dân chủ và pháp luật... hoặc ý kiến của các Đại biểu Quốc hội và ý kiến các chuyên gia trao đổi tại các Hội thảo chuyên ngành về xây dựng Luật BHTG ở Việt Nam; toàn bộ hồ sơ Dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi được xây dựng từ tháng 9 năm 2011 đến trước ngày 18/6/2012. Luật BHTG được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 18/6/2012 cũng được tác giả của luận án quan tâm nghiên cứu khi thực hiện đề tài nghiên cứu này.

1.1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu và những vấn đề mà luận án kế thừa

1.1.3.1. Về mặt lý luận

Về mặt lý luận, các công trình nghiên cứu đã phân nào làm rõ khái niệm về BHTG, đặc trưng của BHTG; quy định về các chủ thể trong quan hệ BHTG gồm có chủ thể thực hiện hoạt động BHTG; chủ thể tham gia hoạt động BHTG; người gửi tiền tại các tổ chức tham gia BHTG; chủ thể quản lý nhà nước về BHTG; chủ thể giám sát tài chính trong mạng an toàn tài chính quốc gia; mô hình BHTG và các vấn đề liên quan đến thiết kế một mô hình BHTG; các nội dung hoạt động BHTG như hoạt động cấp giấy chứng nhận BHTG, giao kết hợp đồng BHTG; thu nộp phí BHTG; kiểm tra, giám sát tổ chức tham gia BHTG; hỗ trợ tài chính đối với tổ chức tham gia BHTG; chi trả BHTG; thanh lý tổ chức tham gia BHTG; Quỹ BHTG như cơ chế tạo lập quỹ BHTG, quản lý quỹ BHTG, sử dụng quỹ BHTG... Tuy nhiên, do các nghiên cứu liên quan đến BHTG và

pháp luật về BHTG được thực hiện trong thời kỳ Việt Nam chưa ban hành Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012. Vì vậy, hệ thống quy định pháp luật về BHTG chỉ được thể hiện qua các văn bản dưới luật và thiếu đồng bộ. Các kiến nghị, đề xuất mang tính đơn lẻ chỉ đề cập đến việc sửa đổi, bổ sung các quy định về các vấn đề khác nhau liên quan đến BHTG trong các văn bản pháp luật hiện hành, mặc dù các nghiên cứu có hướng đến việc góp ý xây dựng Luật BHTG, chưa có những phân tích sâu sắc, đầy đủ.

1.1.3.2. Về mặt thực tiễn

Về mặt thực tiễn, những nghiên cứu đã khái quát được ở một số mức độ nhất định những nội dung cơ bản của hoạt động BHTG, các quy định của pháp luật về hoạt động BHTG và thực tiễn áp dụng; đánh giá trên một số khía cạnh về thực trạng của pháp luật về hoạt động BHTG và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam; đánh giá được những yếu tố kinh tế xã hội có thể tác động đến việc hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, góp phần đảm bảo an sinh xã hội; đã đặt tiền đề cho các hoạt động nghiên cứu về quan hệ BHTG, hoạt động BHTG và hoàn thiện pháp luật về BHTG nói chung và hoạt động BHTG nói riêng. Mặc dù, các công trình nghiên cứu cũng đã đề cập đến một số quan điểm luận về BHTG, quan hệ BHTG, nhưng chưa phân tích một cách sâu sắc tính đặc thù của quan hệ BHTG, hoạt động BHTG, những yếu tố tác động đến việc xây dựng luật BHTG, cơ sở để xây dựng một mô hình hoạt động BHTG phù hợp điều kiện thực tế ở Việt Nam.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu về lý luận và thực tiễn của các công trình nghiên cứu đã công bố sẽ là những tiền đề, những gợi mở mà tác giả sẽ kế thừa để triển khai nghiên cứu đề tài *“Hoạt động bảo hiểm tiền gửi theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn các ngân hàng thương mại”*.

1.1.4. Những vấn đề tiếp tục được triển khai nghiên cứu trong nội dung luận án

- Làm rõ những vấn đề lý luận pháp luật về BHTG. Vấn đề này được làm rõ trên hai phương diện: Khái niệm, đặc trưng cơ bản, nội dung pháp luật về BHTG điều chỉnh hoạt động BHTG và những nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động BHTG của các ngân hàng thương mại với tư cách là chủ thể tham gia BHTG.

- Đánh giá toàn diện về thực trạng pháp luật về BHTG tại Việt Nam và thực tiễn thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Những nghiên cứu này sẽ là các luận cứ khoa học cho việc đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về BHTG và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

- Đề xuất về các định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về BHTG ở Việt Nam, cũng như các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

1.2. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu

1.2.1. Lý thuyết nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài luận án được dựa trên cơ sở các lý thuyết nghiên cứu như sau:

- Lý thuyết về quản trị rủi ro (hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại là hoạt động có tính rủi ro cao, vì vậy, cần có cơ chế quản trị, kiểm soát và chia sẻ rủi ro);

- Lý thuyết về an toàn và ổn định của hệ thống tài chính quốc gia (trong đó, có sự an toàn và ổn định trong hoạt động của hệ thống ngân hàng);

- Lý thuyết về bảo hiểm tiền gửi và các mô hình BHTG đang được áp dụng trên thế giới;

- Lý thuyết về hợp đồng;
- Lý thuyết về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- Quan điểm, định hướng của Đảng về chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ thống tài chính - ngân hàng nói riêng.

1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Luận án được triển khai với một số câu hỏi nghiên cứu chủ đạo và giả thuyết nghiên cứu sau đây:

a. Về khía cạnh lý luận:

Câu hỏi nghiên cứu 1: Khái niệm, đặc điểm, vai trò và mục đích của BHTG là gì?

Giả thuyết nghiên cứu: Hiện nay, vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm và đặc trưng cơ bản của BHTG; đặc biệt cũng chưa có cách hiểu thống nhất về đặc điểm, vai trò và mục đích của BHTG

Kết quả nghiên cứu: Tổng hợp, khái quát để đưa ra cách hiểu thống nhất về khái niệm, đặc điểm, vai trò và mục đích của BHTG, bảo đảm cơ sở lý luận về quan hệ nội dung cho việc nghiên cứu pháp luật về BHTG.

Câu hỏi nghiên cứu 2: Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc điều chỉnh của pháp luật về BHTG? Nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động BHTG của chủ thể tham gia (ngân hàng thương mại) như thế nào?

Giả thuyết nghiên cứu: Hiện nay những vấn đề nêu trên chưa được nghiên cứu một cách tổng thể và đầy đủ.

Kết quả nghiên cứu: Đưa ra quan điểm và nhận định của nghiên cứu sinh về khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc điều chỉnh của pháp luật về BHTG. Đưa ra các luận điểm và nhận định của nghiên cứu sinh về nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động BHTG của chủ thể tham gia là ngân hàng thương mại.

b. Về khía cạnh thực tiễn:

Câu hỏi nghiên cứu 3: Thực trạng pháp luật Việt Nam về BHTG?

Giả thuyết nghiên cứu: Pháp luật hiện hành về BHTG có những ưu điểm và bất cập nhất định, có thể phù hợp hoặc không phù hợp với sự điều chỉnh của các quan hệ xã hội trong những giai đoạn nhất định.

Kết quả nghiên cứu: Chỉ ra được những bất cập, hạn chế của pháp luật về BHTG ở Việt Nam hiện nay, xác định được nguyên nhân của những bất cập và hạn chế đó.

Câu hỏi nghiên cứu 4: Thực tiễn thực hiện pháp luật về BHTG ở các ngân hàng thương mại hiện nay như thế nào?

Giả thuyết nghiên cứu: Việc thực hiện pháp luật về BHTG ở các ngân hàng thương mại hiện nay chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tế, chưa đáp ứng được nguyện vọng và sự an toàn của người gửi tiền.

Kết quả nghiên cứu: Chỉ ra được những bất cập, hạn chế trong việc thực hiện pháp luật về BHTG ở các ngân hàng thương mại hiện nay, xác định được nguyên nhân của những bất cập và hạn chế đó.

c. Về các đề xuất, kiến nghị:

Câu hỏi nghiên cứu 5: Xu hướng phát triển của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam và nhu cầu hoàn thiện pháp luật về BHTG ở Việt Nam trong thời gian tới?

Giả thiết nghiên cứu: Hiện nay ở Việt Nam chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về xác định yêu cầu và định hướng hoàn thiện pháp luật về BHTG nên chưa đưa ra được giải pháp tổng thể và đồng bộ để khắc phục những hạn chế, bất cập của pháp luật về BHTG.

Kết quả nghiên cứu: Chỉ rõ các yêu cầu và đưa ra các định hướng hoàn thiện pháp luật BHTG hiện hành để nhằm bảo đảm sự hoàn thiện và phù hợp hơn

của pháp luật với thực tế hoạt động BHTG của hệ thống ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

Câu hỏi nghiên cứu 6: Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam hiện nay là gì?

Giả thiết nghiên cứu: Hiện nay ở Việt Nam chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống để đưa ra được giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam hiện nay.

Kết quả nghiên cứu: Đưa ra hệ thống các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam hiện nay.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Đã có những công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước đề cập đến những khía cạnh khác nhau liên quan đến hoạt động BHTG, pháp luật về BHTG, tạo nền tảng và nhận thức cơ bản để tác giả kế thừa và tìm ra điểm mới trong nghiên cứu hoạt động BHTG dưới góc độ pháp lý. Một cách khái quát nhất, tổng quan tài liệu đã cho thấy:

Một là, các nghiên cứu đã tập trung phân tích về sự cần thiết của hoạt động BHTG, vai trò của BHTG đối với hoạt động của hệ thống tài chính, ngân hàng ở các quốc gia. Các nghiên cứu đã đánh giá thực trạng hoạt động nghiệp vụ của BHTG Việt Nam, đề xuất được những giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động nghiệp vụ của tổ chức BHTG Việt Nam, nhằm bảo đảm quyền và lợi ích của người gửi tiền, góp phần đảm bảo an toàn cho hệ thống Ngân hàng Việt Nam.

Hai là, các nghiên cứu về quy định pháp luật về BHTG đã xác định được các chủ thể trong quan hệ BHTG; các mô hình BHTG trên thế giới và các vấn đề liên quan đến việc thiết kế mô hình BHTG ở Việt Nam; vấn đề thu và nộp phí BHTG; hạn mức chi trả BHTG... Song chưa có đề tài nào nghiên cứu về hoạt động bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng thương mại theo pháp luật Việt Nam. Vì vậy, đề tài của luận án mà nghiên cứu sinh thực hiện không có tính trùng lặp và đảm bảo được tính mới, tính cấp thiết so với các đề tài đã nghiên cứu trước đây.

Ba là, để đạt được mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, luận án dựa trên cơ sở học thuyết triết học Mác - Lênin; những quan điểm, định hướng của Đảng về chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ thống tài chính - ngân hàng nói riêng; Các lý thuyết về quản trị rủi ro; về BHTG và các mô hình BHTG đang được áp dụng trên thế giới; về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để làm rõ BHTG với tư cách là công cụ bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo cho sự an toàn đối với hoạt động của hệ thống ngân hàng; Tác giả sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu một cách linh hoạt, phù hợp với từng phần nội dung nghiên cứu của luận án.

Bốn là, tổng quan tài liệu nghiên cứu tại Chương 1, dự kiến các lý thuyết nghiên cứu, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu là cơ sở để tác giả đi sâu nghiên cứu các nội dung cụ thể của các chương tiếp theo trong luận án.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

2.1. Khái quát lý luận về hoạt động bảo hiểm tiền gửi

2.1.1. Khái niệm bảo hiểm tiền gửi

Khái niệm về BHTG đã được hình thành từ rất lâu trên thế giới. Xuất phát từ lý do hoạt động tài chính ngân hàng luôn gắn liền với những nhạy cảm và rủi ro tiềm ẩn. Chính vì vậy mỗi quốc gia đặt ra yêu cầu cần có tổ chức đứng ra nắm giữ vai trò bảo vệ người gửi tiền trong trường hợp ngân hàng xảy ra đổ vỡ để ổn định tình hình an ninh xã hội.

Trên thực tế, khi các quốc gia chưa hình thành hệ thống BHTG thì cũng đã sử dụng các công cụ bảo hiểm ngầm có nghĩa là mặc dù không cam kết công khai trước công chúng về việc bảo vệ tiền gửi cho họ trong trường hợp ngân hàng đổ bể nhưng nếu điều đó xảy ra thì Chính phủ phải đứng ra chi trả tiền gửi cho người gửi tiền. Tuy nhiên, công cụ bảo vệ ngầm đó chưa thực sự đem lại lợi ích quốc gia cũng như niềm tin với công chúng vì vậy hệ thống bảo hiểm công khai cũng như những khái niệm rõ ràng hơn về BHTG đã ra đời.

Mô hình BHTG đầu tiên xuất hiện vào năm 1829 tại Hoa Kỳ dưới hình thức công khai nhằm phòng ngừa sự đổ vỡ mang tính chất định kỳ của ngân hàng vào thế kỷ XIX. Tuy nhiên, đến năm 1933 khi tình hình tài chính ở Hoa Kỳ bị rối loạn, nền kinh tế bị lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, hàng loạt các ngân hàng bị phá sản, cơ quan BHTG công khai của Nhà nước ở Hoa Kỳ lần đầu tiên mới ra đời (FDIC), nhằm củng cố lòng tin của nhân dân vào hệ thống ngân hàng, bảo vệ người gửi tiền. Từ đó đến nay, các quốc gia trên thế giới cũng lần lượt cho ra đời các tổ chức BHTG nhằm bảo vệ người gửi tiền trước nguy cơ

phá sản của các tổ chức tài chính, đảm bảo sự ổn định của hệ thống ngân hàng và hạn chế các cuộc khủng hoảng tài chính [34].

Ở các quốc gia khác trên thế giới, khái niệm BHTG ra đời cùng Luật Bảo hiểm tiền gửi. Song song với hoạt động xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hoạt động BHTG của các nhà nước, hoạt động nghiên cứu về BHTG và pháp luật BHTG cũng trở nên sôi động. Đặc biệt, từ giai đoạn Hiệp hội BHTG quốc tế được thành lập vào năm 2002, những nghiên cứu khoa học về lĩnh vực này đã được chia sẻ rộng rãi giữa các quốc gia khác nhau.

Một số nước và vùng lãnh thổ có mô tả về thuật ngữ BHTG trong Luật Bảo hiểm tiền gửi như: Luật Bảo hiểm tiền gửi của Canada hiện hành quy định: *“BHTG là bảo hiểm cho những tổn thất một phần hoặc toàn bộ tiền gửi”*. [72] Còn theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi của Đài Loan (Trung Quốc) hiện hành thì BHTG là một loại hình bảo hiểm mà đối tượng được bảo hiểm là các loại tiền gửi trên lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc) [77]. Luật Bảo hiểm tiền gửi Hàn Quốc năm 2005 quy định về địa vị pháp lý của tổ chức thực hiện hoạt động BHTG (KDIC) trong việc bảo vệ các khoản tiền gửi tại các tổ chức tham gia BHTG tại Hàn Quốc [73] mà không có những mô tả cụ thể về khái niệm BHTG. Tại Việt Nam, Khoản 1, Điều 4 Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012 quy định cụ thể: *“Bảo hiểm tiền gửi là sự bảo đảm hoàn trả tiền gửi cho người được bảo hiểm tiền gửi trong hạn mức trả tiền bảo hiểm khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền hoặc phá sản”*.

BHTG cũng là đề tài được nhiều học giả, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính, kinh tế cũng như pháp luật quan tâm khai thác. Trong các công trình nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế về BHTG, các nhà nghiên cứu đều đã đề cập khái niệm BHTG. Theo như quan điểm của tác giả Đào Văn Tuấn thì

“BHTG là việc Nhà nước đưa ra lời bảo đảm công khai nhằm bảo vệ tiền gửi bằng các quy định của pháp luật đối với người có tiền gửi tại tổ chức được phép nhận tiền gửi” [60, tr. 7]. Hoặc theo quan điểm về BHTG của tác giả Nguyễn Thị Hiền thì “đây là một cam kết công khai của tổ chức BHTG đối với tổ chức tham gia BHTG về việc tổ chức BHTG sẽ trả tiền gửi bao gồm phần gốc và lãi cho người gửi tiền khi tổ chức tham gia BHTG bị chấm dứt hoạt động và không có khả năng thanh toán cho người gửi tiền” [20, tr. 6]. Còn theo tác giả Lê Thị Thu Thủy, trong công trình nghiên cứu khoa học pháp lý về BHTG của mình, tác giả định nghĩa: “BHTG là loại hình bảo hiểm, theo đó bảo đảm nghĩa vụ chi trả trong tương lai các khoản tiền gửi cho người gửi tiền tại các tổ chức tham gia BHTG khi các tổ chức này gặp rủi ro dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán” [56, tr. 36].

Dựa trên các khái niệm về BHTG được quy định trong pháp luật về BHTG tại các quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam, các công trình nghiên cứu khoa học pháp lý về BHTG, có thể hiểu BHTG là cam kết của tổ chức BHTG đối với tổ chức tham gia BHTG, theo đó, tổ chức BHTG sẽ trả tiền gửi (bao gồm cả gốc và lãi) cho người gửi tiền khi tổ chức tham gia BHTG gặp rủi ro đến mức mất khả năng thanh toán cho người gửi tiền. Cam kết này thể hiện mối quan hệ giữa ba bên, đó là tổ chức BHTG, tổ chức tham gia BHTG và người gửi tiền.

Từ những phân tích trên, BHTG có thể hiểu như sau: “Bảo hiểm tiền gửi là một loại hình hoạt động bảo hiểm, theo đó, tổ chức BHTG thực hiện cam kết chi trả một phần hoặc toàn bộ tiền gốc và tiền lãi của các khoản tiền gửi cho người gửi tiền được bảo hiểm tại tổ chức tham gia BHTG khi có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định tổ chức tham gia BHTG bị chấm dứt hoạt động và mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền nhằm thực hiện các mục tiêu chính sách công của Nhà nước”.

Thông qua khái niệm tổng quát nêu trên, BHTG xác định là một chuỗi các hoạt động nhằm thực thi sự bảo đảm về mặt pháp lý cho các khoản tiền gửi (bao gồm cả gốc và lãi) của người gửi tiền tại các tổ chức nhận tiền gửi đã tham gia BHTG. Bởi nền kinh tế thị trường luôn tiềm ẩn những rủi ro đối với những chủ thể khác nhau trong hoạt động ngân hàng giữ vai trò cốt yếu trong nền kinh tế cũng có nguy cơ đối mặt với nhiều loại rủi ro khác nhau. Trong đó, mỗi loại rủi ro đều hàm chứa những đặc trưng riêng biệt. Rủi ro trong lĩnh vực ngân hàng là tiền đề của BHTG.

Khái niệm BHTG cho thấy, quan hệ xã hội trong lĩnh vực BHTG được xác lập giữa các bên trong phạm vi hẹp, mối quan hệ này bao gồm: Chủ thể thực hiện hoạt động BHTG, chủ thể tham gia BHTG và chủ thể thụ hưởng từ hoạt động BHTG. Chủ thể thực hiện các hoạt động nghiệp vụ nhằm thực hiện cam kết trả các khoản tiền gửi cho người gửi tiền thường là tổ chức BHTG. Đây là một loại hình tổ chức tài chính đặc thù và có những quyền hạn nhất định trong quản lý rủi ro của các tổ chức tham gia BHTG. Còn chủ thể tham gia BHTG là tổ chức tham gia nhận tiền gửi của cá nhân, tổ chức trong xã hội. Chủ thể thụ hưởng từ BHTG chính là cá nhân, tổ chức gửi tiền được bảo hiểm tại tổ chức tham gia BHTG.

Về bản chất, hoạt động BHTG mang đầy đủ bản chất của hoạt động bảo hiểm nói chung, là công cụ phân tán rủi ro thông qua cơ chế hoạt động lấy nhiều bù ít. Rủi ro trong hoạt động của tổ chức BHTG là tiền đề của hoạt động BHTG. Cụ thể đó là rủi ro của tổ chức tham gia BHTG đến mức khiến tổ chức này không thể thanh toán được khoản tiền gửi cho người gửi tiền. Nếu xét về đối tượng chịu thiệt hại do rủi ro này mang lại, đó là thiệt hại về tài sản đối với người gửi tiền tại tổ chức tham gia BHTG. Nhưng với đặc thù của hoạt động ngân hàng nên thiệt hại này có thể gây tác động rất xấu cho hoạt động bình

thường của cả hệ thống tài chính - ngân hàng nói chung. Đó là khi người gửi tiền rút tiền về và hiện tượng đó lan truyền trở thành đồng loạt trên toàn hệ thống từ đó dẫn tới nguy cơ mất khả năng thanh toán của dây chuyền các tổ chức tín dụng. Do đó, hoạt động BHTG không chỉ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích về kinh tế của người gửi tiền mà còn là công cụ của Nhà nước gây dựng, duy trì sự tin cậy, tâm lý an tâm của người gửi tiền đối với hệ thống ngân hàng, góp phần đảm bảo an toàn và ổn định của hệ thống tài chính, ngân hàng của một quốc gia.

2.1.2. Đặc điểm của bảo hiểm tiền gửi

Một là, chủ thể thực hiện bảo hiểm tiền gửi phải là tổ chức bảo hiểm tiền gửi

Hoạt động BHTG mang tính đặc thù là chỉ hình thành trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nhằm thực hiện các mục tiêu chính sách công của Nhà nước. Cho nên, hoạt động BHTG không hẳn là biện pháp bảo đảm an toàn trong lĩnh vực ngân hàng một cách thuần túy. Hoạt động BHTG cũng không mang bản chất pháp lý của hoạt động bảo hiểm thương mại. Chính vì vậy, BHTG thường không được các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm thương mại thực hiện. Hoạt động đặc thù này được tiến hành bởi một tổ chức tài chính đặc thù dưới tên gọi là công ty BHTG hoặc cơ quan BHTG.

Tổ chức BHTG có thể mang mục tiêu lợi nhuận (hoạt động theo Luật Doanh nghiệp) hoặc không vì mục tiêu lợi nhuận (tổ chức tài chính của Nhà nước) [64, tr. 99]. Tùy thuộc vào mô hình hoạt động của BHTG mà phạm vi, chức năng, quyền hạn của tổ chức BHTG cũng được pháp luật quy định khác nhau. Tuy nhiên, chức năng chủ yếu của tổ chức BHTG theo pháp luật của tất cả các nước thành viên thuộc Hiệp hội BHTG quốc tế (IADI) là thực hiện nghiệp vụ BHTG. Cụ thể là bảo vệ tiền gửi thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức tại các tổ chức tham gia BHTG. Để thực hiện chức năng này, các tổ chức BHTG có những

công cụ tài chính nhất định như Quỹ BHTG, công cụ pháp lý như quyền hạn, trách nhiệm trong xác lập, chấm dứt quan hệ BHTG với tổ chức tham gia BHTG... Như vậy, địa vị pháp lý của chủ thể thực hiện hoạt động BHTG được quy định trong pháp luật là công cụ đặc biệt của Nhà nước để thực hiện các mục tiêu chính sách công của mình. Quyền hạn, trách nhiệm được pháp luật quy định là những phương tiện pháp lý để tổ chức tài chính đặc thù thực hiện có hiệu quả các hoạt động BHTG.

Hai là, đối tượng được bảo hiểm là nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gửi của chủ thể nhận tiền gửi đối với người gửi tiền

Thực tiễn trong hoạt động tài chính ngân hàng, hoạt động vay và cho vay của các tổ chức tín dụng tiềm ẩn vô số nguy cơ rủi ro. Do đó, đặt ra vấn đề là cần có sự đảm bảo về mặt pháp lý đối với những khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ngân hàng. Pháp luật về hoạt động BHTG của các quốc gia và Việt Nam đều quy định các vấn đề liên quan đến đối tượng BHTG như loại tiền gửi được bảo hiểm, loại tiền gửi không thuộc đối tượng được bảo hiểm, mức tiền gửi tối đa được bảo hiểm, chủ sở hữu của các khoản tiền gửi được bảo hiểm và không được bảo hiểm... Việc loại trừ những khoản tiền gửi không được bảo hiểm cũng như qui định mức bảo hiểm tiền gửi tối đa nhằm giảm thiểu rủi ro cho chính tổ chức BHTG và nâng cao trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh của các tổ chức tham gia BHTG. Tuy nhiên, những quy định cụ thể về đối tượng được BHTG có thể khác nhau, xuất phát từ mục tiêu chủ yếu trong chính sách công và các điều kiện về kinh tế, xã hội của mỗi nước.

Ba là, người thụ hưởng từ hoạt động bảo hiểm tiền gửi là người gửi tiền

Người gửi tiền tại các tổ chức tín dụng ngân hàng có thể là cá nhân, tổ chức. Mục đích gửi tiền của các chủ thể cũng rất đa dạng như để thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tiết kiệm, đầu tư... Như đã phân tích, thì các quốc gia dựa vào

nhiều tiêu chí để xác định chủ thể tham gia BHTG, trong đó các tiêu chí được đề cập đến bao gồm loại tiền gửi, chủ thể gửi tiền, mục đích gửi tiền của chủ thể. Do đó, đối tượng được BHTG có thể khác nhau theo quy định của pháp luật từng nước.

Pháp luật về hoạt động BHTG của hầu hết các nước trên thế giới đều thực hiện việc bảo hiểm cho tiền gửi của cá nhân. Đây là quy định xuất phát từ một trong các mục tiêu cốt lõi của BHTG là bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền nhỏ khi tổ chức tín dụng nhận các khoản tiền của họ mất khả năng thanh toán, tránh các thiệt hại về tài sản, đảm bảo đời sống cơ bản cho họ khi tổ chức tham gia BHTG bị mất khả năng chi trả. Từ đó, tránh hiện tượng người gửi tiền đồng loạt rút tiền về do mất niềm tin vào hệ thống ngân hàng, bảo đảm cho hoạt động ngân hàng diễn ra bình thường. Do vậy, chủ thể tham gia BHTG được hưởng những lợi ích nhất định từ hoạt động BHTG nhưng họ không phải là chủ thể được chi trả BHTG mặc dù họ là chủ thể đóng phí BHTG. Chủ thể tham gia BHTG chính là các ngân hàng, các tổ chức tín dụng khác có hoạt động ngân hàng trong đó có cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đa dạng về quy mô vốn, hình thức sở hữu.

Các tổ chức tín dụng, ngân hàng có quyền bình đẳng về địa vị pháp lý trong hoạt động tín dụng, đều thực hiện huy động tiền gửi của cá nhân, tổ chức để thực hiện các hoạt động đầu tư, tìm kiếm lợi nhuận. Để thực hiện một trong mục tiêu của BHTG là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền tại tổ chức nhận tiền gửi, pháp luật quy định các tổ chức nhận tiền gửi là tổ chức tín dụng, ngân hàng tham gia BHTG. Tùy theo quy định pháp luật của một quốc gia về hoạt động BHTG cũng như vào từng giai đoạn phát triển kinh tế, xã hội khác nhau, mà sự tham gia BHTG của các tổ chức nhận tiền gửi có thể bằng cách tự nguyện hoặc bắt buộc nhằm bảo vệ tiền gửi của người gửi tiền tại các tổ chức này.

Bốn là, phí bảo hiểm tiền gửi là khoản phí do pháp luật quy định

Các bên tham gia quan hệ BHTG không thể thoả thuận về mức phí như các loại hình bảo hiểm khác. Các hệ thống BHTG trên thế giới thường đứng trước sự lựa chọn hai loại phí bảo hiểm: phí đồng hạng hoặc phí căn cứ vào mức độ rủi ro của từng ngân hàng. Các nước khi mới thành lập hệ thống bảo hiểm tiền gửi thường áp dụng mức phí bảo hiểm đồng hạng để dễ thực hiện và quản lí. Tuy nhiên, chế độ tính phí này không đề cập tới mức độ rủi ro của từng ngân hàng đối với hệ thống tổ chức tín dụng nên không đảm bảo tính công bằng, dễ gây những phản ứng từ phía các ngân hàng lớn, có qui mô và uy tín lớn trên thị trường. Do vậy, các nước đã dần chuyển đổi sang chế độ tính phí theo mức độ rủi ro.

Theo cách tính phí này, cơ sở để xác định tỉ lệ phí BHTG là kết quả phân loại tổ chức tham gia BHTG. Ngân hàng nào hoạt động với mức độ rủi ro lớn sẽ phải chịu tỉ lệ phí BHTG cao, ngược lại ngân hàng nào hoạt động tốt, rủi ro thấp sẽ được áp dụng mức tính phí thấp. Việc tính phí bảo hiểm theo mức độ rủi ro trong hoạt động của tổ chức tham gia BHTG sẽ tạo ra cơ chế đối xử bình đẳng giữa các tổ chức này và thể hiện xu thế thị trường trong hoạt động BHTG. Nếu áp dụng mức phí đồng hạng, các ngân hàng dễ hoạt động bất cẩn, huy động vốn với lãi suất cao, hoạt động đầu tư với độ rủi ro lớn và luôn an tâm là các khoản tiền gửi của khách hàng vẫn được bảo hiểm. Trong trường hợp này hệ thống ngân hàng dễ bị lâm vào tình trạng khủng hoảng do các ngân hàng bị “yếu đi”, đổ bể, mất uy tín trên thương trường kinh doanh tín dụng và tổ chức chi trả bảo hiểm cũng phải chịu hậu quả nặng nề liên quan đến các khoản chi phí bảo hiểm cho người gửi tiền.

Hoa Kỳ là nước tiên phong triển khai cách tính phí bảo hiểm theo mức độ rủi ro vào năm 1993, mặc dù trong một thời gian dài kể từ khi tổ chức BHTG

công khai của Nhà nước - FDIC được thành lập năm 1933, Hoa Kỳ đã áp dụng cơ chế tính phí đồng hạng. Tuy nhiên, việc tính phí dựa vào mức độ rủi ro của từng ngân hàng cũng đòi hỏi phải có nguồn lực để quản lý hệ thống một cách thích hợp và xác định cụ thể những phương pháp, những tiêu chí - là cơ sở tin cậy cho việc phân loại rủi ro của ngân hàng. Nó được xác định bởi mục tiêu của việc áp dụng chế độ tính phí này là khuyến khích các ngân hàng không tiến hành quá nhiều những hoạt động rủi ro và tạo sự công bằng trong việc tính phí, đóng góp vào sự ổn định của hệ thống ngân hàng. Các nước thường dựa vào các tiêu chí định tính và định lượng để tính mức độ rủi ro, tuy nhiên, theo xu hướng giảm dần các tiêu chí định tính, tăng các tiêu chí định lượng.

Ví dụ: Ở Pháp cách tính phí này xuất hiện từ năm 1999 dựa vào sự kết hợp các tỉ lệ an toàn và phân tích rủi ro tài chính đối với số lượng tiền gửi của từng ngân hàng hội viên. Ngoài ra, một chỉ số “rủi ro tổng hợp” hình thành từ 4 tiêu chí về khả năng thanh toán, khả năng sinh lời, phân tán rủi ro và hoán đổi kì hạn giữa tài sản nợ và tài sản có cũng được sử dụng.

Tại Argentina, tất cả các tổ chức phải trả một mức phí cơ sở cho công ty BHTG và trả thêm một mức phí bổ sung được tính toán theo phương pháp định lượng - định tính cho các ngân hàng khác nhau. Mức phí bổ sung khác nhau cho từng ngân hàng được tính toán căn cứ vào những tiêu chí của hệ thống CAMEL của cơ quan thanh tra và những chỉ số xác định mức vượt hoặc thiếu vốn so với mức tối thiểu bắt buộc và chất lượng tín dụng [14].

Cơ quan bảo hiểm của Hoa Kỳ (FDIC) xem xét đánh giá mức độ rủi ro của ngân hàng thông qua hệ thống CAMELS².

² Hệ thống này đánh giá ngân hàng theo thứ tự từ 1 đến 5 (1 là tốt nhất, 5 là tồi nhất) theo các chỉ tiêu: Vốn (Capital), chất lượng/ giá trị tài sản có (Asset Quality), khả năng quản trị (Management), lợi nhuận (Earnings), khả năng thanh toán bằng tiền mặt (Liquidity), sự nhạy cảm của ngân hàng trước rủi ro của thị trường (Sensitivity to market risk).

2.1.3. Mục đích của bảo hiểm tiền gửi

Mục đích của hoạt động BHTG là nhằm thực hiện các chính sách công của Nhà nước. Trong thực tế, mục đích cụ thể của mỗi hệ thống bảo hiểm tiền gửi có khác nhau nhưng tựu chung đều nhằm đạt được mục tiêu sau:

(i) Bảo vệ số đông người gửi tiền, đối tượng có tiền gửi ít hạn chế trong tiếp cận thông tin về quản trị, điều hành và tình hình hoạt động của các tổ chức huy động tiền gửi;

(ii) Góp phần đảm bảo cho hệ thống tài chính quốc gia ổn định và tạo điều kiện cho các giao dịch tài chính có hiệu quả hơn bằng cách phòng, tránh đổ vỡ ngân hàng;

(iii) Góp phần xây dựng một thị trường có tính cạnh tranh và bình đẳng cho các tổ chức tài chính có quy mô và trình độ phát triển khác nhau;

(iv) Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của người gửi tiền, tổ chức tài chính, Chính phủ và giảm thiểu gánh nặng tài chính cho người gửi tiền trong trường hợp có tổ chức tín dụng đổ bể.

Ngoài ra, còn nhóm các mục tiêu khác như phân bổ lại chi phí giải quyết tổ chức tham gia BHTG đổ vỡ, góp phần tạo động lực cạnh tranh trong lĩnh vực hoạt động tài chính, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế...[64, tr. 16]. Trong đó, mục đích chủ yếu của hoạt động BHTG là bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền. Đó thường là các chủ thể có thu nhập thấp, ít có cơ hội tiếp cận thông tin về thị trường tài chính. Các khoản tiền gửi của các chủ thể này thường chủ yếu để tích lũy, tiết kiệm. Thông thường thì những khoản tiền gửi của các tổ chức không được thực hiện bảo hiểm bởi các khoản tiền gửi tài khoản của các chủ thể này thường được sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán có liên quan đến hoạt động cụ thể của tổ chức đó. Do vậy, việc rút các khoản tiền trên để thực hiện các hoạt động của tổ chức, cơ quan thường dựa trên kế hoạch cụ thể của các chủ sở

hữu và tổ chức nhận tiền gửi thường ở vào thế bị động. Trên thực tế, rủi ro ít có nguy cơ xảy ra đối với các khoản tiền này.

Như vậy, hoạt động BHTG được coi như một phương thức chuyển giao rủi ro đặc biệt. Theo đó, tổ chức thực hiện nghiệp vụ BHTG bảo đảm nghĩa vụ chi trả trong tương lai các khoản tiền gửi cho người gửi tiền tại các tổ chức tham gia BHTG khi các tổ chức này gặp rủi ro dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản tiền đó. Thông qua BHTG, người gửi tiền được thông tin minh bạch, sử dụng các dịch vụ tư vấn của BHTG để hạn chế những thiệt hại trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG phá sản.

2.1.4. Vai trò của bảo hiểm tiền gửi

BHTG thực hiện nhằm mục đích bảo vệ người gửi tiền, trong đó đặc biệt chú trọng tới người gửi tiền “nhỏ” thường là những người bị hạn chế nhất định trong việc tiếp cận và khả năng phân tích thông tin của tổ chức nhận tiền gửi. Thông thường, BHTG là loại nghiệp vụ bảo hiểm phi thương mại. Đây là hoạt động không nhằm mục tiêu sinh lời mà thực hiện những mục tiêu xã hội, vì lợi ích của cộng đồng. Điều này phân biệt với các loại hình bảo hiểm khác hoạt động theo luật kinh doanh bảo hiểm như bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tài sản...

Thứ nhất, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền tại các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại

Như đã đề cập, dù mục tiêu cụ thể chính sách công của mỗi nhà nước là khác nhau nhưng hoạt động BHTG ở các nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam có vai trò cơ bản là bảo vệ người gửi tiền. Tiền gửi là “của cải” chủ yếu, thuộc sở hữu của số đông dân cư, là lợi ích của những người gửi tiền nhỏ, tầng lớp dân cư có thu nhập thấp. Tại các quốc gia phát triển, người dân có thói quen sử dụng những dịch vụ do các tổ chức tín dụng, ngân hàng cung cấp trong những giao dịch dân sự hàng ngày nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của họ. Đó là

những giao dịch thực hiện thanh toán qua ngân hàng mà không cần sử dụng tiền mặt. Ở góc độ tài chính, thói quen thanh toán qua ngân hàng của người sử dụng có thể đảm bảo cho ngân hàng có số vốn tương đối ổn định để hoạt động. Có rất nhiều nhóm đối tượng người gửi tiền khác nhau với mức gửi tiền từ ít đến nhiều gắn liền với mục đích sử dụng dịch vụ riêng biệt. Trong đó, nhóm người gửi tiền là cá nhân với tài khoản tiền gửi có giá trị khiêm tốn thường sẽ ít có cơ hội, điều kiện nắm bắt được thực trạng hoạt động tài chính, ngân hàng. Họ được coi là người gửi tiền “nhỏ”. Nhóm người gửi tiền này có những hạn chế nhất định trong việc tiếp cận và phân tích thông tin về hoạt động của tổ chức huy động tiền gửi. Đời sống của những người gửi tiền thuộc tầng lớp dân cư có thu nhập thấp thường bị tác động nhiều hơn các khách hàng gửi tiền khác khi có đổ bể ngân hàng xảy ra. Mặc dù, tiền gửi tại ngân hàng của những người có thu nhập thấp thường ít hơn số tiền gửi của các đối tượng khác nhưng có thể tiền lãi trên số tiền gửi ít ỏi đó lại là nguồn sống hàng ngày của người dân nghèo. Vì lo lắng sẽ bị ảnh hưởng khi có đổ bể ngân hàng và vì bị hạn chế về khả năng có được thông tin chính xác về hoạt động của các tổ chức tín dụng nên tầng lớp người gửi tiền có thu nhập thấp thường hay có các "ứng xử quá đồi" khi có thông tin đồn đại thất thiệt về ngân hàng.

Tuy nhiên, nếu hoạt động BHTG có vai trò chủ yếu là bảo vệ người gửi tiền nhỏ, thì với hạn mức chi trả có giới hạn từ khi hoạt động BHTG ra đời có thể khiến người gửi tiền với giá trị lớn thực hiện rút tiền hàng loạt khi nghi ngờ về biến động trong hoạt động của tổ chức nhận tiền gửi. Do vậy, sự hài hòa trong vai trò bảo vệ người gửi tiền và ổn định tài chính quốc gia sẽ tạo động lực cho người gửi tiền nhỏ có được những hiểu biết tình hình tài chính cần thiết cũng như hạn chế được những rủi ro quá mức của các tổ chức tín dụng, ngân hàng.

***Thứ hai,** góp phần duy trì và nâng cao niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống ngân hàng thương mại*

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại có thể thuộc sở hữu của tổ chức hoặc cá nhân. Giá trị tiền gửi có thể mang giá trị lớn hoặc nhỏ tùy vào mục đích gửi tiền của người gửi. Trường hợp các tổ chức nhận tiền gặp biến cố và lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán có thể gây ra những thiệt hại nhất định cho người gửi tiền. Nếu tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại gặp phải những khó khăn hoặc bị phát tán những thông tin thất thiệt về hoạt động của mình sẽ tác động tới tâm lý của người gửi tiền và có xu hướng khiến họ thực hiện việc rút tiền ồ ạt về. Nếu không xử lý kịp thời thì hiện tượng đó có thể gây hiệu ứng lan rộng sang các tổ chức tín dụng khác và gây ảnh hưởng tới toàn hệ thống tài chính trong nước. Do đó, BHTG đạt hiệu quả sẽ giới hạn được những hậu quả của hiện tượng người gửi tiền rút đồng loạt tiền gửi về. Niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống tài chính, ngân hàng của quốc gia có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với hoạt động cũng như khả năng phát triển của các tổ chức tín dụng, ngân hàng. Thời điểm tiến hành gửi tiền vào ngân hàng, người gửi tiền thường có thói quen tìm hiểu về hệ thống ngân hàng đó đã tham gia BHTG hay chưa, hạn mức chi trả tiền bảo hiểm bao nhiêu, thủ tục có tiện dụng hay không... Mặc dù, số lượng người gửi tiền hiểu biết sâu sắc về hoạt động tài chính, ngân hàng cũng như chính sách pháp luật về BHTG là không nhiều, nhưng đây cũng chính là thể hiện rõ nét về sự cẩn trọng của người gửi tiền để đi đến quyết định gửi tiền tại tổ chức tín dụng ngân hàng thay vì chọn hình thức đầu tư khác. Điều quan trọng để thiết lập niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống tổ chức tín dụng ngân hàng là mức chi trả cho BHTG khi tổ chức tín dụng mất khả năng chi trả. Ở vấn đề này, một số nước quy định chi trả toàn bộ cho những nhóm người gửi tiền nhất định, quy định hạn mức chi trả cao khi xảy ra khủng hoảng tài chính.

(Ví dụ: Hàn Quốc quy định hạn mức chi trả là 200.000 USD; một số nước châu Âu thì hạn mức nằm ở mức 50.000 Euro...). Nếu quy định hạn mức chi trả quá thấp, người gửi tiền sẽ không thể yên tâm và sẵn sàng thực hiện những kế sách đối phó với những tình huống xấu nhất khi tổ chức tín dụng ngân hàng rơi vào những nguy cơ tài chính nhất định. Việc BHTG bảo vệ cho tiền gửi cá nhân tại các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi với một hạn mức hợp lý sẽ tạo tâm lý yên tâm, góp phần thúc đẩy quá trình huy động vốn, ngăn chặn rút tiền đột biến đe dọa đến an toàn thanh khoản của các ngân hàng.

Thứ ba, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng, góp phần duy trì sự an toàn, ổn định của hệ thống tài chính quốc gia

Hệ thống ngân hàng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Nó là nơi cung cấp vốn cho nền kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất; là cầu nối giữa doanh nghiệp và thị trường thông qua hoạt động tín dụng. Vì vậy, khi hệ thống ngân hàng quốc gia hoạt động thông suốt, an toàn và ổn định, thì các nguồn lực tài chính sẽ được luân chuyển nhanh chóng và sử dụng có hiệu quả. Trong trường hợp ngược lại, khi một hay một số ngân hàng vấp phải vấn đề có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến hệ thống ngân hàng cũng như thị trường tài chính. Tức rủi ro trong hệ thống ngân hàng là rủi ro mang tính hệ thống bởi các ngân hàng thương mại có mối liên hệ với nhau. Để phòng ngừa và ngăn chặn rủi ro trong hoạt động tài chính ngân hàng, ở các nước trên thế giới, chủ thể thực hiện hoạt động BHTG là một trong các chủ thể tham gia giám sát hoạt động tài chính, ngân hàng. Các chủ thể trong hệ thống giám sát tài chính, ngân hàng thực hiện theo những quy tắc, chỉ tiêu giám sát hiện đại, trong đó có hoạt động giám sát từ xa [62]. Thông qua các nghiệp vụ về giám sát, kiểm tra hoạt động của các tổ chức tham gia BHTG, BHTG phát hiện những dấu hiệu rủi ro, biểu hiện yếu kém, vi phạm các quy định về bảo hiểm tiền gửi, an toàn trong

hoạt động ngân hàng, từ đó, đề xuất, kiến nghị phương án giải quyết phù hợp hoặc báo cáo NHNN để có những biện pháp xử lý.

Theo quan điểm của TS. Lê Xuân Nghĩa về vai trò của BHTG thì: “BHTG có vai trò rất đặc thù, là người bảo vệ uy tín của các định chế tài chính trước người gửi tiền, đồng thời, tạo dựng lòng tin chung của thị trường tài chính đối với khu vực ngân hàng. BHTG ở Việt Nam đóng vai trò rất lớn đối với hệ thống tài chính ngân hàng. Muốn phát huy được vai trò của mình, trước hết tổ chức BHTG ở nước ta cần phải có tiềm lực tài chính đủ lớn để có thể đứng ra gánh vác được những khoản cần thiết phải xử lý. Ví dụ: Khi rủi ro có thể xảy ra, hoặc khi một ngân hàng nào đó bị phá sản, sáp nhập... thì tổ chức BHTG phải đủ khả năng đứng ra xử lý. Thứ hai, nguồn nhân lực cũng phải đủ mạnh để vừa làm công tác giám sát, vừa xử lý những hậu quả, do đó, cần xây dựng một bộ máy hữu hiệu mới có thể làm được. Thứ ba, vấn đề có tính cốt lõi, đó là cần tạo ra một cơ chế hợp tác chặt chẽ giữa BHTG Việt Nam, Ngân hàng trung ương và các cơ quan giám sát khác. Tức cần tăng cường chia sẻ thông tin, chia sẻ trách nhiệm, hợp tác với nhau để đảm bảo cho công tác giám sát được nhìn thấy từ nhiều góc độ, từ nhiều khía cạnh và thấy được các rủi ro sớm hơn, rõ hơn”. [34]

Cho nên, thông qua các hoạt động BHTG, bằng giám sát từ xa, dự báo sớm, hoặc can thiệp kịp thời đối với tổ chức tín dụng, ngân hàng đang gặp khó khăn có thể giúp ngăn chặn hoặc khắc phục tình trạng đổ vỡ ngân hàng, góp phần duy trì sự ổn định đối với hoạt động tài chính ngân hàng nói chung.

Thứ tư, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh giữa các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, tạo điều kiện phát triển trong lĩnh vực tài chính

Cạnh tranh là một hiện tượng gắn liền với nền kinh tế thị trường, chỉ xuất hiện trong điều kiện nền kinh tế đặc thù này. Ngày nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều thừa nhận cạnh tranh là môi trường tạo động lực thúc đẩy sản xuất

kinh doanh phát triển và tăng năng suất lao động, hiệu quả của các tổ chức, là nhân tố quan trọng giúp lành mạnh hóa các quan hệ xã hội. Kết quả cạnh tranh sẽ xác định vị thế, quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của mỗi tổ chức kinh doanh. Vì vậy, các tổ chức đều cố gắng tìm cho mình một chiến lược phù hợp để chiến thắng trong môi trường cạnh tranh. Kinh doanh tiền tệ là lĩnh vực kinh doanh rất nhạy cảm, chịu tác động bởi nhiều nhân tố về kinh tế, chính trị, xã hội, tâm lý, truyền thống văn hoá... mỗi một yếu tố này nếu có sự thay đổi dù là nhỏ nhất cũng đều tác động rất nhanh chóng và mạnh mẽ đến môi trường kinh doanh chung. Chính vì vậy, để thu hút dòng tiền từ người gửi tiền, các tổ chức tín dụng, ngân hàng thường đa dạng hóa, hiện đại hóa các dịch vụ tín dụng do mình cung cấp. Tùy thuộc vào tổ chức tín dụng, ngân hàng có quy mô khác nhau mà cũng có những chênh lệch về khả năng thu hút vốn từ khách hàng.

Khi hoạt động BHTG chưa hình thành, người gửi tiền thường có xu hướng chọn các tổ chức tín dụng, ngân hàng có uy tín, được biết đến rộng rãi, có nhiều năm kinh nghiệm trong thương trường kinh doanh tiền tệ. Những tổ chức này được người gửi tiền mặc định là ít có nguy cơ đổ vỡ. Quan niệm này được xây dựng và củng cố bởi nhiều nguyên nhân khác nhau như: Danh mục đầu tư đa dạng; khả năng tổ chức hoạt động kinh doanh có hiệu quả; lịch sử phát triển lâu đời cho thấy dấu hiệu kinh doanh ổn định; uy tín được khẳng định trong xã hội... Cho nên, với sự hiện diện của BHTG sẽ tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng ngân hàng quy mô nhỏ có cơ hội tiếp cận được với các nhóm khách hàng gửi tiền khác nhau. Đối với những tổ chức nhận tiền gửi mới thành lập, vai trò này của BHTG càng có ý nghĩa lớn hơn trong việc bảo hộ khả năng kinh doanh ổn định của các tổ chức này. Các tổ chức tín dụng nhỏ hay tổ chức mới đi vào hoạt động này có điều kiện thuận lợi hơn trong việc triển khai các hoạt động kinh doanh tín dụng của mình, rút ngắn sự chênh lệch về khả năng cạnh tranh với các

tổ chức nhận tiền gửi quy mô lớn. Chính điều đó tạo ra sự bình đẳng trong cạnh tranh giữa các tổ chức tín dụng, ngân hàng. Bên cạnh đó, BHTG cũng tham gia thúc đẩy kỷ luật thị trường. Với các khung pháp lý, kỷ luật thị trường sẽ khiến các thành viên tham gia thị trường dùng sự hiểu biết của mình để theo dõi hệ thống tài chính - ngân hàng, giúp hệ thống tổ chức tài chính hoạt động an toàn, nhà đầu tư hạn chế tối đa rủi ro thua lỗ.

Thứ năm, góp phần tái cấu trúc ngân hàng

Nền kinh tế thị trường đặt các tổ chức tín dụng ngân hàng trong những cuộc cạnh tranh thị phần khốc liệt. Để đứng vững và phát triển các ngân hàng không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của bản thân. Điều tất yếu đến với những ngân hàng yếu kém chính là quá trình đào thải. Tuy nhiên, sự đổ vỡ của một hay một số tổ chức tín dụng ngân hàng có thể gây ảnh hưởng xấu đến toàn hệ thống ngân hàng quốc gia. Do đó, cơ chế tiếp nhận và xử lý các tổ chức tín dụng ngân hàng đang ở tình trạng đổ vỡ thông qua hoạt động nghiệp vụ BHTG sẽ góp phần tái cấu trúc ngân hàng và tăng cường khả năng cạnh tranh của các ngân hàng trong nền kinh tế quốc dân. Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng là thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục các khiếm khuyết của hệ thống tổ chức tín dụng, ngân hàng nhằm mục đích duy trì sự phát triển ổn định (bền vững, an toàn) và hiệu quả chức năng trung gian tài chính của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế, đặc biệt là chức năng thanh toán và trung gian tín dụng, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng ngân hàng. Điển hình chứng tỏ vai trò này của BHTG là hiệu quả hoạt động BHTG ở Hoa Kỳ trong giai đoạn khủng hoảng tín dụng. Vào thời điểm tháng 9 năm 2008, có 12 ngân hàng ở Hoa Kỳ bị tuyên bố chấm dứt hoạt động, chỉ vài ngày sau đó, toàn bộ tài khoản tiền gửi của khách hàng được tiếp nhận bởi các ngân hàng khác: Ngân hàng bắc cầu do Công ty Bảo hiểm Ký thác Liên bang Hoa Kỳ (FDIC) thành lập hoặc ngân

hàng khác được Công ty Bảo hiểm Ký thác Liên bang Hoa Kỳ (FDIC) thỏa thuận trước đó³. Vì vậy, khách hàng tiến hành các giao dịch bình thường, kể cả các khoản nợ của các khách hàng vẫn được thành toán như thường lệ⁴. Thực tế có thể thấy rằng, Luật Bảo hiểm tiền gửi của Hoa Kỳ đã tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan này phản ứng nhanh chóng trước mỗi đổ vỡ của các ngân hàng. Từ đó, tránh được tâm lý hoang mang của người gửi tiền tại các ngân hàng gặp phải vấn đề này. Mọi hoạt động ngân hàng vẫn được diễn ra bình thường trong một thời gian nhất định cho đến khi một giải pháp thích hợp được áp dụng.

Để xây dựng và triển khai các hoạt động BHTG trong thực tiễn, các quốc gia luôn phải xác định cụ thể vai trò, mục tiêu hoạt động của cơ quan BHTG. Về cơ bản, vai trò của BHTG ở các quốc gia đã và đang triển khai là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền; củng cố và nâng cao niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống ngân hàng quốc gia; giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng; tái cấu trúc hoạt động ngân hàng; góp phần duy trì sự an toàn, lành mạnh của hệ thống tài chính quốc gia.

2.1.5. Nhu cầu điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Như đã khẳng định, hệ thống BHTG được thiết lập và đi vào hoạt động ở mọi quốc gia nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền tại các tổ chức tín dụng, ngân hàng. Mặt khác, hệ thống BHTG cũng đóng góp phần không nhỏ trong nhiệm vụ bảo đảm hoạt động lành mạnh của hệ thống ngân hàng nói riêng và hệ thống tài chính quốc gia nói chung. Xuất phát từ lý do nắm vai trò nhất định đối với nền kinh tế quốc dân, sự ổn định xã hội, cho nên hoạt động của các chủ thể tham gia quan hệ BHTG cần có sự điều chỉnh của pháp luật

³ <https://www.nhatkychucuoai.com/2017/04/fdic-la-gi.html>

⁴ Thông tin Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

nhằm thiết lập và duy trì trật tự nhất định trong lĩnh vực BHTG. Pháp luật điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực BHTG mang tính khách quan bởi các lý do sau:

***Một là,** dưới góc độ kinh tế - tài chính, mục tiêu và vai trò to lớn của hoạt động BHTG trong hoạt động ngân hàng đã được khẳng định.* Cụ thể đó là bảo vệ quyền và lợi ích của những người gửi tiền tại tổ chức tham gia BHTG, bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng. Các tổ chức tham gia BHTG sẽ được đặt dưới quy trình quản lý rủi ro thông qua các nghiệp vụ BHTG được thực hiện bởi tổ chức BHTG. Trường hợp khi một tổ chức tham gia BHTG không may bị phá sản, thông qua hoạt động BHTG, người gửi tiền sẽ được nhận tiền bảo hiểm và các dịch vụ liên quan đến tiền gửi một cách nhanh chóng nhất [61]. Chính vì vậy, pháp luật về hoạt động BHTG là cơ sở pháp lý buộc các tổ chức tham gia BHTG nâng cao ý thức cũng như trách nhiệm của mình đối với việc đảm bảo quyền sở hữu tài sản của người gửi tiền [15, tr. 11-12]. Có rất nhiều biện pháp khác nhau mà tổ chức tham gia BHTG có thể thực hiện để quản lý rủi ro của mình trong đó có việc tham gia BHTG, đóng phí BHTG, tham gia phân loại rủi ro... Nhìn vào đó, người gửi tiền sẽ thêm củng cố niềm tin của mình vào các tổ chức tham gia BHTG.

***Hai là,** dưới góc độ pháp lý, các nhà khoa học thường phân tích vị trí pháp lý của tổ chức BHTG để làm rõ sự cần thiết của việc điều chỉnh quan hệ BHTG bằng pháp luật.* Những quan điểm phân tích này của các nhà nghiên cứu hoàn toàn có cơ sở khoa học. Tuy nhiên, để khẳng định tính khách quan của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với quan hệ BHTG cũng cần được nghiên cứu trên cơ sở đánh giá đặc điểm, tính chất của quan hệ này; tính chất phức tạp của việc tính toán số tiền BHTG; chi trả bảo hiểm trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG mất khả năng thanh toán; các tranh chấp có thể phát sinh giữa các bên

chủ thể trong quá trình chi trả bảo hiểm cho người thụ hưởng, những ảnh hưởng có tính chất dây chuyền trong hệ thống tài chính... Các quan điểm phân tích này dựa trên các căn cứ:

(i) Quan hệ BHTG phát sinh giữa các chủ thể tham gia có mối liên hệ mật thiết đến mục tiêu chính sách công của mỗi nhà nước. Do đó, quan hệ BHTG có những điểm khác biệt với các quan hệ xã hội khác phát sinh trong lĩnh vực dân sự, thương mại. Bất kỳ quan hệ xã hội nào hình thành trong xã hội dù có pháp luật điều chỉnh hay không thì chúng vẫn phát sinh, tồn tại và phát triển. Pháp luật ra đời sẽ định hướng cho sự phát triển của các quan hệ này phù hợp với ý chí cũng như cơ chế quản lý của Nhà nước. Quan hệ BHTG là một loại quan hệ pháp luật bảo hiểm – quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực tài chính. Tuy nhiên, quan hệ BHTG vừa mang tính phi thương và có mối liên quan nhất định với luật điều chỉnh chung cũng như chịu sự tác động của luật chuyên ngành. Hoạt động BHTG có thể không vì mục tiêu lợi nhuận thông qua việc thực hiện những mục tiêu xã hội, vì lợi ích của cộng đồng; cũng có loại hình hoạt động BHTG nhằm mục tiêu sinh lợi bên cạnh những mục tiêu chính sách công. Nhưng tất cả các loại BHTG nào cũng hướng tới mục tiêu căn bản của BHTG là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền tại các tổ chức tham gia BHTG. Tức là khi tổ chức BHTG hoạt động có hiệu quả và tổ chức tham gia BHTG tuân thủ nghĩa vụ pháp lý của mình thì quyền lợi của khách hàng sẽ được bảo toàn. Bên cạnh đó, mức chi trả BHTG trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG mất khả năng thanh toán cũng có tác động nhất định đến niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống ngân hàng, hệ thống tài chính quốc gia. Chi trả BHTG có thể có giới hạn hoặc toàn phần và nó cũng được quy định khác nhau giữa các quốc gia hoặc ngay trong một nước, tùy thuộc vào từng giai đoạn phát triển khác nhau với điều kiện kinh tế - xã hội nhất định. Chi trả BHTG toàn bộ sẽ được quy định

trong điều kiện kinh tế bị khủng hoảng nhằm ngăn chặn tình trạng rút tiền hàng loạt và tạo sự tin tưởng của người gửi tiền đối với hệ thống tổ chức tín dụng, ngân hàng về việc quyền lợi của họ vẫn đang được đảm bảo. Điều đó cho thấy, trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG và hoạt động BHTG có hiệu quả là một trong những phương thức bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền. Thông qua đó, góp phần hết sức quan trọng đối với việc thiết lập, duy trì ổn định hoạt động của chính các tổ chức tham gia BHTG nói riêng cũng như hệ thống tài chính, ngân hàng nói chung.

(ii) Trong quan hệ BHTG, chủ thể tham gia BHTG chỉ có thể là các tổ chức tài chính nhận tiền gửi của các cá nhân, tổ chức trong xã hội mà chủ yếu là tổ chức tín dụng, ngân hàng. Trên thực tế, khi quy định việc tham gia BHTG theo hình thức tự nguyện thường không được các tổ chức tham gia BHTG hưởng thực hiện. Tới nay, hầu như các quốc gia không còn quy định tham gia BHTG theo hình thức tự nguyện nữa mà quy định các tổ chức phải tham gia BHTG bắt buộc. Ngoài ra, tình trạng mức phí và phương thức nộp phí BHTG thường rất khó thỏa thuận giữa tổ chức BHTG và tổ chức tham gia BHTG cũng là nguyên nhân cần có những quy định cụ thể điều chỉnh vấn đề này.

2.2. Pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng thương mại

2.2.1. Khái niệm pháp luật về bảo hiểm tiền gửi

Pháp luật là hệ thống các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị. Nó khác với các quy phạm xã hội khác thể hiện ý chí của tất cả công chúng. Pháp luật ra đời cùng với nhà nước và pháp luật là công cụ sắc bén để thực hiện quyền lực nhà nước trong mọi lĩnh vực của xã hội, duy trì địa vị và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị [16]. Tương tự như vậy,

pháp luật bảo hiểm tiền gửi là hệ thống các quy định pháp luật của Nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực hoạt động BHTG. Pháp luật về hoạt động BHTG là một bộ phận không thể thiếu trong hệ thống pháp luật quốc gia, có mối liên hệ mật thiết với các bộ phận pháp luật về tài chính, ngân hàng. Đối tượng điều chỉnh của pháp luật về BHTG chính là những quan hệ BHTG được hình thành trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng.

2.2.2. Đặc điểm của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi

Thứ nhất, về phạm vi điều chỉnh

Pháp luật về BHTG điều chỉnh các quan hệ hình thành giữa các tổ chức tín dụng tham gia BHTG, tổ chức BHTG, người gửi tiền tại các tổ chức tham gia BHTG và các chủ thể thực hiện chức năng giám sát hoạt động tài chính - ngân hàng. Dưới sự điều chỉnh này, các chủ thể sẽ có những quyền chủ thể cũng như nghĩa vụ pháp lý nhất định. Quyền chủ thể của các bên trong một quan hệ pháp luật là mức độ, khả năng xử sự của chủ thể được tiến hành theo những cách thức nhất định được pháp luật về BHTG quy định và được Nhà nước bảo hộ.

Nội dung quyền chủ thể trong quan hệ BHTG bao gồm: Khả năng của chủ thể xử sự theo những cách thức nhất định mà pháp luật BHTG quy định; khả năng yêu cầu chủ thể khác phải có những xử sự nhất định nhằm đảm bảo quyền chủ thể của mình; khả năng yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quan hệ BHTG. Song hành với quyền chủ thể, quan hệ BHTG còn thể hiện những nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể. Đó là mức độ, khả năng xử sự cần phải có của các bên chủ thể khi tham gia quan hệ BHTG được pháp luật về BHTG quy định và được Nhà nước bảo đảm thực hiện. Nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ BHTG có nội dung gồm: Các chủ thể phải tiến hành những xử sự nhất định nhằm đáp ứng quyền chủ thể của bên còn lại trong quan hệ BHTG. Hệ thống quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể trong

quan hệ BHTG được thể hiện trong các quy định pháp luật về hoạt động BHTG do nhà nước ban hành. Như vậy, một bộ phận pháp luật của Nhà nước tác động lên xử sự của các chủ thể trong quan hệ BHTG nhằm xác lập, duy trì trật tự xã hội trong hoạt động BHTG thì hình thành nên hệ thống pháp luật về BHTG.

Thứ hai, pháp luật về bảo hiểm tiền gửi có mối liên hệ mật thiết với pháp luật về ngân hàng

Dựa trên cơ sở những nét đặc thù của hoạt động BHTG có thể thấy mối liên hệ, gắn kết của BHTG với hoạt động ngân hàng gồm có: Chủ thể thực hiện hoạt động BHTG chỉ có thể là các tổ chức tài chính đặc thù; chủ thể tham gia BHTG phải là tổ chức tài chính nhận tiền gửi của khách hàng (hầu hết là tổ chức tín dụng, ngân hàng) và tham gia BHTG bắt buộc và người thụ hưởng lợi ích từ BHTG không tách rời với chủ thể tham gia BHTG là các tổ chức tín dụng, ngân hàng. Vì vậy, pháp luật BHTG chính là hệ thống pháp luật chịu sự tác động của pháp luật ngân hàng.

Thứ ba, pháp luật về bảo hiểm tiền gửi là phương tiện pháp lý ghi nhận và bảo đảm thực thi các mục tiêu chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng

Như đã đề cập, hoạt động BHTG có mối liên hệ mật thiết đến mục tiêu chính sách phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Các nước khi thiết lập hệ thống BHTG sẽ luôn xác định chức năng cũng như vai trò của hoạt động BHTG cùng mục tiêu chính sách phát triển kinh tế - xã hội mà Nhà nước hướng tới. Pháp luật là biểu hiện dưới hình thức các đường lối, chính sách của giai cấp lãnh đạo thành hiện thực sinh động trong cuộc sống. Mặt khác, bằng việc thể chế hóa thành pháp luật, đường lối chủ trương chính sách của quốc gia biến thành những quyết định quản lý mang tính quyền lực nhà nước, trở thành các quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của cá nhân, tổ chức được thực hiện một cách trực tiếp, chính

xác, thống nhất trong cả nước, trong từng ngành, từng địa phương, từng đơn vị cơ sở. Vì vậy, điều chỉnh bằng pháp luật các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực hoạt động BHTG và các quan hệ xã hội liên quan sẽ tạo cơ sở pháp lý quan trọng để hoạt động BHTG đạt được các mục tiêu chính sách phát triển kinh tế - xã hội mà Nhà nước đề ra.

2.2.3. Nguyên tắc điều chỉnh pháp luật về bảo hiểm tiền gửi

Một là, bảo đảm thể chế hóa các mục tiêu chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng

Hệ thống pháp luật về hoạt động BHTG của các nước trên thế giới đều có một nét riêng biệt khác nhau đó là mục tiêu chính sách phát triển kinh tế - xã hội mà Nhà nước đó xác định hướng tới. Tức muốn hình thành một hệ thống pháp luật BHTG hoàn chỉnh thì bước đầu tiên mà mọi Nhà nước cần tiến hành luôn là việc Nhà nước đó phải nghiên cứu và xây dựng mục tiêu chính sách phát triển kinh tế - xã hội của mình. Đó chính là lý do mà hoạt động BHTG được điều chỉnh chủ yếu bằng “luật công”. Pháp luật quy định tổ chức tham gia BHTG dưới hình thức bắt buộc, về mức phí BHTG và phương thức nộp phí, hạn mức chi trả BHTG... mà các bên trong quan hệ BHTG không thể thỏa thuận. Chính sách phát triển kinh tế - xã hội là định hướng hành động được nhà nước lựa chọn, phù hợp với đường lối chính trị để giải quyết những vấn đề chung của xã hội trong một thời kỳ nhất định [50]. Với quan niệm đó, chính sách phát triển kinh tế - xã hội có vai trò to lớn trong hoạt động quản lý xã hội của Nhà nước. Đối chiếu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, Chính sách về tín dụng ngân hàng là hệ thống các chủ trương, định hướng quy định chi phối hoạt động tín dụng được Nhà nước lựa chọn, phù hợp với đường lối chính trị để giải quyết những vấn đề tổng thể trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng trong một thời kỳ nhất định. Mục tiêu của chính sách về tín dụng ngân hàng có thể được chia làm các

nhóm khác nhau như: Bảo đảm sự ổn định của toàn hệ thống tín dụng ngân hàng; bảo vệ người gửi tiền và nhóm các mục tiêu khác. Từ đó, pháp luật về BHTG sẽ được thiết kế trên cơ sở nhóm mục tiêu cơ bản đã xác định. Và các mục tiêu này được thể hiện xuyên suốt trong hệ thống pháp luật BHTG nói riêng cũng như pháp luật tín dụng ngân hàng nói chung.

Hai là, quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ bảo hiểm tiền gửi; quy trình thực hiện nghiệp vụ bảo hiểm tiền gửi

Về nguyên lý, BHTG được hiểu là cam kết công khai của tổ chức BHTG đối với tổ chức tham gia BHTG về việc tổ chức BHTG sẽ trả tiền gửi cho người gửi tiền khi tổ chức tham gia BHTG bị chấm dứt hoạt động và không có khả năng thanh toán cho người gửi tiền. Trong quan hệ BHTG luôn là quan hệ ba bên: Chủ thể BHTG (tổ chức BHTG); chủ thể tham gia BHTG (các tổ chức tín dụng và ngân hàng thương mại); chủ thể được chi trả BHTG (người gửi tiền). Chủ thể tham gia BHTG là các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô... có hoạt động nhận tiền gửi của khách hàng, phải đóng phí cho tổ chức BHTG. Trường hợp nếu tổ chức tín dụng gặp phải rủi ro dẫn đến đổ vỡ hoặc phá sản thì tổ chức BHTG bồi hoàn cho chủ thể nhận tiền gửi tại tổ chức tham gia BHTG theo quy định của pháp luật. Vì vậy, pháp luật phải quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thực hiện, chủ thể tham gia cũng như các quy trình về thực hiện nghiệp vụ BHTG.

Ba là, bảo đảm vị trí pháp lý độc lập của tổ chức bảo hiểm tiền gửi

Vị trí pháp lý của tổ chức BHTG là cao nhất trong hệ thống BHTG tại một quốc gia, nó phản ánh sự tương quan về vị thế pháp lý, tính tuân thủ của đối tượng mà pháp luật BHTG điều chỉnh với các chính sách khác của quốc gia. Tùy thuộc vào loại hình BHTG mà pháp luật quy định, tổ chức BHTG có phạm vi

trách nhiệm cũng như quyền hạn khác nhau. Tuy nhiên, có một điểm chung trong pháp luật về BHTG giữa các quốc gia là sự quy định về chức năng của tổ chức BHTG trong việc thay mặt nhà nước thực hiện hoạt động BHTG, nhằm đạt được những mục tiêu chính sách phát triển kinh tế - xã hội mà Nhà nước đề ra. Để đảm bảo cho tổ chức BHTG có thể hoàn thành tốt chức năng của mình do pháp luật quy định, hệ thống pháp luật BHTG cần khẳng định vị trí pháp lý độc lập của tổ chức BHTG trong mối quan hệ với các chủ thể quản lý và giám sát tài chính khác của quốc gia. Đồng thời, phải thiết kế được hệ thống quyền hạn, trách nhiệm phù hợp cho tổ chức này. Đây chính là căn cứ pháp lý để tổ chức BHTG hoàn thành “trọng trách” của mình trong lĩnh vực hoạt động BHTG. Các cuộc khủng hoảng tài chính - ngân hàng trong những năm qua cho thấy, rất nhiều quốc gia phải xem xét lại vị thế, địa vị pháp lý của tổ chức BHTG để bảo vệ tiền gửi và bảo vệ hệ thống tài chính - ngân hàng của họ. Hầu hết các quốc gia, việc tham gia BHTG của các ngân hàng là bắt buộc theo quy định của nhà nước về BHTG. Qua khảo sát 71 hệ thống BHTG cho thấy, hầu hết các quốc gia đều xây dựng khuôn khổ pháp luật cho tổ chức BHTG dưới dạng luật. Thiết lập như vậy sẽ giúp cho việc nâng cao hơn địa vị pháp lý của tổ chức BHTG. Có thể thấy tại các nước có hệ thống BHTG hoạt động có hiệu quả, khuôn khổ pháp lý đều được luật hóa như Luật Bảo hiểm tiền gửi của Hoa Kỳ; Luật Bảo hiểm tiền gửi Ngân hàng của Canada; Luật về ngành tín dụng của Đức; Luật Bảo hiểm tiền gửi của Nhật; Luật Bảo hiểm tiền gửi của Đài Loan; Luật DDO EF No 94-6 của Pháp. Trong đó, Luật Bảo hiểm tiền gửi quy định bắt buộc các ngân hàng và tổ chức tài chính nhận tiền gửi của khách hàng phải tham gia BHTG. Như vậy, Luật Bảo hiểm tiền gửi là khuôn khổ pháp lý, là nền tảng tạo dựng địa vị pháp lý và nâng cao vị thế của tổ chức BHTG, cũng như giúp cho sự phát triển ổn định của hệ

thống BHTG trong thực thi có hiệu quả chính sách công về tài chính – ngân hàng của quốc gia.

Theo kinh nghiệm của nhiều quốc gia đã thu được những thành công trong quá trình hội nhập kinh tế quốc, có hệ thống BHTG hoạt động và vận hành hiệu quả, môi trường pháp lý cho hoạt động BHTG hay vị trí pháp lý của tổ chức BHTG ở một số quốc gia hầu hết được xây dựng bằng luật hóa. Điều này càng cần thiết đối với các hệ thống BHTG đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Địa vị pháp lý của tổ chức BHTG càng cao thì tính tuân thủ cũng như sự ổn định sẽ càng bền vững, vì vai trò của hoạt động BHTG nhằm góp phần điều chỉnh và vận hành thị trường tiền tệ, hạn chế tối đa các tổn thất và duy trì kỷ cương thị trường. Tuy nhiên, về nguyên lý để có một hệ thống BHTG ra đời, vận hành và hoạt động hiệu quả, các nội dung hệ thống pháp luật điều chỉnh cần được nhà hoạch định chính sách lưu tâm nghiên cứu cũng như hoàn thiện.

Bốn là, bảo đảm gây dựng, duy trì được lòng tin, tâm lý yên tâm của người gửi tiền đối với hệ thống ngân hàng và bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền

Như đã khẳng định, mục đích cốt lõi của BHTG là bảo vệ người gửi tiền tại các tổ chức tham gia BHTG. Đây là mục tiêu xuất phát từ những đặc thù của mối quan hệ giữa người gửi tiền và tổ chức nhận tiền gửi. Người gửi tiền không đơn thuần chỉ là chủ thể có quan hệ tín dụng thuần túy đối với tổ chức tham gia BHTG, mà sự tham gia vào quan hệ tín dụng của họ mang tính chất quyết định tới sự tồn vong của hệ thống tổ chức tín dụng, ngân hàng. Do đó, quy định của pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền cũng chính là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của tổ chức tham gia BHTG. Để bảo đảm được điều này, pháp luật quy định về BHTG cần được công khai và bảo đảm tính rõ ràng. Bởi đây sẽ là cơ sở giúp các chủ thể tham gia quan hệ BHTG có thể áp

dụng quy định pháp luật một cách nhanh chóng và chính xác. Khi hoạt động BHTG được thực thi hiệu quả sẽ là tiền đề gây dựng, duy trì sự tin tưởng của người gửi tiền vào Chính phủ, vào pháp luật về BHTG, vào hệ thống tổ chức tín dụng, ngân hàng. Và tất yếu hạn chế được hiện tượng bất ổn của hệ thống tổ chức kinh doanh tiền tệ. Như vậy, trong hoạt động xây dựng và hoàn thiện pháp luật về BHTG, nhà hoạch định chính sách cần có hệ thống các nguyên tắc nhất định để dựa vào đó định hướng các chính sách công về tài chính – ngân hàng sao cho phù hợp với điều kiện phát triển của quốc gia. Các nguyên tắc này thể hiện xuyên suốt trong hệ thống pháp luật về BHTG nói riêng và hệ thống pháp luật tài chính - ngân hàng nói chung.

2.2.4. Nội dung pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng thương mại

Thứ nhất, tham gia bảo hiểm tiền gửi là điều kiện bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại

Như trên đã trình bày, trong quan hệ BHTG luôn là quan hệ ba bên: Chủ thể BHTG (tổ chức BHTG); chủ thể tham gia BHTG (các tổ chức tín dụng và ngân hàng thương mại); chủ thể được chi trả BHTG (người gửi tiền). Xét từ mối quan hệ này, theo pháp luật về BHTG của các quốc gia trên thế giới, các ngân hàng thương mại là chủ thể bắt buộc phải tham gia BHTG.

Nguyên tắc “Bắt buộc tham gia bảo hiểm tiền gửi” là nguyên tắc số 8 theo “Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả của Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng và Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế”⁵. Bên cạnh đó, “Chỉ thị về hệ thống bảo đảm cho người gửi tiền” của Cộng đồng Châu Âu (EU) cũng quy định tất cả các tổ chức tín dụng hoạt động tại Châu Âu

⁵ Xem thêm: Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả của Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng và Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi quốc tế, Tháng 9 – 2009.

phải là thành viên của một hoặc nhiều hệ thống bảo đảm cho người gửi tiền. Nếu vi phạm quy định này, Nhà nước thành viên của Cộng đồng Châu Âu (EU) mà tổ chức tín dụng có trụ sở phải có chế tài cưỡng bức và việc sử phạt có thể dẫn tới việc rút giấy phép của tổ chức tín dụng⁶. Quy định tương tự như vậy đã được áp dụng khá phổ biến ở các nước trên thế giới. Ngoại lệ về vấn đề này có lẽ chỉ còn áp dụng đối với tín dụng vi mô.

Tham gia BHTG là điều kiện bắt buộc đối với tất cả các ngân hàng thương mại có huy động tiền gửi. Quy định này loại bỏ rủi ro chọn nhăm đối tượng trong tham gia BHTG. Thông thường ngân hàng hoạt động an toàn, lợi nhuận ổn định sẽ có khuynh hướng không muốn tham gia BHTG để giảm chi phí. Còn ngân hàng hoạt động với độ rủi ro cao hơn, uy tín trên thị trường đang trong quá trình củng cố và xây dựng lại mong muốn tham gia BHTG để cải thiện hình ảnh, tăng cường niềm tin từ cộng đồng, tăng khả năng huy động tiền gửi. Với quy định bắt buộc các ngân hàng có huy động tiền gửi phải tham gia BHTG, hai loại ngân hàng này đều bình đẳng về trách nhiệm tham gia BHTG.

Thứ hai, khi tham gia bảo hiểm tiền gửi, các ngân hàng thương mại phải đóng phí bảo hiểm tiền gửi

Bảo hiểm tiền gửi là một hệ thống được thiết lập để bảo vệ người gửi tiền và bảo hiểm cho sự mất mát tiền gửi của họ trong trường hợp một tổ chức tham gia BHTG mất khả năng thực hiện nghĩa vụ của nó với người gửi tiền. Các ngân hàng thương mại phải đóng phí bảo hiểm cho tổ chức BHTG để đảm bảo cho tổ chức này có đủ vốn hoạt động cần thiết và giải quyết nhanh chóng các trường hợp ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng mất khả năng thanh toán.

Thực tế, nguồn thu phí BHTG từ các ngân hàng thương mại và các chủ thể tham gia BHTG hình thành nên quỹ BHTG và được dùng để chi trả cho người

⁶ Xem thêm: Chỉ thị về hệ thống bảo đảm cho người gửi tiền của Cộng đồng Châu Âu

gửi tiền trong tình huống có ngân hàng đóng cửa mà không đủ khả năng trả tiền gửi và các trách nhiệm tài chính khác cho khách hàng. Hơn nữa, với sự tham gia của tất cả các ngân hàng có huy động tiền gửi, quỹ BHTG sẽ có khả năng chi trả cho số lượng lớn người gửi tiền ở ngân hàng đóng cửa. Điều này giảm đáng kể khả năng rủi ro xảy ra ở diện rộng, liên quan tới nhiều ngân hàng.

Phí BHTG được xác định theo hai hình thức: Phí tham gia (phí thành viên) thường được tính và nộp vào thời điểm ngân hàng được chấp nhận tham gia BHTG và phí đóng góp thường xuyên. Hình thức phí thành viên rất ít được áp dụng, mà phổ biến là phí đóng góp thường xuyên. Có hai cách tính phí thường xuyên, đó là tính theo một tỷ lệ đồng hạng cho tất cả các ngân hàng tham gia BHTG và tính theo tỷ lệ phân biệt theo mức độ rủi ro được đánh giá cho từng ngân hàng. Trong giai đoạn mới triển khai BHTG, hầu hết các quốc gia đều lựa chọn tỷ lệ phí đồng hạng để tính mức phí phải đóng của mỗi ngân hàng. Việc áp dụng tỷ lệ phí đồng hạng cho thấy yếu tố đáp ứng trách nhiệm xã hội, bởi nếu có sự phân biệt trong mức phí áp dụng sẽ tạo nên phản ứng thiếu tích cực trên thị trường. Ngân hàng bị áp dụng phí cao sẽ là tín hiệu cho hoạt động ở mức độ rủi ro cao hơn. Độ trễ trong áp dụng phí phân biệt theo rủi ro cho phép ngân hàng khó khăn có lộ trình vươn lên và nhận được sự hỗ trợ tích cực từ chính sách BHTG. Phí BHTG được tính trên cơ sở số dư tiền gửi bình quân của tiền gửi được bảo hiểm tại ngân hàng thương mại. Phí BHTG được tính và nộp định kỳ hàng quý trong năm tài chính. Ngân hàng thương mại phải nộp phí BHTG cho tổ chức BHTG chậm nhất vào ngày 20 tháng đầu tiên của quý kế tiếp. Phí BHTG được hạch toán vào chi phí hoạt động của ngân hàng thương mại.

Thứ ba, quyền và nghĩa vụ của các ngân hàng thương mại khi tham gia bảo hiểm tiền gửi

Khi tham gia bảo hiểm tiền gửi, các ngân hàng thương mại có các quyền và nghĩa vụ như sau:

Về quyền, các ngân hàng thương mại được nộp hồ sơ gửi tổ chức BHTG để đề nghị cấp giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm: Đơn đăng ký tham gia bảo hiểm tiền gửi; bản sao giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hoặc giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài; bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong thời gian luật định, tổ chức BHTG có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận tham gia BHTG cho ngân hàng thương mại. Sau khi tham gia BHTG, ngân hàng thương mại có quyền yêu cầu tổ chức BHTG chi trả tiền bảo hiểm cho người được BHTG tại ngân hàng thương mại khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm; được quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến BHTG theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ, sau khi được cấp giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi, ngân hàng thương mại phải niêm yết công khai bản sao giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi tại tất cả các điểm giao dịch có nhận tiền gửi; có nghĩa vụ nộp phí bảo hiểm tiền gửi đầy đủ và đúng thời hạn; có nghĩa vụ cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm cho tổ chức BHTG theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của tổ chức BHTG.

Thứ tư, các ngân hàng thương mại chịu sự kiểm tra, giám sát của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong quá trình hoạt động

Nguyên tắc 13 trong Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển các hệ thống BHTG hiệu quả của Hiệp hội BHTG quốc tế (IADI) khuyến nghị⁷: “Tổ chức BHTG cần phải là một bộ phận của hệ thống an toàn tài chính để phát hiện sớm, can thiệp

⁷ Xem thêm: Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả của Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng và Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi quốc tế, Tháng 9 – 2009.

kip thời các ngân hàng có vấn đề. Khuôn khổ này cần cho phép can thiệp trước thời điểm một ngân hàng phá sản. Việc đảm bảo nguyên tắc này nhằm bảo vệ người gửi tiền và đóng góp vào sự ổn định tài chính”.

Theo đó, bên cạnh việc nâng cao tính chủ động trong hoạt động giám sát, tổ chức BHTG có thể chủ động chuẩn bị các kịch bản đối phó, bao gồm cả về khả năng tài chính và nguồn nhân lực khi phát hiện sớm các rủi ro; đồng thời, các cơ quan giám sát an toàn tài chính sẽ triển khai hiệu quả các biện pháp giảm thiểu tối đa chi phí xử lý đổ vỡ như: hỗ trợ thanh khoản, hỗ trợ sáp nhập, mua lại hay tái cấp vốn cho một ngân hàng từ nguồn vốn của tổ chức BHTG, hoặc các cơ quan chính phủ có thẩm quyền khác.

Hoạt động giám sát, kiểm tra của tổ chức BHTG đối với tổ chức tham gia BHTG (các ngân hàng thương mại) là hoạt động nòng cốt, cho phép tổ chức BHTG đóng góp trực tiếp vào giảm thiểu rủi ro phát sinh trong hoạt động của ngân hàng thương mại. Tùy vào mức độ triển khai và phát triển chính sách BHTG của mỗi quốc gia mà chức năng kiểm tra và giám sát được xây dựng, đảm bảo tính đồng bộ trong giám sát hoạt động ngân hàng, tránh chồng chéo với các thiết chế khác trong mạng lưới an toàn hoạt động ngân hàng quốc gia. Thành công của tổ chức BHTG ở Hoa Kỳ được đánh giá cao, trong đó có đóng góp đáng kể của hoạt động giám sát và kiểm tra của tổ chức này. Nội dung giám sát và kiểm tra có bao gồm yếu tố xác định loại tiền gửi được bảo hiểm và không được bảo hiểm liên quan tới đội ngũ nhân sự quản lý ngân hàng huy động tiền gửi là tiêu chí đáp ứng tính minh bạch, đạo đức và thực thi trách nhiệm xã hội của người quản lý trong điều hành ngân hàng mà họ có gửi tiền.

Bên cạnh đó, tổ chức BHTG còn tham gia giải quyết khó khăn cho ngân hàng huy động tiền gửi. Khi ngân hàng có khó khăn, tổ chức BHTG là kênh hỗ trợ đặc lực, sẽ triển khai các hoạt động hỗ trợ cần thiết để khắc phục, chuyển

giao xử lý khó khăn. Tổ chức BHTG có thể cho vay hỗ trợ thanh khoản cho ngân hàng có khó khăn, kiểm tra phát hiện sai phạm, phối hợp tìm đối tác chuyển giao (mua lại) ngân hàng và cuối cùng có thể đảm trách là người điều hành chèo lái ngân hàng có khó khăn (triển khai ngân hàng bắc cầu)... Những hoạt động này có tác dụng trực tiếp giải quyết khó khăn của ngân hàng trước, trong và sau khi chi trả BHTG, góp phần giải quyết tối ưu quyền lợi của người gửi tiền, chủ nợ và cổ đông của ngân hàng.

Ở Việt Nam, hoạt động giám sát, kiểm tra cũng được coi là nghiệp vụ quan trọng nhất của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, hiện nay tổ chức này triển khai giám sát 100% các tổ chức tham gia BHTG và thực hiện nhiều cuộc kiểm tra tại chỗ đối với các tổ chức tham gia BHTG. Hiện nay, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cũng đang nghiên cứu cải tiến hoạt động giám sát theo mô hình và chuẩn mực quốc tế; kết nối trực tuyến thí điểm với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để khai thác báo cáo điện tử trực tuyến từ các tổ chức tín dụng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Hệ thống bảo hiểm tiền gửi ra đời từ rất sớm vào những năm đầu thế kỷ XIX cho thấy đòi hỏi khách quan trong quá trình hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng, ngân hàng. Nó trở thành hoạt động không thể thiếu trong quá trình phát triển kinh tế của mọi quốc gia trên thế giới. Về mặt pháp lý, BHTG là thỏa thuận của tổ chức BHTG sẽ thực hiện thanh toán thay tổ chức tham gia tiền gửi (ngân hàng thương mại) khi tổ chức này chấm dứt hoạt động hoặc mất khả năng thanh toán cho người gửi tiền. Về bản chất, BHTG là một loại hình dịch vụ tiện ích có thể gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hầu hết mọi tầng lớp dân cư trong xã hội. Sự xuất hiện của BHTG mang ý nghĩa rất lớn và nhằm mục

đích cốt lõi là thực hiện các chính sách về tín dụng - ngân hàng của Nhà nước. Tuy nhiên, mục đích cao nhất của hoạt động BHTG là bảo vệ người gửi tiền và góp phần bảo đảm an toàn và phát triển bền vững hệ thống ngân hàng và hệ thống tài chính quốc gia. Để thực hiện được những mục đích chủ chốt đó, thì pháp luật về BHTG chính là công cụ hữu dụng và hiệu quả nhất mà Nhà nước hướng tới nhằm điều chỉnh mọi quan hệ phát sinh trong lĩnh vực này.

Trong Chương 2, tác giả đã làm rõ các vấn đề lý luận về bảo hiểm tiền gửi, pháp luật về BHTG, đặc biệt là làm rõ nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động BHTG của các ngân hàng thương mại. Tham gia BHTG là điều kiện bắt buộc đối với tất cả các ngân hàng có huy động tiền gửi. Quy định này loại bỏ rủi ro chọn nhầm đối tượng trong tham gia BHTG. Thông thường ngân hàng hoạt động an toàn, lợi nhuận ổn định sẽ có khuynh hướng không muốn tham gia BHTG để giảm chi phí. Còn ngân hàng hoạt động với độ rủi ro cao hơn, uy tín trên thị trường đang trong quá trình củng cố và xây dựng lại mong muốn tham gia BHTG để cải thiện hình ảnh, tăng cường niềm tin từ cộng đồng, tăng khả năng huy động tiền gửi. Với quy định bắt buộc các ngân hàng có huy động tiền gửi phải tham gia BHTG, hai loại ngân hàng này đều bình đẳng về trách nhiệm tham gia BHTG.

Theo quy định của pháp luật, tổ chức BHTG có trách nhiệm kiểm tra, giám sát định kỳ đối với 100% tổ chức tham gia BHTG (trong đó có các ngân hàng thương mại), kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về BHTG và an toàn trong hoạt động của các ngân hàng. Thông qua hoạt động giám sát từ xa, tổ chức BHTG sẽ phát hiện các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng yếu kém, tiềm ẩn rủi ro, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý kịp thời.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

3.1. Thực trạng quy định pháp luật Việt Nam về hoạt động bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng thương mại

3.1.1. Ngân hàng thương mại là chủ thể tham gia quan hệ bảo hiểm tiền gửi

Theo quy định giải thích của Điều 4 Luật Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam năm 2012: “Bảo hiểm tiền gửi là sự bảo đảm hoàn trả tiền gửi cho người được bảo hiểm tiền gửi trong hạn mức trả tiền bảo hiểm khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền hoặc phá sản” (khoản 1). Quan hệ bảo hiểm tiền gửi được thiết lập giữa: “Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là tổ chức tài chính nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, thực hiện chính sách bảo hiểm tiền gửi, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng” (khoản 4) với “Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng được nhận tiền gửi của cá nhân” (khoản 3) và “Người được bảo hiểm tiền gửi là cá nhân có tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi” (khoản 2).

Theo quy định của Điều 6 Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012, ngân hàng thương mại là chủ thể tham gia BHTG – (bao gồm các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tài chính khác được thành lập theo quy định của pháp luật, nhận tiền gửi của cá nhân, tổ chức trong xã hội phải tham gia quan hệ bảo hiểm tiền gửi với tổ chức BHTG).

Thứ nhất, tư cách chủ thể và cách thức tham gia bảo hiểm tiền gửi

Ngân hàng thương mại ra đời và phát triển gắn liền với các hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhân dân và nền kinh tế. Trong các nước phát triển hầu như không có một công dân nào là không có quan hệ giao dịch với một Ngân hàng thương mại nhất định nào đó. Ngân hàng thương mại được coi như là một định chế tài chính quen thuộc trong đời sống kinh tế. Khi nền kinh tế càng phát triển thì hoạt động dịch vụ của ngân hàng càng đi sâu vào tận cùng những ngõ ngách của nền kinh tế và đời sống con người. Mọi công dân đều chịu tác động từ các hoạt động của ngân hàng, dù họ chỉ là khách hàng gửi tiền, một người vay hay đơn giản là người đang làm việc cho một doanh nghiệp có vay vốn và sử dụng các dịch vụ ngân hàng. Điều đó cho thấy hệ thống ngân hàng thương mại trong nước là nòng cốt tạo nên hệ thống thành viên đối với hầu hết các hệ thống BHTG tại các nước cũng như Việt Nam. Mặt khác, các ngân hàng này nắm giữ đại đa số tiền gửi của người gửi tiền, đặc biệt là những người gửi tiền nhỏ lẻ. Cho nên, việc ngân hàng thương mại bắt buộc phải tham gia BHTG là điều tất yếu và dễ hiểu nhằm bảo đảm an toàn cho người gửi tiền. Điều này được ghi nhận tại khoản 1 Điều 6 Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012, theo đó: *“Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhận tiền gửi của cá nhân phải tham gia bảo hiểm tiền gửi, trừ ngân hàng chính sách”*.

Ngân hàng chính sách phục vụ đối tượng là hộ nghèo, học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, các đối tượng chính sách cần vay vốn để giải quyết việc làm, đi lao động có thời hạn ở nước ngoài và các tổ chức kinh tế, cá nhân hộ sản xuất, kinh doanh thuộc các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, khu vực II và III, ngân hàng chính sách hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được Nhà nước Việt Nam bảo đảm khả năng thanh toán cho nên việc tham gia BHTG là không cần thiết.

Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài, không có tư cách pháp nhân, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam. Chi nhánh và đại lý của ngân hàng nước ngoài là tổ chức đặt ở nước ngoài nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh của ngân hàng sang một nước khác. Chi nhánh và đại lý ngân hàng nước ngoài được phân biệt chủ yếu ở mức độ độc lập với ngân hàng mẹ. Nhìn chung, đây cũng là một loại hình ngân hàng thương mại cũng có chức năng nhận tiền gửi. Thông thường, chi nhánh và đại lý ngân hàng nước ngoài chịu sự giám sát và quản lý của nước chủ quản nơi mà chi nhánh đặt trụ sở theo quy định pháp luật của nước đó. Do đó, mỗi quốc gia sẽ quy định khác nhau về điều kiện cũng như cách thức tham gia BHTG của chi nhánh và đại lý ngân hàng nước ngoài. Ở một số nước sẽ bắt buộc chi nhánh và đại lý ngân hàng nước ngoài tham gia BHTG với lập luận nguyên nhân do: ngân hàng nước ngoài được hưởng lợi nếu hệ thống tài chính của quốc gia sở tại ổn định.

Việc yêu cầu bắt buộc mô hình này tham gia BHTG nhằm đa dạng hóa thành viên tham gia BHTG thì rủi ro của tổ chức BHTG sẽ được phân tán và tất nhiên là nguồn vốn BHTG cũng trở nên phong phú hơn. Bên cạnh đó, quy định nghĩa vụ tham gia BHTG của chi nhánh, đại lý ngân hàng nước ngoài tại quốc gia sở tại tạo môi trường bình đẳng giữa ngân hàng nội địa và ngân hàng nước ngoài. Ngược lại, có một số nước khác không cho phép chi nhánh và đại lý ngân hàng nước ngoài tham gia BHTG. Quy định này xuất phát từ nguyên nhân tổ chức BHTG sẽ phải đối mặt với những nguy cơ rủi ro rất khó hạn chế. Việc thực hiện thu hồi số tiền đã chi trả cho người gửi tiền sẽ khó khăn hơn do phần lớn sự phá sản của các ngân hàng đó đều diễn ra ở nước ngoài và chịu sự điều chỉnh của pháp luật về phá sản của nước đó. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật Việt Nam tại khoản 1 Điều 6 Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012, ngoài ngân hàng chính

sách, các tổ chức tín dụng còn lại kể cả chi nhánh và đại lý ngân hàng nước ngoài đều phải tham gia BHTG. Điều đó cho thấy tư duy nhà làm luật Việt Nam cũng cho thấy việc phân tán rủi ro cho tổ chức BHTG là cần thiết. Bên cạnh đó, quy định nghĩa vụ tham gia BHTG của chi nhánh, đại lý NH nước ngoài tại quốc gia sở tại tạo môi trường bình đẳng giữa NH nội địa và NH nước ngoài.

Thứ hai, quyền và nghĩa vụ pháp lý của ngân hàng thương mại với tư cách là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi

a. Về nghĩa vụ:

- Nghĩa vụ thực hiện thủ tục pháp lý nhất định để được xác nhận tư cách thành viên tham gia bảo hiểm tiền gửi

Pháp luật các nước có thể quy định thủ tục tham gia BHTG của các tổ chức có thể khác nhau, song nhìn chung đều căn cứ vào mục tiêu hoạt động của tổ chức BHTG của nước đó. Mặt khác, các quy định về thủ tục tham gia BHTG của các nước còn đảm bảo sự thuận tiện cho các tổ chức gửi tiền tiến hành thủ tục một cách nhanh chóng, chính xác; đồng thời buộc tổ chức nhận tiền gửi phải đáp ứng những yêu cầu an toàn tối thiểu như phạm vi về vốn hay chiến lược phát triển phù hợp... Các quốc gia trên thế giới có những nước tổ chức đồng thời kiêm luôn chức năng của hệ thống giám sát tài chính hợp nhất, thủ tục tham gia BHTG thường đơn giản, chỉ cần đáp ứng các tiêu chuẩn đề ra sẽ được cấp giấy phép để hoạt động và đương nhiên trở thành thành viên của hệ thống BHTG. Một số nước có thiết chế tổ chức với nhiều cơ quan chịu trách nhiệm trong hoạt động của hệ thống giám sát hợp nhất dân tới thủ tục tham gia BHTG sẽ phức tạp hơn. Nhìn chung, các quốc gia quy định thủ tục tham gia BHTG theo hai cách thức phổ biến sau: (i) Quy định thẩm quyền cấp “giấy chứng nhận tham gia BHTG” cho một cơ quan, tổ chức nhất định. Điều này có nghĩa là, tổ chức nhận tiền gửi đã đáp ứng được những điều kiện do pháp luật quy định, được cơ quan

có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động hoặc phê chuẩn Điều lệ hoạt động thì sẽ được nhận “giấy chứng nhận tham gia BHTG”. Quy định này chỉ đòi hỏi tổ chức tham gia BHTG cung cấp bộ hồ sơ xin gia nhập và chỉ cần một lần thông qua, tổ chức nhận tiền gửi là ngân hàng thương mại đã được công nhận về mặt pháp lý không chỉ chức năng hoạt động ngân hàng mà còn về tư cách thành viên của tổ chức BHTG. Đây là thủ tục tham gia BHTG được tối giản một cách thuận tiện nhất cho chủ thể tham gia BHTG. Tuy nhiên, hạn chế của thủ tục này có thể tạo khó khăn cho hoạt động quản lý rủi ro của tổ chức BHTG đối với tổ chức tham gia BHTG cũng như việc thực hiện mục tiêu của tổ chức BHTG; (ii) Thủ tục theo hình thức thứ hai là pháp luật quốc gia sẽ quy định điều kiện trở thành thành viên của tổ chức BHTG là ngân hàng thương mại và các tổ chức nhận tiền gửi khác phải có hai loại giấy phép trước khi hoạt động. Đó là giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng và Giấy chứng nhận tham gia BHTG. Pháp luật nước ta áp dụng thủ tục này trong hệ thống pháp luật về BHTG của mình. Cụ thể, khoản 3 Điều 14 Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012 quy định như sau: “Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận tham gia BHTG bao gồm: (a) Đơn đăng ký tham gia bảo hiểm tiền gửi; b) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hoặc giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (c) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Tuy thực hiện thủ tục này có thể phức tạp, nhưng tổ chức BHTG sẽ tăng khả năng kiểm soát được nguy cơ tổn thất trong hoạt động ngân hàng hơn so với thủ tục nói trên, từ đó, có biện pháp xử lý kịp thời hơn.

- Nghĩa vụ nộp phí bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật

Một trong các nghĩa vụ của tổ chức tham gia BHTG là nộp phí BHTG. Quy định này được ghi nhận tại khoản 3 Điều 12 Luật Bảo hiểm tiền gửi hiện hành của nước ta. Tổ chức tham gia BHTG là ngân hàng thương mại phải tuân

thủ quy định của pháp luật về mức phí BHTG cũng như thủ tục nộp phí BHTG. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ nộp phí BHTG, Tổ chức tham gia BHTG là ngân hàng thương mại có thể phải gánh chịu các biện pháp chế tài pháp lý do pháp luật quy định.

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm cho tổ chức BHTG theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của tổ chức BHTG

Đây là hoạt động nhằm bảo đảm cho khả năng kiểm soát rủi ro của tổ chức BHTG. Thông tin về tiền gửi cần được cung cấp theo định kỳ nhằm giúp cho tổ chức BHTG nắm được mọi biến động về tình hình kinh doanh tiền tệ của các chủ thể tham gia BHTG cũng như “số phận” của dòng tiền gửi được bảo hiểm. Ngoài ra, trong những trường hợp nhận được những thông báo hoặc trong quá trình giám sát tổ chức BHTG nhận thấy bất kì chủ thể tham gia BHTG có dấu hiệu mất khả năng thanh toán cần thiết phải kiểm tra, xác nhận lại thì tổ chức BHTG có quyền yêu cầu cung cấp thông tin tiền gửi và các tổ chức tham gia BHTG có nghĩa vụ tương ứng. Nghĩa vụ này được quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012.

b. Về quyền:

- Quyền yêu cầu tổ chức BHTG chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm

Cũng như quan hệ bảo hiểm thông thường khác, bên được bảo hiểm có quyền yêu cầu bên bảo hiểm chi trả tiền bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm xảy ra. Ở đây, chủ thể tham gia BHTG khi trở thành thành viên của tổ chức BHTG sau khi đã đóng phí bảo hiểm cho tổ chức này đối với khoản tiền gửi của người được bảo hiểm là người gửi tiền thì khi sự kiện bảo hiểm xảy ra tổ chức tham gia BHTG có quyền yêu cầu tổ chức BHTG thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm của mình. Sự kiện bảo hiểm ở đây chính là khi tổ chức tham gia BHTG bị giải thể, phá sản dẫn tới

mất khả năng thanh toán cho người gửi tiền. Lúc này tổ chức BHTG tiến hành nghĩa vụ bảo hiểm của mình theo quy định của pháp luật về BHTG.

- Quyền hưởng hỗ trợ tài chính trong trường hợp mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn

Hỗ trợ tài chính là một trong những nghiệp vụ của tổ chức BHTG được quy định nhằm trợ giúp các tổ chức tham gia BHTG trong đó có cả hệ thống NHTM lúc gặp khó khăn về tài chính nhằm tạo cơ hội cho hệ thống này khôi phục khả năng tài chính của mình. Tuy nhiên, không phải các hỗ trợ tài chính này cung ứng một cách tự động, hệ thống tổ chức tham gia BHTG phải đáp ứng những điều kiện do luật định mới trở thành chủ thể được nhận hỗ trợ tài chính.

Bởi hoạt động ngân hàng luôn tiềm ẩn những rủi ro thường rất khó dự đoán trước. Việc được hỗ trợ tài chính sẽ giúp cho tổ chức tham gia BHTG có cơ hội cải tổ lại hoạt động kinh doanh của mình, khôi phục phần nào khả năng tài chính từ đó góp phần hạn chế rủi ro ngân hàng.

3.1.2. Một số quy định về hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Thứ nhất, về hoạt động cấp giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi

Cấp giấy chứng nhận BHTG là hình thức pháp lý của loại hình BHTG mà tổ chức tham gia BHTG (ngân hàng thương mại) theo cách thức bắt buộc. Theo đó, pháp luật quy định cụ thể về loại tổ chức nhận tiền gửi phải tham gia BHTG; thủ tục tham gia; điều kiện cấp, cấp đổi, thu hồi giấy, chủ thể có thẩm quyền tiến hành... Nhìn chung quy định về cấp giấy chứng nhận BHTG thể hiện tính chất quan hệ hành chính.

Theo quy định của pháp luật về hoạt động BHTG hiện hành của Việt Nam, mục tiêu cơ bản của hoạt động BHTG là bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền nhỏ, khuyến khích công chúng tham gia gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo các hình thức như gửi tiền tiết kiệm. Các ngân hàng thương mại nhận

tiền gửi hoặc chi nhánh của tổ chức phải hoàn thành thủ tục tham gia BHTG để được cấp giấy chứng nhận BHTG trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh. Hình thức pháp lý của việc tham gia BHTG là giấy chứng nhận tham gia BHTG. Theo Điều 14 Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012, chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai trương hoạt động, tổ chức tham gia BHTG phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận tham gia BHTG cho tổ chức BHTG (khoản 1). Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận tham gia BHTG, bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận tham gia BHTG cho tổ chức tham gia BHTG (khoản 2).

Giống các quốc gia khác trên thế giới, hệ thống ngân hàng thương mại là nhân tố nòng cốt tạo nên hệ thống thành viên hệ thống BHTG. Mặt khác, các ngân hàng thương mại nắm giữ đại đa số tiền gửi của người gửi tiền so với các tổ chức tín dụng kinh doanh dịch vụ ngân hàng khác, đặc biệt là người gửi tiền nhỏ lẻ. Và đồng tiền gửi tại các ngân hàng phần lớn cũng là đồng nội tệ.

Về chi nhánh và đại lý ngân hàng nước ngoài, pháp luật BHTG của Việt Nam quy định quy định chi nhánh và đại lý ngân hàng thương mại nước ngoài tham gia BHTG với các điều kiện như ngân hàng thương mại nội địa. Đây cũng là điểm tương đồng so với quy định pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới [72]. Quy định này được lập luận rằng, ngân hàng thương mại nước ngoài được hưởng lợi nếu hệ thống tài chính của quốc gia sở tại ổn định. Việc tham gia BHTG là một phần hoạt động kinh doanh của tổ chức đó ở quốc gia sở tại. Hệ thống BHTG có sự đa dạng về thành viên tham gia thì rủi ro của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam sẽ được phân tán và dẫn đến quỹ BHTG cũng trở nên phong phú hơn. Bên cạnh đó, quy định nghĩa vụ tham gia BHTG của chi nhánh, đại lý ngân hàng thương mại nước ngoài tại quốc gia sở tại tạo môi trường bình đẳng giữa ngân hàng thương mại nội địa và ngân hàng thương mại nước ngoài.

Như vậy, pháp luật về hoạt động BHTG Việt Nam quy định các ngân hàng thương mại tham gia BHTG theo hình thức bắt buộc là hợp lý. Bởi vì, quy định đó sẽ phòng tránh được tình trạng ngân hàng thương mại hoạt động không hiệu quả mới quyết định tham gia BHTG, còn ngân hàng thương mại hoạt động tốt, quản lý có hiệu quả thường từ chối tham gia BHTG. Từ đó, sẽ tránh rủi ro lựa chọn nhầm lẫn đối tượng tham gia BHTG. Đặc biệt, trong điều kiện thực tế ở Việt Nam chưa thể áp dụng các tiêu chí xếp hạng ngân hàng thương mại cũng như phân loại rủi ro hoạt động của hệ thống ngân hàng. Mặt khác, quy định tham gia BHTG bắt buộc sẽ góp phần tạo lập và phát triển nguồn quỹ BHTG thông qua nghĩa vụ đóng phí BHTG của các ngân hàng thương mại. Do đó, trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG bị giải thể, phá sản, sẽ làm giảm thiểu rủi ro cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và giảm gánh nặng cho Nhà nước.

Thứ hai, hoạt động tạo lập, sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi

Theo kinh nghiệm quốc tế, cách thức tạo lập quỹ BHTG có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo vai trò của tổ chức thực hiện hoạt động BHTG. Thời điểm tạo lập quỹ có thể từ trước hoặc sau khi tổ chức tham gia BHTG bị giải thể, phá sản hoặc kết hợp cả hai cách này, lựa chọn cách nào phụ thuộc vào mục tiêu và cơ cấu của tổ chức thực hiện hoạt động BHTG ở mỗi quốc gia.

- Tạo lập quỹ trước khi tổ chức tham gia BHTG bị chấm dứt hoạt động, pháp luật về BHTG thường sẽ quy định quy mô và số lượng quỹ BHTG cũng như cách thức sử dụng quỹ BHTG nhằm bảo đảm thực hiện các mục tiêu của hoạt động BHTG. Cách thức tạo lập này có thể được thực hiện thông qua xác định mức phí BHTG đồng hạng hoặc mức phí phân biệt theo mức độ rủi ro. Hai cách tính phí này đều tạo thuận lợi cho công việc thu phí BHTG từ các tổ chức tham gia BHTG, xây dựng được nguồn vốn dự phòng khi nền kinh tế vận hành bình thường để sử dụng trong trường hợp khó khăn sau này.

- Tạo lập quỹ BHTG sau khi tổ chức tham gia BHTG bị chấm dứt hoạt động. Khi ở điều kiện nền kinh tế hoạt động bình thường, khoản đóng góp của các tổ chức BHTG trong đó có hệ thống ngân hàng thương mại là rất thấp và việc đóng góp chỉ diễn ra khi một hoặc một tổ chức thành viên nào đó bị “đổ vỡ”. Cho nên, đây là cách thức tạo lập quỹ BHTG sẽ khuyến khích sự giám sát lẫn nhau của tổ chức tham gia BHTG nhằm tránh những chi phí do sự chấm dứt của một tổ chức thành viên. Tuy nhiên, cách tạo lập quỹ này cũng có những hạn chế nhất định như khó chi trả kịp thời do việc tính toán và thu phí BHTG diễn ra sau khi có hiện tượng “sụp đổ” của một tổ chức thành viên; nguồn tài chính được tạo lập sử dụng không hiệu quả như với trường hợp quỹ BHTG được tạo lập trước khi tổ chức tham gia BHTG bị chấm dứt hoạt động.

- Tạo lập quỹ BHTG theo phương pháp tổng hợp, tức quỹ BHTG được tạo lập từ trước và sau khi tổ chức tham gia BHTG bị chấm dứt hoạt động. Đây là phương pháp mà quỹ BHTG sẽ bao gồm nguồn thu trước khi tổ chức BHTG chấm dứt hoạt động, nguồn tài trợ của Nhà nước. Cách thức tạo lập này thường được áp dụng khi xảy ra hiện tượng đổ bể nghiêm trọng hoặc có hiện tượng phản ứng dây chuyền trong hệ thống tổ chức tham gia BHTG.

Như vậy, quy định pháp luật về cách thức tạo lập quỹ BHTG sẽ linh hoạt tùy thuộc vào tình huống thực tế. Và cách thức tạo lập trong thực tiễn sẽ có những tác động tích cực hoặc tiêu cực đến niềm tin của người gửi tiền cũng như các tổ chức BHTG. Cụ thể, việc tạo lập quỹ phù hợp sẽ bảo đảm cho tổ chức BHTG có đủ khả năng tài chính để chi trả kịp thời cho người gửi tiền cũng như trang trải chi phí hoạt động BHTG. Ngược lại, nếu quỹ BHTG tạo lập không vững chắc, phù hợp sẽ làm cho quá trình xử lý tổ chức tham gia BHTG chấm dứt hoạt động trở nên khó khăn, có thể bị trì hoãn. Điều này dẫn tới chi phí hoạt

động của tổ chức BHTG tăng lên và ảnh hưởng đến việc chi trả tiền bảo hiểm cho đối tượng gửi tiền.

Hoạt động sử dụng quỹ BHTG nhằm thực hiện hai mục đích chính:

- Sử dụng quỹ BHTG để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền khi xảy ra sự kiện BHTG. Mức chi trả do pháp luật về BHTG quy định hoặc do các bên trong hợp đồng BHTG thỏa thuận là căn cứ để tổ chức BHTG tiến hành chi trả. Mức chi trả BHTG là số tiền bảo hiểm tối đa mà tổ chức tham gia hoạt động BHTG phải trả cho tất cả các khoản tiền gửi của một người gửi tiền được bảo hiểm tại một tổ chức tham gia BHTG khi phát sinh nghĩa vụ chi trả chính là khi các chủ thể tham gia BHTG bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định chấm dứt hoạt động và không có khả năng thanh toán cho người gửi tiền. Mỗi hệ thống tài chính của mỗi quốc gia lại quy định hạn mức chi trả BHTG khác nhau. Trong đó, có thể thấy các quy định về hạn mức chi trả BHTG đối với tiền gửi được bảo hiểm chia thành hai nhóm chính là chi trả toàn bộ và chi trả có giới hạn [64, tr. 96].

Chi trả BHTG toàn bộ là việc tổ chức BHTG sẽ chi trả mọi khoản tiền gửi cùng lãi suất cho người gửi tiền thuộc đối tượng được bảo hiểm. Cách thức chi trả này có tác dụng ngăn chặn hiện tượng rút tiền hàng loạt do quyền lợi của người gửi tiền được bảo đảm ở mức tối đa từ đó tạo dựng tâm lý yên tâm cho người gửi tiền từ đó bảo đảm được sự ổn định đối với hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, để thực hiện hình thức này đòi hỏi tiềm lực tài chính của quỹ BHTG phải mạnh cũng như năng lực quản lý quỹ của tổ chức BHTG cần phải vững chắc.

Chi trả BHTG có giới hạn là hình thức chi trả được thực hiện theo một hạn mức cụ thể. Thực tiễn pháp luật BHTG quốc tế cho thấy, có hai trường hợp chi trả có giới hạn gồm: Trường hợp số dư tiền gửi (và khoản tiền lãi) thuộc đối tượng bảo hiểm thấp hơn hoặc bằng giới hạn chi trả thì người gửi tiền được hoàn

trả toàn bộ số tiền gửi của họ cùng khoản lãi trên số tiền gửi; Còn trường hợp số dư tiền gửi lớn hơn hạn mức chi trả thì người gửi tiền chỉ được nhận khoản tiền bồi thường từ tổ chức tham gia BHTG bằng hạn mức chi trả bảo hiểm. Phần còn lại sẽ được trả cho người gửi tiền trong quá trình thanh lý tài sản của tổ chức tham gia BHTG mà họ gửi tiền vào theo quy định của pháp luật. Thực tế, một số nước quy định linh hoạt về mức chi trả BHTG. Tức trong những trường hợp nhất định, một số nhóm người gửi tiền đặc biệt được chi trả toàn bộ tiền gửi tại sự kiện bảo hiểm diễn ra như người gửi tiền nhỏ có tài khoản gửi tiền tiết kiệm, tiết kiệm hưu trí... nhằm gây dựng và duy trì niềm tin của họ vào pháp luật BHTG.

Cả hai hình thức chi trả nêu trên đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định, tùy thuộc vào điều kiện, tình hình thực tế trong nước mà pháp luật BHTG của mỗi quốc gia quy định cụ thể việc áp dụng hình thức chi trả nào phù hợp nhất. Nhưng thực tiễn cho thấy hầu hết các nước có xu hướng quy định áp dụng hình thức chi trả có giới hạn. Chỉ một số nước thực hiện hình thức chi trả toàn bộ và chỉ áp dụng trong giai đoạn khủng hoảng tài chính. Một số nước áp dụng hình thức chi trả toàn bộ khi xảy ra khủng hoảng ngân hàng và quay trở lại áp dụng chi trả có giới hạn khi kì khủng hoảng qua đi.

- Sử dụng quỹ BHTG trong hỗ trợ tài chính đối với tổ chức tham gia BHTG. Như đã phân tích, hỗ trợ tài chính cho các tổ chức tham gia BHTG thuộc thẩm quyền của tổ chức BHTG nhằm giúp cho việc tái cơ cấu tổ chức tham gia BHTG đang có nguy cơ đổ vỡ cao. Thông qua đó có thể bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền tại tổ chức đó.

Pháp luật nhiều nước thường sẽ quy định về nguyên tắc hỗ trợ, chủ thể có thẩm quyền xét duyệt và quyết định việc hỗ trợ tài chính cho tổ chức tham gia BHTG, các hình thức hỗ trợ tài chính; mức hỗ trợ tài chính trong cơ cấu quỹ BHTG... nhưng mỗi nước sẽ mang nội dung quy định khác nhau.

Tại Việt Nam, quỹ BHTG dùng để thực hiện các hoạt động BHTG như chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền tại NHTM xảy ra sự kiện BHTG, hỗ trợ tài chính đối với tổ chức tín dụng gặp khó khăn trong kinh doanh... Trong đó, BHTG Việt Nam được sử dụng quỹ để thực hiện một số hoạt động đầu tư nhằm gia tăng quỹ BHTG. BHTG Việt Nam được quyền mua trái phiếu Chính phủ, trái phiếu, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước hoặc tổ chức tín dụng Nhà nước. Quỹ BHTG được quản lý tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước hoặc tổ chức tín dụng nhà nước nhằm đảm bảo tín an toàn, bảo toàn vốn, bù đắp chi phí.

Về hạn mức chi trả BHTG, pháp luật về BHTG của Việt Nam xác định hạn mức chi trả theo “người gửi tiền” tại một tổ chức tham gia BHTG. Theo đó, trường hợp tổ chức tham gia BHTG mất khả năng thanh toán, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam sẽ chi trả tiền bảo hiểm cho một “người” có tiền gửi tại tổ chức đó mà không căn cứ vào số lượng tài khoản của họ. Trường hợp một người có nhiều tài khoản tại một tổ chức tham gia BHTG thì cũng chỉ được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chi trả tối đa là 75 triệu đồng.

Để xác định quy mô quỹ BHTG, phương pháp mà các nước thường áp dụng là đánh giá sự cân bằng giữa mức độ rủi ro mà quỹ BHTG phải gánh chịu và khả năng đóng góp của các tổ chức tham gia BHTG. Nói cách khác, khi xem xét quy mô quỹ BHTG cần phải đánh giá các yếu tố là thành phần, quy mô, cơ cấu, trách nhiệm của các tổ chức tham gia BHTG; nguy cơ đổ bể tương ứng; tỷ lệ tổn thất sự chênh lệch giữa các vụ “đổ vỡ” tài chính và tỷ lệ tổn thất gây ra bởi các tổ chức tham gia BHTG lớn và nhỏ.

Một vấn đề khác cần phải quan tâm khi xác định quy mô quỹ BHTG là phân biệt quy mô quỹ trong điều kiện hoạt động bình thường và trường hợp xảy ra khủng hoảng tài chính - tiền tệ.

Thứ ba, các quy định về tiền gửi được bảo hiểm

Theo pháp luật của Việt Nam, đối tượng của BHTG là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân, tổ chức gửi tại ngân hàng thương mại là tổ chức tham gia BHTG. Theo đó, phạm vi về chủ thể thụ hưởng từ hoạt động BHTG bao gồm cá nhân và tổ chức. Tuy nhiên, không phải tất cả các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại của mọi cá nhân, tổ chức đều được bảo hiểm. Theo pháp luật về hoạt động BHTG và pháp luật về ngân hàng của Việt Nam, tiền gửi là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các hình thức khác; tiền gửi có thể hưởng lãi suất hoặc không hưởng lãi suất và phải được hoàn trả cho người gửi tiền [39].

Theo Luật Bảo hiểm tiền gửi Hoa Kỳ [71. tr. 60], tiền gửi là số dư tiền gửi hoặc giá trị tương đương chưa được thanh toán đã được một ngân hàng hoặc một hội tiết kiệm nhận hoặc giữ trong hoạt động kinh doanh thông thường, từ đó, tổ chức cấp hoặc có nghĩa vụ cấp tín dụng, dù là có điều kiện hay không có điều kiện, cho một tài khoản thương mại, séc, tiết kiệm, không kỳ hạn, hoặc được chứng minh bằng giấy chứng nhận tiền gửi, chứng nhận tiết kiệm, chứng nhận đầu tư, chứng nhận nợ hoặc các hình thức tương tự, hoặc séc hay hối phiếu rút từ tài khoản tiền gửi và được ngân hàng hay Hiệp hội tiết kiệm chứng nhận, hoặc thư tín dụng hoặc séc du lịch mà ngân hàng hoặc Hiệp hội tiết kiệm có nghĩa vụ đầu tiên. Theo Luật Bảo vệ người gửi tiền của Hàn Quốc, tiền gửi là các loại tiền tệ được quy định trong Luật mà các tổ chức tài chính huy động được từ bất kì cá nhân, tổ chức nào thông qua các hình thức khác nhau [73].

Như vậy, tiền gửi tại các tổ chức nhận tiền gửi rất đa dạng. Về chủ sở hữu, các loại tiền gửi có thể thuộc quyền sở hữu của cá nhân hay tổ chức trong nước hay nước ngoài (người gửi tiền). Mục đích gửi tiền của các cá nhân, tổ chức cũng khác nhau: để thanh toán, kinh doanh, tiết kiệm, tích lũy, hay đơn giản là cất trữ nhằm bảo đảm an toàn cho tài sản của mình. Mặt khác, tiền gửi có thể

được các tổ chức tài chính huy động từ nhiều nguồn khác nhau, được thể hiện thông qua các hình thức khác nhau. Sự đa dạng đó xuất phát từ sự phong phú của các dịch vụ NH mà các tổ chức nhận tiền gửi cung cấp cho các cá nhân, tổ chức trong xã hội.

Mặc dù tiền gửi tại các tổ chức nhận tiền gửi rất đa dạng, song không phải mọi khoản tiền gửi đều được bảo hiểm. Nhằm bảo đảm thực hiện các mục tiêu chính sách công chủ yếu của nước mình, pháp luật về hoạt động BHTG của các nước đều phải xác định rõ loại tiền gửi nào được bảo hiểm, loại tiền gửi nào không được bảo hiểm. Theo pháp luật về BHTG của Việt Nam, đối tượng của BHTG là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân, tổ chức bao gồm:

- Tiền gửi tiết kiệm, là khoản tiền của cá nhân, tổ chức gửi tại tổ chức tín dụng nhằm mục đích hưởng lãi. Loại tiền gửi này có thể là tiền gửi có kỳ hạn hoặc không kỳ hạn.

- Tiền gửi có kì hạn, tiền gửi không kì hạn, là loại tiền gửi có xác định thời hạn gửi hoặc không xác định thời hạn gửi. Trong đó, loại tiền gửi không xác định thời hạn thường được dùng để chi trả cho các hoạt động kinh doanh, tiêu dùng và người gửi tiền có thể rút bất kỳ thời điểm nào để sử dụng cho mục đích thanh toán.

- Tiền mua chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá ghi danh do chính tổ chức tham gia bảo hiểm phát hành.

Việc quy định rõ, chi tiết các loại tiền gửi được bảo hiểm sẽ tạo được sự thống nhất về nhận thức cũng như thực hiện pháp luật về BHTG, đặc biệt là trong việc thực hiện chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền nếu tổ chức nhận tiền gửi mất khả năng thanh toán.

Pháp luật về BHTG của các nước cũng thường liệt kê cụ thể, rõ ràng những loại tiền gửi được bảo hiểm. Chẳng hạn, Luật Bảo hiểm tiền gửi của Đài

Loan quy định [77]: “*Các loại tiền gửi được bảo hiểm gồm tiền gửi bằng séc, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, quỹ uỷ thác, các loại tiền gửi khác được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định là có thể bảo hiểm*”. Luật Bảo hiểm tiền gửi của Hoa Kỳ quy định các công ty BHTG chi trả BHTG cho các loại tiền gửi như: tiền gửi không kỳ hạn; Lệnh rút tiền có thể chuyển nhượng; Tài khoản tiền gửi thị trường tiền tệ; Tiền gửi tiết kiệm; Chứng chỉ tiền gửi; các tài khoản tiền gửi hưu trí [74].

Việc pháp luật về hoạt động BHTG quy định rõ, chi tiết các loại tiền gửi được bảo hiểm sẽ tạo được sự thống nhất về nhận thức cũng như việc thực thi. Đặc biệt, trong việc thực hiện chi trả BHTG cho người gửi tiền nếu tổ chức nhận tiền gửi mất khả năng thanh toán. Đồng thời với việc quy định cụ thể về các loại tiền gửi được bảo hiểm, pháp luật về BHTG cũng xác định rõ các loại tiền gửi không được bảo hiểm.

Theo pháp luật về BHTG của Việt Nam hiện hành, các loại tiền gửi không được BH bao gồm: (i) Tiền gửi của người gửi tiền là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 10% vốn cổ phần có quyền bỏ phiếu của tổ chức tham gia BHTG đó; (ii) Tiền gửi của người gửi tiền là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc) của tổ chức tham gia BHTG đó; (iii) Tiền gửi dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người gửi tiền, chẳng hạn, để đặt cọc, ký quỹ, ký cược; (iv) Tiền mua giấy tờ có giá vô danh do tổ chức tham gia BHTG phát hành; (v) Tiền gửi bằng ngoại tệ. Quy định cụ thể của pháp luật về vấn đề này là sự xác định rõ ràng phạm vi BHTG. Việc quy định cụ thể về các loại tiền gửi không được bảo hiểm cũng được thể hiện trong pháp luật về BHTG của các nước. Chẳng hạn, Luật Bảo hiểm tiền gửi của Đài Loan sửa đổi năm 2010 quy định các loại tiền gửi của cá nhân, tổ chức không được bảo hiểm gồm: Chứng chỉ tiền gửi có thể

chuyển ngang; các khoản tiền gửi của cơ quan nhà nước thuộc các cấp chính quyền, của Ngân hàng Trung ương Đài Loan, của các ngân hàng, hệ thống tiết kiệm bưu điện, công ty đầu tư và tín thác, hiệp hội, hiệp hội tiết kiệm nông dân, ngư dân; các khoản tiền gửi khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mà không nằm trong diện được bảo hiểm [77].

Luật Bảo hiểm tiền gửi của Canada năm 2011 quy định theo phương pháp loại trừ. Theo đó, tiền gửi được BH là mọi khoản tiền gửi của các cá nhân, tổ chức, trừ các trường hợp: tiền gửi không được thanh toán trên lãnh thổ Canada hoặc không bằng tiền Canada; khoản tiền mà Hoàng gia Canada là bên ưu tiên được trả nợ; bất kì khoản tiền gửi nào vượt quá 60 nghìn dola Canada [72].

3.1.3. Kiểm tra, giám sát của tổ chức bảo hiểm tiền gửi đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại

Kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức tham gia BHTG không phải là quyền hạn được pháp luật quy định dành cho mọi loại tổ chức BHTG mà tiêu biểu là mô hình BHTG chuyên chi trả. Ở mô hình BHTG chi trả mang quyền hạn mở rộng và giảm thiểu rủi ro, tổ chức BHTG có chức năng can thiệp khi tình hình tài chính của một tổ chức tham gia BHTG bắt đầu có dấu hiệu xấu đi, tổ chức BHTG có thể tiến hành một số hoạt động hạn chế tổn thất, ngăn chặn khả năng tổ chức đó bị chấm dứt hoạt động. Ở một số nước, bên cạnh tổ chức BHTG, sự can thiệp có thể được thực hiện bởi các tổ chức khác như cơ quan giám sát tài chính hay một tổ chức trung gian nào khác. Tuy nhiên, có rất ít tổ chức BHTG được trao cho quyền kiểm tra, giám sát trực tiếp các tổ chức tham gia BHTG mặc dù có đủ năng lực độc lập thực hiện chức năng này. Tuy nhiên, chức năng kiểm tra, giám sát được coi là yếu tố làm nên tính hiện đại của một mô hình BHTG.

Hoạt động giám sát, kiểm tra tổ chức tham gia BHTG có những đặc điểm chủ yếu như sau:

- Về căn cứ pháp lý, hoạt động kiểm tra, giám sát tổ chức tham gia BHTG được thực hiện chủ yếu qua quy định pháp luật về BHTG. Ngoài ra, pháp luật ngân hàng cũng góp phần hình thành các căn cứ pháp lý được hoạt động này sử dụng.

- Về chủ thể thực hiện do tổ chức BHTG thực hiện một cách độc lập, trực tiếp hoặc phối hợp với tổ chức, cơ quan quản lý tài chính khác.

- Về đối tượng kiểm tra, giám sát chỉ nhằm tới các tổ chức tài chính có thực hiện nghiệp vụ nhận tiền gửi của công chúng tham gia BHTG và chỉ thực hiện kiểm tra, giám sát theo những nội dung mà pháp luật BHTG quy định.

- Về nội dung, tổ chức BHTG kiểm tra, giám sát tổ chức tham gia BHTG về việc chấp hành các quy định pháp luật BHTG và bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, đưa ra những cảnh báo sớm về nguy cơ rủi ro đối với tổ chức đó.

- Về tính chất, hoạt động kiểm tra, giám sát đối với tổ chức tham gia BHTG thực chất là tham gia quản lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tham gia BHTG.

- Về hệ quả pháp lý, kết quả kiểm tra, giám sát sẽ là cơ sở để tổ chức BHTG đưa ra các kiến nghị với cơ quan quản lý tài chính, hoặc yêu cầu thực hiện các biện pháp xử lý, ngăn ngừa rủi ro đối với tổ chức tham gia BHTG

Hoạt động kiểm tra và giám sát của tổ chức BHTG được thực hiện thông qua hai hình thức đó là giám sát từ xa và kiểm tra tại chỗ. Giám sát từ xa là công cụ pháp lý quan trọng trong quản lý rủi ro đối với tổ chức tham gia BHTG nhờ kết quả của hình thức này mà tổ chức BHTG đưa ra được những cảnh báo sớm đối với tổ chức tham gia BHTG có nguy cơ lâm vào tình trạng đổ vỡ. Để đảm

bảo thực hiện được hình thức giám sát này, các tổ chức tham gia BHTG phải thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài liệu, thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của mình theo định kỳ hoặc đột xuất. Còn hình thức giám sát tại chỗ gồm kiểm tra hai nội dung cơ bản: Kiểm tra các tổ chức tham gia BHTG việc chấp hành quy định pháp luật BHTG; nghĩa vụ nộp phí BHTG (số tiền nộp, thời hạn nộp...). Qua thực hiện hoạt động kiểm tra này, có thể đánh giá được những quy định bất cập của pháp luật, những khó khăn của tổ chức tham gia BHTG trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Hình thức này giúp tổ chức BHTG đưa ra được những đánh giá đầy đủ, sát với thực trạng của tổ chức tham gia BHTG.

Thuộc mô hình hoạt động BHTG chi trả với quyền hạn mở rộng, ngoài trách nhiệm chi trả tiền BHTG cho người thụ hưởng, BHTGVN còn có thẩm quyền kiểm tra, giám sát NHTM, đưa ra những cảnh báo sớm về nguy cơ rủi ro (nếu có) đối với tổ chức đó. Về quyền hạn này, có quan điểm cho rằng, giám sát phải là vai trò chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam [58, tr. 31] xuất phát từ mục đích, ý nghĩa của hoạt động giám sát đối với tổ chức tham gia BHTG. Quy định pháp luật về quyền hạn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong hoạt động kiểm tra, giám sát ngân hàng thương mại góp phần quan trọng vào việc giảm thiểu rủi ro ngân hàng, phòng ngừa có hiệu quả hiện tượng đổ vỡ ngân hàng. Thực chất, đây là hoạt động quản lý rủi ro đối với các ngân hàng thương mại. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện quyền kiểm tra, giám sát thông qua hai hình thức là giám sát từ xa và kiểm tra tại chỗ.

Theo quy định của pháp luật BHTG của Việt Nam hiện hành, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện giám sát ngân hàng thương mại trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn trong hoạt động của ngân hàng thương mại và giám sát sự thất thoát về tài sản của ngân hàng thương mại hoặc sự tác động có tính nghiêm trọng đến ngân hàng thương mại khác. Để thực hiện

hoạt động giám sát của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, các ngân hàng thương mại phải cung cấp tài liệu, thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh theo định kỳ hoặc đột xuất. Các ngân hàng thương mại phải thực hiện nghĩa vụ thông tin theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở thông tin do ngân hàng thương mại cung cấp, nếu phát hiện ngân hàng thương mại vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có quyền yêu cầu ngân hàng thương mại thực hiện các biện pháp chấn chỉnh và đồng thời báo cáo bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp phát hiện ngân hàng thương mại có nguy cơ rủi ro đến mức mất khả năng chi trả, thất thoát lớn về tài sản hoặc có tác động nghiêm trọng đến ngân hàng thương mại khác, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có quyền yêu cầu ngân hàng thương mại thực hiện biện pháp chấn chỉnh kịp thời, đồng thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước có biện pháp xử lý khẩn cấp.

3.1.4. Về hoạt động hỗ trợ tài chính cho ngân hàng thương mại

Hỗ trợ tài chính là tổng thể các biện pháp tài chính mà tổ chức BHTG áp dụng đối với tổ chức tham gia BHTG có nguy cơ mất khả năng thanh toán nhằm giúp các tổ chức này khắc phục những khó khăn về tài chính. Đây là hoạt động được quy định cho mô hình hoạt động BHTG chi trả với quyền hạn mở rộng và giảm thiểu rủi ro.

- Chủ thể thực hiện được tổ chức BHTG trao quyền thực hiện cho tổ chức tham gia BHTG. Tuy nhiên, tùy theo pháp luật từng nước mà tổ chức BHTG có thể trực tiếp hoặc độc lập thực hiện quyền này hoặc có thể phối hợp với các cơ quan giám sát tài chính khác.

- Đối tượng được hưởng hỗ trợ tài chính chính là tổ chức tham gia BHTG ở đây là hệ thống ngân hàng thương mại.

- Điều kiện được hỗ trợ tài chính về cơ bản là ngân hàng thương mại gặp khó khăn về tài chính, nhưng chưa bị coi là lâm vào tình trạng phá sản hoặc chưa

bị xếp vào danh sách mục cần áp dụng các biện pháp kiểm soát đặc biệt từ Ngân hàng Trung ương. Song pháp luật về BHTG của mỗi nước có thể quy định khác nhau về từng điều kiện cụ thể.

Nguồn tài chính dùng hỗ trợ các tổ chức tham gia BHTG gặp khó khăn chủ yếu từ Quỹ BHTG. Mục đích hỗ trợ tài chính nhằm giúp cơ cấu lại tổ chức tham gia BHTG có nguy cơ mất khả năng thanh toán. Hình thức hỗ trợ tài chính được tổ chức BHTG áp dụng khá đa dạng gồm: Cho vay, bảo lãnh, mua lại nợ, có thể cấp trực tiếp hoặc gián tiếp các khoản hỗ trợ... Các khoản hỗ trợ có thể được cấp cho các tổ chức tham gia BHTG để các tổ chức này tự sắp xếp lại hoạt động của mình. Hoặc các khoản hỗ trợ sẽ được gửi tới các ngân hàng hoạt động tốt để họ xây dựng và thực hiện kế hoạch mua lại ngân hàng thương mại hoạt động kém hiệu quả, có khả năng chấm dứt hoạt động. Cho nên, pháp luật về BHTG sẽ quy định về điều kiện để tổ chức tham gia BHTG được hưởng hỗ trợ tài chính; quan hệ phối hợp của tổ chức BHTG với các chủ thể quản lý tài chính, ngân hàng khác trong xác định điều kiện hưởng hỗ trợ...

Theo pháp luật hiện hành, các biện pháp hỗ trợ tài chính được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam áp dụng đối với ngân hàng thương mại bao gồm: Cho vay, bảo lãnh, mua lại nợ, có thể cấp trực tiếp hoặc gián tiếp các khoản hỗ trợ cho các ngân hàng thương mại được nhận hỗ trợ. Có nghĩa là, các khoản hỗ trợ có thể cấp cho các ngân hàng thương mại để các tổ chức đó tự sắp xếp lại hoạt động của mình. Hoặc các khoản hỗ trợ sẽ được cấp cho các ngân hàng hoạt động tốt để họ xây dựng và thực hiện kế hoạch mua lại các ngân hàng thương mại hoạt động kém hiệu quả. Việc áp dụng các biện pháp hỗ trợ tài chính được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam quan tâm ngay từ khi mới được thành lập. Tuy nhiên, do khả năng tài chính còn hạn chế của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các thiết chế xử lý rủi ro chưa được đồng bộ, vì vậy, việc áp dụng các biện pháp hỗ trợ tài chính của

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã có những bước đi thận trọng. Trong điều kiện thực tế của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, nếu việc áp dụng các biện pháp hỗ trợ tài chính nếu không được nghiên cứu kỹ lưỡng thì rủi ro sẽ tăng đáng kể. Đối với ngân hàng thương mại, các hoạt động hỗ trợ tài chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là cơ sở thực tế bảo đảm quyền lợi đối với họ. Ngân hàng thương mại chỉ được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hỗ trợ tài chính khi có hai điều kiện. Đó là: (i) Ngân hàng thương mại rơi vào tình trạng có nguy cơ mất khả năng chi trả. (Cụ thể, đã ba lần trong một tháng không đủ khả năng tài chính trả các khoản nợ đến hạn; (ii) Ngân hàng thương mại chưa bị đặt dưới sự kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kiểm soát đặc biệt đối với ngân hàng thương mại là tình trạng ngân hàng thương mại có nguy cơ mất khả năng chi trả, được đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động của các ngân hàng. Căn cứ pháp lý của sự kiểm soát đặc biệt này là sự xác định của Ngân hàng Nhà nước về việc ngân hàng thương mại có nguy cơ mất khả năng chi trả.

Như vậy, trường hợp ngân hàng thương mại có nguy cơ mất khả năng chi trả nhưng chưa bị áp dụng biện pháp kiểm soát trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì có thể được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hỗ trợ tài chính. Các khoản hỗ trợ tài chính này sẽ là điều kiện vật chất quan trọng, góp phần khắc phục khó khăn về tài chính của tổ chức đó. Đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, sau khi thực hiện các biện pháp hỗ trợ tài chính đối với ngân hàng thương mại, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trở thành chủ nợ của tổ chức đó. Do đó, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được quyền tham gia quá trình thanh lý tài sản khi ngân hàng thương mại bị giải thể, phá sản và được phân chia giá trị tài sản theo thứ tự ưu tiên được quy định tại Luật Phá sản.

3.1.5. Chấm dứt bảo hiểm tiền gửi và chi trả tiền bảo hiểm

Trong lĩnh vực BHTG, sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ BHTG được gọi là sự kiện bảo hiểm. Sự kiện bảo hiểm là những sự kiện khách quan do các bên thỏa thuận hoặc do pháp luật quy định mà khi sự kiện đó diễn ra thì bên bảo hiểm phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho bên được bảo hiểm trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Sự kiện BHTG chính là cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức thực hiện chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền và nó có thể được quy định trong hợp đồng hoặc giấy chứng nhận BHTG.

Thu hồi giấy chứng nhận BHTG là hành vi tổ chức thực hiện hoạt động BHTG làm chấm dứt quan hệ BHTG khi xuất hiện những vi phạm pháp luật của tổ chức tham gia BHTG. Theo pháp luật về BHTG của Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có quyền thu hồi giấy chứng nhận tham gia BHTG của các tổ chức tham gia BHTG trong những trường hợp nhất định như: Không nộp đủ phí BHTG quá thời hạn ba tháng kể từ ngày phải nộp, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt hoạt động nhận tiền gửi, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia BHTG chấm dứt các giao dịch để thanh lý tài sản hoặc Tòa án thông báo quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản. Ngoài ra, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có quyền chấm dứt quan hệ BHTG trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG không nộp phí bảo hiểm quá thời hạn 3 tháng kể từ ngày phải nộp. Đồng thời, phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định ngừng huy động tiền gửi tại tổ chức đó [30]. Như vậy, quy định của pháp luật Việt Nam về trường hợp thu hồi giấy chứng nhận tham gia BHTG của tổ chức tham gia BHTG và chấm dứt BHTG là các biện pháp chế tài pháp lý đối với tổ chức tham gia BHTG, nhằm ràng buộc trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG đối với quyền lợi của người gửi tiền. Theo đó, sự kiện BHTG được xác định khi ngân hàng

thương mại ở vào một trong hai trường hợp: (i) Giải thể có tính bắt buộc do không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn và (ii) Bị phá sản theo quyết định của Tòa án. Trường hợp ngân hàng thương mại giải thể bắt buộc là do: (i) Hết thời hạn hoạt động mà không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được chấp thuận; (ii) Ngân hàng thương mại bị thu hồi giấy phép hoạt động khi bị phát hiện hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập sai sự thật; sau 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động nhưng không hoạt động; hoạt động của ngân hàng thương mại không phù hợp mục đích; không đủ điều kiện hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Về bản chất pháp lý, giải thể một ngân hàng thương mại là sự chấm dứt hoạt động, sự tồn tại của ngân hàng thương mại đó và xóa tên trong sổ quản lý kinh doanh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Giải thể bắt buộc ngân hàng thương mại là sự chấm dứt tồn tại của tổ chức đó bằng thủ tục hành chính, thể hiện yếu tố mệnh lệnh hành chính. Nhưng trong các quy định pháp luật về giải thể bắt buộc không có quy định ngân hàng thương mại phải giải thể do mất khả năng thanh toán nợ đến hạn. Đây là những quy định không thống nhất trong pháp luật về BHTG và pháp luật về các ngân hàng thương mại. Đồng thời, quy định trên không phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại. Bởi vì, thực tế, nhiều ngân hàng thương mại có dấu hiệu mất khả năng thanh toán nợ đến hạn, nhưng chủ nợ không thực hiện quyền nộp đơn và các chủ thể khác cũng không thực hiện hành vi nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản, thì ngân hàng thương mại không thể bị Tòa án tuyên bố phá sản. Họ có thể tiến hành giải thể, thậm chí là giải thể bằng cách tự nguyện. Trong khi đó, pháp luật của các nước đều quy định rất rõ về sự kiện BHTG. Đó là khi tổ chức tham gia BHTG bị mất khả năng thanh toán các khoản nợ theo quyết định của Tòa án. Chẳng hạn, Luật Bảo hiểm tiền gửi của Hoa Kỳ quy định trong trường hợp tổ

chức tham gia BHTG “đổ vỡ” hay “đổ bể”, “mất khả năng thanh toán” thì tổ chức BHTG tiến hành công việc chi trả tiền BHTG. Một tổ chức tham gia BHTG mất khả năng thanh toán nợ khi có phán quyết hay hình thức khác của Tòa án có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngân hàng hoặc cơ quan quản lý khác, mà theo đó, người bảo quản, người tiếp nhận, hay người trông coi hợp pháp khác được giao tiếp nhận một tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm [71].

3.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

3.2.1. Thực tiễn tham gia bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

Theo quy định của pháp luật về BHTG, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã thực hiện việc cấp giấy chứng nhận bảo hiểm tiền gửi khi tổ chức tín dụng bắt đầu hoạt động hoặc mở chi nhánh, phòng giao dịch và thu hồi chứng nhận bảo hiểm tiền gửi khi tổ chức tham gia BHTG hoặc chi nhánh chấm dứt hoạt động. Hoạt động cấp và thu hồi chứng nhận bảo hiểm tiền gửi được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện kịp thời, đáp ứng nhu cầu của 100% tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Năm 2013, có 1.235 tổ chức tham gia BHTG, trong đó 90 ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 01 ngân hàng hợp tác xã và 1.144 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Số tài khoản tiền gửi được bảo hiểm lên đến 30 triệu tài khoản và số dư tiền gửi được bảo hiểm đạt trên 2,2 triệu tỷ đồng, tăng lần lượt là 27,6% và 33% trung bình hàng năm trong vòng 5 năm qua.

Tháng 6 năm 2014, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã cấp gần 7.800 chứng nhận BHTG cho tổ chức tham gia BHTG và các chi nhánh [3]. Đến tháng 6 năm 2016, có 1.252 tổ chức tín dụng được cấp giấy chứng nhận tham gia BHTG, bao gồm 92 ngân hàng thương mại, 01 ngân hàng hợp tác xã và 1.156 Quỹ tín dụng

nhân dân, 03 tổ chức tài chính vi mô. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cấp mới, cấp bổ sung, cấp lại 388 giấy chứng nhận và bản sao giấy chứng nhận tham gia BHTG cho các tổ chức tín dụng; thu hồi 59 giấy chứng nhận và bản sao giấy chứng nhận tham gia BHTG; thay đổi thông tin của 120 giấy chứng nhận tham gia BHTG [4].

Trong nửa đầu năm 2017, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã cấp mới, cấp bổ sung, cấp lại 374 chứng nhận và bản sao chứng nhận tham gia BHTG cho các tổ chức tín dụng; thu hồi 01 giấy chứng nhận tham gia BHTG; thay đổi thông tin của 66 giấy chứng nhận tham gia BHTG. Song song với đó, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam khẩn trương xây dựng phương án và kịp thời triển khai thực hiện cấp chứng nhận và bản sao chứng nhận bảo hiểm tiền gửi ngay khi Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 21/2017/QĐ-TTg ngày 15/6/2017 vừa qua về việc nâng hạn mức chi trả bảo hiểm tiền gửi lên 75 triệu đồng.

Công tác quản lý và đầu tư vốn được thực hiện đúng quy định, an toàn, hiệu quả, góp phần phát triển nguồn vốn, đem lại nguồn thu bổ sung cho quỹ dự phòng nghiệp vụ và nâng cao năng lực tài chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Tính đến hết ngày 30/6/2017, tổng nguồn vốn hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là hơn 33 nghìn tỷ đồng, tăng 19,2% so với cùng kỳ năm 2016. Hầu hết lượng vốn tạm thời nhàn rỗi được đầu tư vào trái phiếu chính phủ [4].

Về thu phí bảo hiểm, phí bảo hiểm tiền gửi là khoản tiền mà tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi để bảo hiểm cho tiền gửi của người được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Năm 2013, tổng phí bảo hiểm thu được của BHTG đạt khoảng 8.131 tỷ đồng. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 2016, tổng phí thực thu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã đạt 2.308 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2015. Nhìn chung, các tổ chức tham gia BHTG đã thực hiện nghiêm túc việc tính và nộp phí theo

quy định. Tổng nguồn vốn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tính đến ngày 20/6/2016 đạt 30.666 tỷ đồng, trong đó hầu hết lượng vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã được đầu tư vào trái phiếu Chính phủ.

Phí BHTG là nguồn thu chủ yếu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, phục vụ Quỹ dự phòng nghiệp vụ chi trả cho người gửi tiền khi phát sinh nghĩa vụ chi trả BHTG. Quỹ dự phòng nghiệp vụ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đạt mức 23.437 tỷ đồng tại thời điểm 31/5/2016 [4].

Theo thống kê của CafeF từ các báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2016⁸, trong tổng số 3,278 triệu tỷ đồng huy động vốn, 13 ngân hàng đã chi nộp phí bảo hiểm, đảm bảo tiền gửi của khách hàng 1,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,058%. So với cùng kỳ năm trước (9 tháng đầu năm 2015), tổng huy động vốn tại 13 ngân hàng này tăng 16% còn tổng chi phí nộp bảo hiểm tiền gửi của các tổ chức này đã tăng 35%.

Đến Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2016, 10 ngân hàng bao gồm: gồm Ngân hàng BIDV, Vietinbank, Vietcombank, SHB, MBB, Sacombank, ACB, VIB, NCB và Eximbank cho thấy, tổng mức chi phí bảo hiểm tiền gửi của 10 ngân hàng này trong năm 2016 là gần 2.142 tỷ đồng, tăng 34,73% so với năm 2015. Năm 2016, chi phí bảo hiểm tiền gửi đang chiếm 3,64% tổng chi phí hoạt động của các ngân hàng, tăng so với mức 3,23% trong năm 2015⁹.

Xét về con số tuyệt đối, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) hiện đang là ngân hàng có chi phí bảo hiểm tiền gửi cao nhất với gần 533 tỷ đồng trong năm, tăng 34,9% so với năm 2015. Nguyên nhân là đây là ngân hàng huy động được lượng tiền gửi lớn nhất, hơn 726.185 tỷ đồng tính đến cuối năm 2016.

⁸ (Nguồn từ: <http://cafef.vn/nha-bang-nao-dang-chi-bao-hiem-tien-gui-nhieu-nhat-20171122144239603.chn>)

⁹ <https://webbaohiem.net/mot-so-mong-muon-ve-chinh-sach-bao-hiem-tien-gui.html>

Với lượng tín dụng huy động tính đến cuối năm đạt 654.423 tỷ đồng, đứng thứ hai trong hệ thống, Vietinbank cũng là nhà băng có chi phí bảo hiểm tiền gửi cao thứ hai, với hơn 431 tỷ đồng.

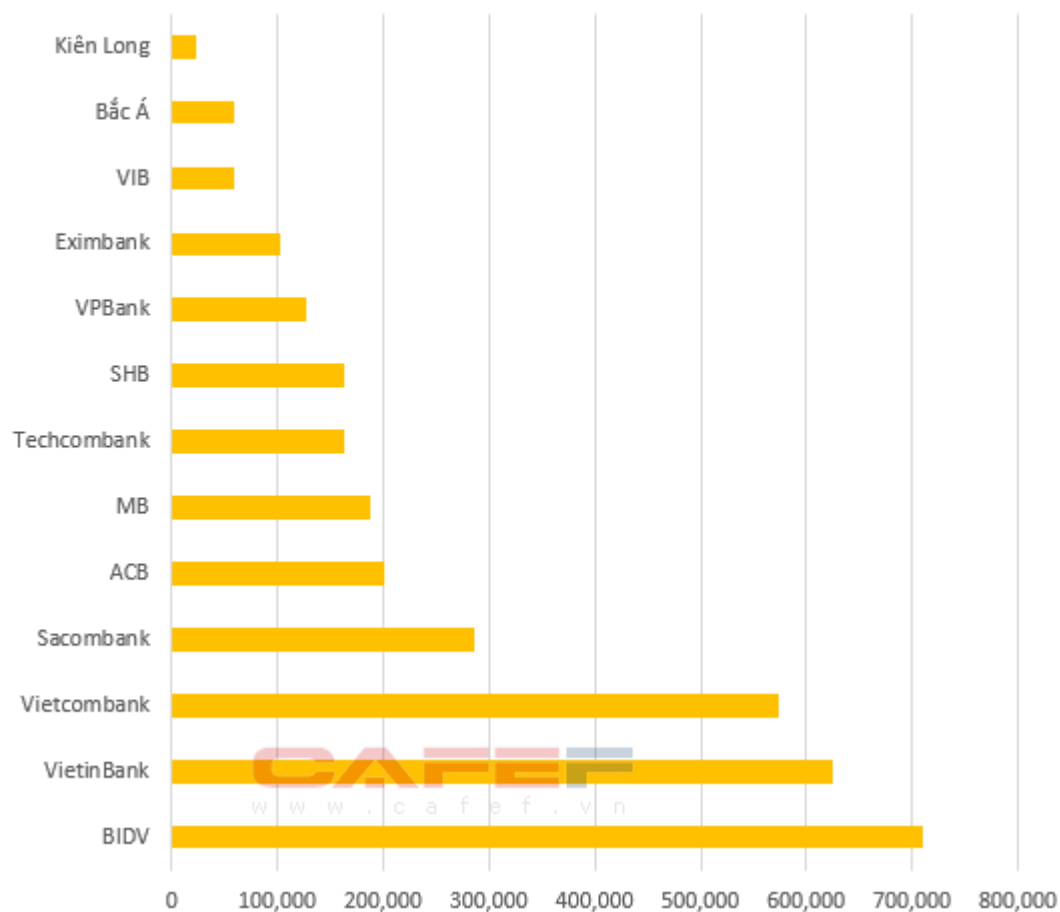
Đứng thứ ba là ngân hàng Vietcombank, với chi phí bảo hiểm tiền gửi năm 2016 đạt gần 357 tỷ đồng, tăng 21,8% so với năm 2015.

Về tốc độ gia tăng chi phí bảo hiểm tiền gửi, Vietinbank đang là ngân hàng dẫn đầu với mức tăng tới 60,8%, đứng thứ hai là Sacombank, với mức tăng 47,5%, tương đương với mức chi 344,5 tỷ đồng trong năm 2016. Xét về độ gia tăng chi phí nộp bảo hiểm thì Ngân hàng Quân đội (MB) cũng có chi phí nộp bảo hiểm tiền gửi tăng mạnh trong 9 tháng vừa qua so với cùng kỳ là 53%¹⁰.

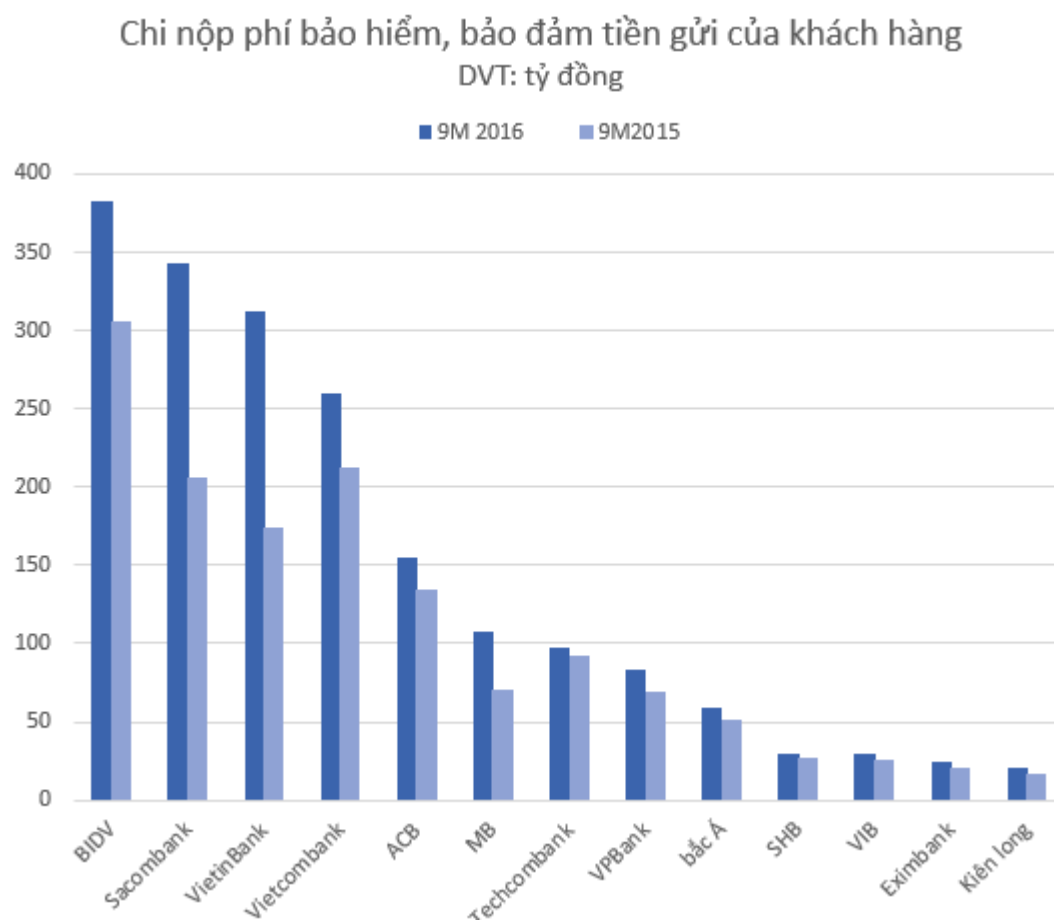
Có thể tham khảo các hình minh họa dưới đây:

¹⁰ <http://cafef.vn/cac-ngan-hang-dang-chi-bao-nhieu-cho-bao-hiem-tien-gui-20161110104549251.chn>

Tình hình huy động vốn 9 tháng đầu năm của các NH
DVT: tỷ đồng



(Nguồn từ: <http://cafef.vn/cac-ngan-hang-dang-chi-bao-nhieu-cho-bao-hiem-tien-gui-20161110104549251.chn>)



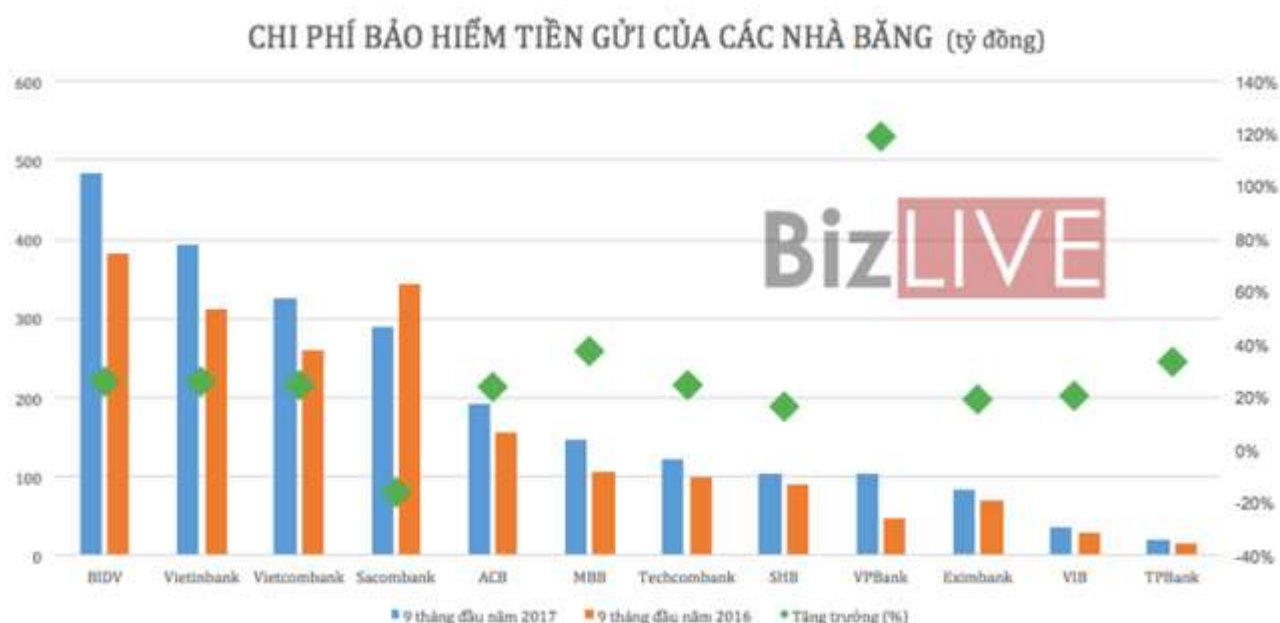
(Nguồn từ: <http://cafef.vn/nha-bang-nao-dang-chi-bao-hiem-tien-gui-nhieu-nhat-20171122144239603.chn>)



(Nguồn từ: <https://bizlive.vn/ngan-hang/cac-nha-bang-viet-dang-chi-bao-nhieu-cho-bao-hiem-tien-gui-2500490.html>)

Được biết, hiện nguồn vốn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được tích lũy dựa trên 4 cấu phần, gồm vốn điều lệ do Nhà nước cấp, nguồn thu từ phí bảo hiểm tiền gửi hàng năm, nguồn thu từ hoạt động đầu tư vốn tạm thời nhàn rỗi và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật. Trong đó, nguồn thu phí bảo hiểm tiền gửi đóng góp một phần lớn vào nguồn lực tài chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Cụ thể, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đang thu phí từ các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi với mức phí đồng hạng là 0,15% tính trên số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Theo thống kê của 12 ngân hàng bao gồm: BIDV, Vietinbank, Vietcombank, SHB, MB, Sacombank, ACB, VIB, VPBank, Techcombank, Tienphongbank và Eximbank cho thấy, mức chi phí bảo hiểm tiền gửi của các nhà băng trong 9 tháng đầu năm 2017 đã tăng khá mạnh so với cùng kỳ năm trước, từ 20% đến hơn 100%¹¹.



Nguồn từ: <https://bizlive.vn/ngan-hang/cac-nha-bang-viet-dang-chi-bao-nhieu-cho-bao-hiem-tien-gui-2500490.html>)

Trong đó, VPBank là đang là ngân hàng có mức tăng chi phí bảo hiểm tiền gửi mạnh nhất với mức tăng lên tới 118%, từ hơn 47 tỷ đồng lên hơn 103 tỷ đồng. Đứng thứ hai là MB với mức tăng gần 38%, tương đương với mức chi 148

¹¹ <https://bizlive.vn/ngan-hang/cac-nha-bang-viet-dang-chi-bao-nhieu-cho-bao-hiem-tien-gui-2500490.html>

tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm. Xét về con số tuyệt đối, BIDV hiện đang là ngân hàng có chi phí bảo hiểm tiền gửi cao nhất với gần 484 tỷ đồng trong năm, tăng 26,3% so với 9 tháng đầu năm 2016. Nguyên nhân do đây là ngân hàng huy động được lượng tiền gửi lớn nhất, hơn 823 nghìn tỷ đồng tính đến ngày 30/9/2017.

Với lượng tín dụng huy động tính đến cuối Quý III năm 2017 đạt 725 nghìn tỷ đồng, đứng thứ hai trong hệ thống, Vietinbank cũng là nhà băng có chi phí bảo hiểm tiền gửi cao thứ hai, với hơn 394 tỷ đồng.

Đứng thứ ba là ngân hàng Vietcombank, với chi phí bảo hiểm tiền gửi 9 tháng đầu năm đạt gần 326 tỷ đồng, tăng 26,1% so với năm 2015¹².

Hiện nay, chi phí bảo hiểm tiền gửi đang chiếm trung bình khoảng 3,64% tổng chi phí hoạt động của các ngân hàng. Và con số này của một số ngân hàng được kỳ vọng sẽ tiếp tục gia tăng trong thời gian tới khi số tiền bảo hiểm tối đa được trả cho tất cả các khoản tiền gửi (gồm cả gốc và lãi) của một cá nhân tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được nâng lên mức 75 triệu đồng theo dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ được công bố mới đây. Nguyên nhân là khi hạn mức chi trả bảo hiểm tiền gửi được nâng lên, thì phí bảo hiểm tiền gửi của một số nhà băng cũng được kỳ vọng sẽ tăng¹³.

Quy định về nguồn quỹ BHTG hình thành từ phí BHTG, pháp luật về BHTG Việt Nam quy định mức phí BHTG đồng hạng phù hợp điều kiện thực tế nước ta khi mới triển khai hoạt động BHTG. Mặt khác, quy định trên cũng phù hợp thông lệ quốc tế. Bởi vì, thông thường, các quốc gia mới thành lập hệ thống BHTG thường quy định, áp dụng thu phí BHTG đồng hạng do những thuận lợi

¹² <https://bizlive.vn/ngan-hang/cac-nha-bang-viet-dang-chi-bao-nhieu-cho-bao-hiem-tien-gui-2500490.html>

¹³ <http://cafef.vn/cac-ngan-hang-dang-chi-bao-nhieu-cho-bao-hiem-tien-gui-20161110104549251.chn>

nhất định. Đó là, áp dụng mức phí BHTG đồng hạng có ưu điểm là dễ tính toán và thuận lợi khi thực hiện thu từ các ngân hàng thương mại.

Hoạt động BHTG về tạo lập, quản lý và sử dụng quỹ BHTG bước đầu đã góp phần quan trọng vào việc củng cố lòng tin của người gửi tiền vào sự ổn định và phát triển của hệ thống các tổ chức nhận tiền gửi ở Việt Nam. Đồng thời, góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức về chức năng, nhiệm vụ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trước đông đảo cá nhân, tổ chức gửi tiền và các tổ chức nhận tiền gửi. Bên cạnh đó, BHTG đã góp một phần vào việc ngăn chặn tình trạng rút tiền hàng loạt, tạo lập niềm tin cho công chúng gửi tiền, phòng tránh được sự đổ vỡ dây chuyền của các quỹ tín dụng.

Liên quan đến kiểm tra, giám sát hoạt động BHTG, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã thực hiện các hoạt động giám sát định kỳ đối với 100% các tổ chức tham gia BHTG, thực hiện một số cho vay đối với các quỹ tín dụng gặp khó khăn tạm thời về khả năng thanh toán, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước nhằm đảm bảo cho hệ thống ngân hàng nước ta được an toàn.

Để thực hiện nghiệp vụ giám sát từ xa, Phòng Giám sát từ xa của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã được thành lập và có nhiệm vụ kiểm soát các hồ sơ pháp lý tham gia BHTG của các ngân hàng thương mại; giám sát thực tiễn hoạt động của các ngân hàng thương mại; giám sát việc chấp hành pháp luật về hoạt động BHTG cũng như pháp luật về bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của các ngân hàng thương mại; đưa ra những cảnh báo, kiến nghị về các rủi ro, sai phạm, yếu kém cần khắc phục đối với các tổ chức đó.

Sau một thời gian ngắn triển khai nghiệp vụ này, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã khẳng định được vai trò của hoạt động giám sát. Đồng thời, luôn nghiên cứu nhằm hoàn thiện hơn về nội dung, phương pháp giám sát. Có thể khẳng định rằng, hoạt động giám sát từ xa của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có ý nghĩa rất

quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần bảo đảm sự an toàn, duy trì sự phát triển bình thường của hệ thống ngân hàng. Nhờ có hoạt động giám sát từ xa, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có khả năng phát hiện và tiếp cận những yếu kém, hạn chế, quản lí những rủi ro trong hoạt động của các ngân hàng thương mại. Mặt khác, kết quả của hoạt động giám sát là căn cứ pháp lý để Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện công tác kiểm tra tại chỗ đối với các ngân hàng thương mại [21, tr. 12].

Hoạt động kiểm tra tại chỗ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam gồm hai nội dung cơ bản: *Một là*, kiểm tra các ngân hàng thương mại về việc chấp hành các quy định pháp luật về hoạt động BHTG như các quy định về công khai, minh bạch; nghĩa vụ cung cấp thông tin cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (qua các báo cáo về hoạt động nghiệp vụ, bảng cân đối tài sản, bảng tính phí BHTG...); nghĩa vụ nộp phí BHTG (số tiền nộp, thời hạn nộp phí BH...). Qua thực hiện hoạt động kiểm tra này, có thể đánh giá được những quy định bất cập của pháp luật về hoạt động BHTG, những khó khăn của ngân hàng thương mại trong việc thực hiện pháp luật về hoạt động BHTG. *Hai là*, kiểm tra các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng trong việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, thực hiện những mục tiêu do Ngân hàng Nhà nước đặt ra. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam rất chú trọng công tác kiểm tra tại chỗ. Bởi vì, thực hiện hoạt động kiểm tra tại chỗ là điều kiện để Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có những đánh giá đầy đủ, sát với thực trạng của ngân hàng thương mại. Do vậy, để thực hiện công tác kiểm tra tại chỗ, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã chuyển từ hoạt động kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hoạt động BHTG sang kiểm tra sự an toàn trong hoạt động của ngân hàng thương mại.

Nhận thức được ý nghĩa quan trọng của nghiệp vụ này, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã xây dựng và ngày càng hoàn thiện kế hoạch kiểm tra, nội dung

kiểm tra, thực hiện sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận trong toàn bộ hệ thống cũng như phát huy tối đa nguồn nhân lực của tổ chức cho công tác này. Đến nay, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện kiểm tra đối với toàn bộ tổ chức tham gia BHTG là các ngân hàng thương mại (ngân hàng thương mại nhà nước, liên doanh, cổ phần, chi nhánh ngân hàng thương mại nước ngoài tại Việt Nam), công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân (ở trung ương và địa phương). Qua công tác kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hoạt động BHTG và an toàn trong hoạt động ngân hàng, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã phát hiện những sai phạm trong hoạt động nghiệp vụ, những rủi ro hiện tại và tiềm ẩn. Đồng thời, chỉ ra nguyên nhân sai phạm, tư vấn các biện pháp khắc phục, đưa ra những cảnh báo đối với tổ chức tham gia BHTG và đề xuất các biện pháp chỉnh sửa.

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã tiến hành 2.722 cuộc kiểm tra các tổ chức tham gia BHTG. Hoạt động thanh tra, giám sát của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chủ yếu tập trung vào quỹ tín dụng nhân dân với 2.439 cuộc, đối với ngân hàng thương mại trong nước 167 cuộc, chiếm 6,1%; kiểm tra đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài là 86 cuộc, chiếm 3,2%; kiểm tra đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài là 04 cuộc, chiếm 0,1%... Qua công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức tham gia BHTG, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã phát hiện hơn 86 trường hợp tính thiếu phí BHTG và thu về cho quỹ BHTG trên 32 tỷ đồng. Ngoài ra, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã phát hiện và kiến nghị các tổ chức tham gia BHTG khắc phục các tồn tại, vi phạm pháp luật về hoạt động BHTG về niêm yết Chứng nhận bảo hiểm tiền gửi; chấp hành quy định thông tin báo cáo đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Các kiến nghị của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã được các tổ chức tham gia BHTG tiếp thu chỉnh sửa nghiêm túc và có chuyển biến tích cực [20].

3.2.2. Những tồn tại, bất cập của pháp luật từ thực tiễn thực hiện hoạt động bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng thương mại

Thứ nhất, về mức phí bảo hiểm tiền gửi

Như đã nói ở trên, hiện Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đang thu phí từ các tổ chức tham gia BHTG (trong đó có các ngân hàng thương mại) với mức phí đồng hạng là 0,15% tính trên số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm. Tuy nhiên, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cho biết, hiện cơ quan này đang nghiên cứu, đề xuất nhằm xây dựng lộ trình hợp lý trong việc triển khai hệ thống phí BHTG phân biệt trên cơ sở rủi ro. Theo đó, sẽ tiến hành thu phí BHTG trên cơ sở kết quả đánh giá và phân loại các tổ chức tham gia BHTG. Thu phí theo hình thức này có ưu điểm là đảm bảo tính công bằng đối với các tổ chức tham gia BHTG, vì tổ chức nào hoạt động tốt hơn và rủi ro thấp hơn sẽ được hưởng mức phí thấp hơn và ngược lại, từ đó, sẽ khuyến khích các tổ chức tham gia, củng cố và nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro. Rủi ro đối với nguồn vốn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cũng được giảm bớt khi hạn chế phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm. Về lâu về dài, để quỹ BHTG hoạt động hiệu quả và có một mức chi trả phù hợp hơn, thì nên có sự tham gia của cả Nhà nước, tức là quỹ BHTG sẽ nhận được một phần phí đóng góp của các tổ chức tài chính và một phần tiền từ Nhà nước.

Thứ hai, về hạn mức chi trả bảo hiểm tiền gửi và điều chỉnh hạn mức chi trả bảo hiểm tiền gửi

Trong điều kiện hiện nay, hạn mức chi trả BHTG không quá 75 triệu đồng áp dụng đồng hạng đối với người gửi tiền là khá thấp. Đánh giá này dựa trên thực tiễn của hoạt động gửi tiền tại các ngân hàng thương mại và diễn biến lạm phát trong những năm qua ở Việt Nam. Trên thực tế, vốn huy động của các tổ chức nhận tiền gửi, đặc biệt là các ngân hàng thương mại không ngừng tăng lên.

Tuy nhiên, tỉ lệ vốn trung và dài hạn không cao, chủ yếu là vốn ngắn hạn. Thực trạng này một phần do tâm lý của người gửi tiền chưa tin tưởng thực sự vào sự bảo đảm của hệ thống tài chính đối với khoản tiền gửi của mình. Mặt khác, cùng với thời gian, tỉ lệ lạm phát ở nước ta đã làm giảm giá trị thực của khoản tiền chi trả BHTG cho người gửi tiền. Bên cạnh đó, sự thay đổi của thành phần cũng như khối lượng tiền gửi, sự xuất hiện của các công cụ tài chính mới có thể làm cho cơ cấu chi trả BHTG không còn phù hợp với thực tế

Về việc điều chỉnh hạn mức chi trả BHTG, pháp luật về BHTG hiện hành quy định theo hướng xác định một mức cụ thể về hạn mức trả tiền bảo hiểm và trao quyền điều chỉnh mức này cho Thủ tướng Chính phủ. Quy định này chưa phù hợp với hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành và chưa đảm bảo tính linh hoạt bởi các lý do sau đây:

Một là, các quy định trên thể hiện mâu thuẫn về thẩm quyền giữa Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Bởi lẽ, một quy định cụ thể trong Nghị định thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ sẽ có thể bị sửa đổi bởi một văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Điều này trái với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Theo khoản 1 Điều 12 của Luật này quy định, văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành, huỷ bỏ hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền [43].

Hai là, trong điều kiện nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ nhanh, các điều kiện kinh tế - xã hội, mức thu nhập của người dân thay đổi nhanh chóng, kéo theo sự bất ổn định của hạn mức chi trả tiền BHTG thì việc quy định một mức cứng, cụ thể về hạn mức chi trả tiền BHTG trong văn bản luật sẽ bó chặt tính linh hoạt của các chỉ số này. Từ đó, có nguy cơ dẫn đến tình trạng quy định trong

luật không theo kịp xu hướng phát triển của nền kinh tế và trở nên lỗi thời. Mặt khác, chương trình sửa đổi một văn bản luật không những cần nhiều thời gian, tuân thủ nhiều quy trình chặt chẽ mà còn gây lãng phí về kinh phí cho ngân sách nhà nước.

***Thứ ba,** về kiểm tra, giám sát của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại*

Một là, mặc dù việc kiểm tra, giám sát của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại có ý nghĩa rất quan trọng, nhưng dường như, thẩm quyền của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là kiểm tra các ngân hàng thương mại trong việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn trong hoạt động ngân hàng đang có sự trùng lặp, chồng chéo với hoạt động thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Về lý luận cũng như về thực tiễn, hoạt động thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có những điểm khác biệt với hoạt động kiểm tra, giám sát của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về các mặt như chủ thể thực hiện, tính chất, mục đích, đối tượng và hậu quả pháp lý [51]. Trong đó, nội dung của hoạt động thanh tra là xem xét hành vi của chủ thể và đối chiếu hành vi đó với các quy định pháp luật và kết luận hành vi đó có vi phạm pháp luật về an toàn trong hoạt động ngân hàng hay không? Nếu có vi phạm, kết luận thanh tra là căn cứ pháp lý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm pháp lý tương ứng hoặc kiến nghị sửa đổi, các quy định pháp luật liên quan. Còn bản chất của hoạt động kiểm tra, giám sát trong hoạt động BHTG không phải là hoạt động nhằm phát hiện vi phạm pháp luật, mà nhằm nắm được thực trạng hoạt động của đối tượng bị kiểm tra, giám sát. Do đó, hoạt động kiểm tra giám sát phải được tiến hành “định kỳ hoặc đột xuất” các hoạt động của ngân hàng thương mại và dựa trên những chỉ tiêu về kinh tế - xã hội. Kết quả của hoạt động kiểm tra, giám sát là căn cứ để Bảo hiểm tiền gửi

Việt Nam đưa ra những đề xuất nhằm chấn chỉnh hoạt động của ngân hàng thương mại. Do đó, với quy định hiện hành của pháp luật về BHTG, một trong các quyền hạn giám sát, kiểm tra của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trở nên “thừa” vì trùng lặp với hoạt động thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Mặt khác, theo quy định hiện hành, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có quyền giám sát biến động về tài sản của ngân hàng thương mại thông qua sự đánh giá của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về ngân hàng thương mại có nguy cơ mất khả năng chi trả, thất thoát lớn về tài sản hoặc có tác động nghiêm trọng đến ngân hàng thương mại khác. Nhưng chưa có quy định nào thể hiện tiêu chí “thất thoát lớn về tài sản” hay “tác động nghiêm trọng đến ngân hàng thương mại khác” làm căn cứ cho các kiến nghị, đề xuất của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam sau hoạt động kiểm tra, giám sát. Khoảng trống này của pháp luật về giám sát, kiểm tra của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cần được khắc phục. Đồng thời, trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chỉ có quyền báo các bằng văn bản đến Ngân hàng Nhà nước. Nghĩa là, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam không được can thiệp vào hoạt động của ngân hàng thương mại nhằm ngăn ngừa nguy cơ rủi ro của các tổ chức. Do đó, hoạt động kiểm tra, giám sát của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chưa thể hiện được vai trò, mục đích và ý nghĩa như kỳ vọng của các nhà hoạch định chính sách.

Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra, giám sát của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đối với các ngân hàng thương mại chủ yếu dựa vào phân tích các báo cáo tài chính do các tổ chức đó cung cấp, không căn cứ vào hoạt động thực tế của các tổ chức tham gia BHTG. Do đó, hiệu quả của các hoạt động này phần nhiều phụ thuộc vào sự minh bạch trong thông tin mà các ngân hàng thương mại cung cấp cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Mặt khác, các thông tin trong báo cáo chịu sự chi phối của các quy định về bảo mật hoạt động ngân hàng. Thực tế này đã góp

phần tạo ra sự yếu kém trong hoạt động kiểm tra, giám sát của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Đồng thời, nội dung kiểm tra, giám sát được xây dựng trên cơ sở các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chưa vận dụng mô hình giám sát hiện đại theo thông lệ quốc tế. Do vậy, kết quả kiểm tra, giám sát và việc thông báo kết quả chỉ thể hiện sự tuân thủ pháp luật về hoạt động BHTG, chưa thực sự mang tính cảnh báo sớm về những rủi ro đối với tổ chức tham gia BHTG.

Về quy trình giám sát, hoạt động giám sát từ xa được quy định thực hiện theo từng quý. Theo đó, thông thường ngày 20 tháng đầu quý mới hoàn thành kết quả giám sát của quý trước. Do đó, chưa bảo đảm cảnh báo kịp thời đối với các tổ chức tham gia BHTG gặp vấn đề trong hoạt động kinh doanh của mình, tác dụng cảnh báo sớm còn thấp. Bên cạnh đó, việc thực hiện đánh giá mức độ rủi ro tại các ngân hàng thương mại chưa được quy định rõ ràng. Chưa có các quy định về chia sẻ thông tin, cơ chế phối hợp giữa tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc đưa ra cảnh báo sớm đối với các ngân hàng thương mại.

Hai là, năng lực và kinh nghiệm giám sát an toàn hoạt động ngân hàng của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam còn yếu. Điều này đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Nội dung các cuộc kiểm tra trên của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam vẫn chỉ dừng lại ở các nội dung kiểm tra việc tính và nộp phí BHTG, việc niêm yết chứng nhận BHTG, quản lý, hạch toán tiền gửi thuộc đối tượng BHTG, chấp hành quy định về thông tin, báo cáo đối với các ngân hàng thương mại. Mặt khác, về đối tượng kiểm tra, giám sát, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam mới chỉ thực hiện các hoạt động kiểm tra và giám sát đối với một số ngân hàng thương mại nhất định. Như vậy, không phải hầu hết các ngân hàng thương mại là đối tượng

được thực hiện kiểm tra, giám sát về việc thực hiện các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng.

Ba là, pháp luật về BHTG hiện hành chưa quy định các biện pháp chế tài mà Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có thể áp dụng đối với ngân hàng thương mại vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng. Trong quá trình thực hiện các chức năng của mình, nếu phát hiện ngân hàng thương mại vi phạm các quy định về an toàn đối với hoạt động ngân hàng, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có thể yêu cầu ngân hàng thương mại thực hiện các biện pháp chấn chỉnh kịp thời, báo cáo bằng văn bản lên Ngân hàng Nhà nước. Điều đó dẫn tới hoạt động kiểm tra, giám sát của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đạt hiệu quả chưa cao. Trong khi đó, theo thông lệ quốc tế, ở hệ thống BHTG hiệu quả, tổ chức BHTG được phép áp dụng các biện pháp xử lý thích đáng đối với tổ chức tham gia BHTG vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng. Chẳng hạn, căn cứ vào tiêu chuẩn xếp hạng mức tín nhiệm của các ngân hàng thương mại, tổ chức BHTG thực hiện đánh giá, xếp loại các ngân hàng thương mại. Mức tín nhiệm của một ngân hàng thương mại bị giảm sút có tính chất quyết định đối với việc duy trì quan hệ tín dụng của tổ chức đó với người gửi tiền. Để tránh việc người gửi tiền rút tiền gửi, ngân hàng thương mại bắt buộc phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về an toàn ngân hàng cũng như các quy định pháp luật về hoạt động BHTG.

Thứ tư, quy định về hoạt động hỗ trợ tài chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cho các ngân hàng thương mại chưa được đầy đủ

Căn cứ pháp lý để Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện hoạt động hỗ trợ tài chính đối với ngân hàng thương mại là sự xác nhận của Ngân hàng Nhà nước về việc một ngân hàng thương mại đủ điều kiện nhận hỗ trợ tài chính. Đó là ngân hàng thương mại đã ba lần trong một tháng không đủ khả năng tài chính trả các

khoản nợ đến hạn nhưng chưa bị đặt dưới sự kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong khi đó, căn cứ để Ngân hàng Nhà nước ra quyết định một ngân hàng thương mại bị hay chưa bị đặt trong sự kiểm soát đặc biệt của cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ và ngân hàng chưa rõ ràng. Quan điểm của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp này là sự giải thể hay phá sản một ngân hàng thương mại có khả năng gây ra những hậu quả nghiêm trọng đến hệ thống ngân hàng cũng như tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Liệu sự xác nhận một ngân hàng thương mại gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh được hay không được nhận hỗ trợ tài chính từ Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có mang tính “chủ quan” của Ngân hàng Nhà nước hay không?

Sau khi thực hiện hỗ trợ tài chính cho ngân hàng thương mại, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trở thành chủ nợ của ngân hàng thương mại đó. Trường hợp ngân hàng thương mại vẫn bị phá sản, không thể phục hồi hoạt động kinh doanh phải giải thể hoặc Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản, khoản nợ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được phân chia theo các thứ tự được quy định tại Luật phá sản. Nếu Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là chủ nợ có bảo đảm, thì các khoản nợ có bảo đảm được ưu tiên thanh toán trước. Trường hợp Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là chủ nợ không bảo đảm thì chỉ được trả sau khi đã trả cho toàn bộ chi phí mở thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản và các khoản nợ của người lao động. Như vậy, có thể xảy ra tình trạng Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam không thu hồi được khoản nợ này (như tình trạng của các chủ nợ không bảo đảm khác). Vậy Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm gì hay không? Chưa có quy định pháp luật về trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp này. Trong khi đó, về nguyên tắc, khoản tài chính được sử dụng để hỗ trợ ngân hàng thương mại gặp khó khăn phải được thu hồi về quỹ BHTG.

Pháp luật hiện hành cũng chưa có quy định về mức hỗ trợ tài chính cho ngân hàng thương mại trong cơ cấu quỹ BHTG. Do đó, trường hợp Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam không thể thu hồi được khoản nợ này có thể ảnh hưởng xấu đến quỹ BHTG cũng như đến hoạt động BHTG. Ngoài ra, chưa dự liệu tình huống nguồn tài chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam không đủ thì lấy từ nguồn nào, dựa trên cơ sở nào, để thực hiện hỗ trợ kịp thời cho ngân hàng thương mại.

Thứ năm, về chấm dứt quan hệ bảo hiểm tiền gửi

Một là, pháp luật quy định về sự kiện BHTG chưa rõ ràng, chưa có sự tách bạch giữa trường hợp thu hồi giấy chứng nhận tham gia BHTG và chấm dứt quan hệ BHTG. Sự kiện BHTG là sự kiện pháp lý phát sinh nghĩa vụ chi trả tiền BHTG cho người gửi tiền, được pháp luật quy định, không do các bên chủ thể thoả thuận. Đó là khi tổ chức tham gia BHTG mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc yêu cầu chấm dứt các giao dịch để thanh lý tài sản hoặc Toà án thông báo quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật phá sản. Như vậy, sự kiện BHTG được phát sinh trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG mất khả năng thanh toán nợ đến hạn theo thủ tục giải thể hoặc phá sản.

Tuy nhiên, các quy định về BHTG hiện hành không phù hợp với các quy định về trường hợp giải thể các ngân hàng thương mại là hết thời hạn hoạt động mà không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp nhận; bị thu hồi giấy phép hoạt động... Trường hợp ngân hàng thương mại không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn và chủ nợ có yêu cầu tuyên bố phá sản thì mới bị lâm vào tình trạng phá sản. Khi chủ thể có thẩm quyền nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản thực hiện quyền nộp đơn, Toà án có thẩm quyền mới có cơ sở pháp lý để mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá

sản đối với tổ chức đó [10]. Do đó, ngân hàng thương mại mất khả năng thanh toán nợ đến hạn nhưng chủ thể có thẩm quyền nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản không thực hiện quyền nộp đơn, tổ chức đó không thể giải quyết theo thủ tục phá sản mà chỉ tiến hành thủ tục giải thể (có thể theo hình thức giải thể bắt buộc). Từ đó, có thể làm ảnh hưởng đến việc tham gia của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong quá trình thanh lý tài sản của tổ chức với tư cách là người bảo lãnh - chủ nợ không bảo đảm.

Mặt khác, quy định trên không còn phù hợp với thời kì hiện nay. Bởi vì, trong trường hợp giải thể, ngân hàng thương mại có khả năng thanh toán các khoản nợ nên không đặt ra vấn đề chi trả BHTG. Trường hợp tổ chức tham gia BHTG giải thể và không có khả năng thanh toán các khoản nợ thì phải chuyển sang thủ tục phá sản. Hơn nữa, theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền nhận tiền gửi của cá nhân. Vì vậy, các ngân hàng thương mại này phải tham gia BHTG. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có nghĩa vụ chi trả tiền BHTG cho người gửi tiền phải bao gồm cả các trường hợp áp dụng đối với ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Nhưng trong Luật Các tổ chức tín dụng hiện hành không có quy định về việc phá sản chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Hai là, pháp luật hiện hành chưa có quy định bảo đảm quyền nhận tiền chi trả của người gửi tiền trong trường hợp ngân hàng thương mại không thực hiện nghĩa vụ chi trả cho người gửi tiền. Pháp luật về BHTG hiện hành quy định, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chấm dứt hoạt động của tổ chức nhận tiền gửi (đối với thủ tục giải thể) hoặc có quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản của Tòa án (đối với thủ tục phá sản). Trường hợp Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam không thực hiện hoặc thực hiện chậm trễ nghĩa vụ chi trả, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người gửi

tiền thì chưa quy định cụ thể về chế tài pháp lý cũng như các giải pháp bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền.

Ba là, về thu hồi tiền chi trả BHTG. Theo pháp luật về BHTG hiện hành, chi trả tiền BHTG cho người gửi tiền được tiến hành khi tổ chức nhận tiền gửi bị “đổ vỡ”. Đây là hoạt động thể hiện trực tiếp mục tiêu của pháp luật về BHTG. Dưới góc độ quản lý nhà nước đối với hoạt động BHTG, một trong những nhân tố để hệ thống BHTG hoạt động hiệu quả là quỹ BHTG được bảo đảm. Theo bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống BHTG hiệu quả do Ủy ban Basel về Giám sát ngân hàng (BCBS) và Hiệp hội BHTG quốc tế (IADI) xây dựng vào tháng 9 năm 2009, tổ chức BHTG cần được tham gia nhận các khoản thu hồi được trong quá trình thu hồi tài sản của NH bị “đổ vỡ” (Nguyên tắc thứ 18). Do vậy, tổ chức BHTG phải được nhận lại các khoản tiền đã chi trả BHTG trong quá trình thanh lý tài sản của tổ chức tham gia BHTG “đổ vỡ”. Bởi vì, số tiền chi trả BHTG cho người gửi tiền là nguồn từ ngân sách nhà nước và sự đóng góp của thành viên tham gia BHTG. Do đó, số tiền đã chi trả phải được thu hồi về quỹ BHTG. Pháp luật về BHTG của Việt Nam đã tạo cơ sở pháp lý để Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thu hồi lại tiền BHTG sau chi trả. Theo đó, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trở thành chủ nợ của tổ chức tham gia BHTG với số tiền BHTG đã chi trả. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được phân chia giá trị tài sản theo thứ tự thanh toán như đối với người gửi tiền trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG bị buộc giải thể do không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn hoặc bị phá sản theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản. Số tiền thu hồi được bổ sung vào nguồn quỹ hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Còn dưới góc độ thực hiện pháp luật về hoạt động BHTG, quy định Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thu hồi lại tiền BHTG sau chi trả có điểm không phù hợp với bản chất của hoạt động BH nói chung và BHTG nói riêng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát và đánh giá thực trạng pháp luật về BHTG cũng như thực tiễn hoạt động bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam, có thể nhận thấy, trong thời gian qua, các quy định pháp luật về BHTG hiện hành đã góp phần không nhỏ vào việc bảo đảm sự an toàn, ổn định của hoạt động ngân hàng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền tại các tổ chức tham gia BHTG, duy trì sự tin tưởng của người gửi tiền đối với hệ thống ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đạt được, pháp luật về BHTG hiện hành của Việt Nam còn bộc lộ nhiều bất cập.

Để đánh giá đầy đủ, toàn diện thực trạng pháp luật về hoạt động BHTG, trong Chương 3 của Luận án đã có những so sánh, đối chiếu với những kinh nghiệm về hoạt động BHTG của một số nước, trong đó tập trung vào pháp luật về hoạt động BHTG của Đài Loan, một quốc gia châu Á và xuất phát điểm của hoạt động BHTG có những điểm tương đồng với Việt Nam. Hiện tại, các quy định pháp luật về BHTG có nhiều điểm cần phải bổ sung và hoàn thiện. Và đây sẽ là những căn cứ thực tiễn để đề ra định hướng và giải pháp ở Chương 4 của Luận án.

Chương 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

4.1. Xu hướng phát triển của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam và sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam trong thời gian tới

4.1.1. Xu hướng phát triển của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay

Trải qua một thập kỷ cùng với quá trình đổi mới và hội nhập, hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam đã có nhiều thay đổi quan trọng. Sự xuất hiện của các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và việc loại bỏ dần các hạn chế đối với hoạt động của chi nhánh ngân hàng đã đẩy mức độ cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt, buộc các ngân hàng Việt Nam phải tái cấu trúc để tiếp tục phát triển. 2 trong số 5 ngân hàng thương mại Nhà nước đã thực hiện cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo mô hình đa sở hữu được gần hai năm. Các ngân hàng thương mại cổ phần một mặt đang cấu trúc lại, có sự tham gia của các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài cùng lộ trình tăng vốn điều lệ lên mức tối thiểu là 3.000 tỉ VND [9]. Tất cả các động thái này nhằm hướng tới sự phát triển bền vững trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Định hướng phát triển khu vực ngân hàng được xác định dựa trên cơ sở những xu hướng phát triển tất yếu của hệ thống ngân hàng; những mong muốn và khả năng có thể đạt được. Những nhân tố đóng vai trò chi phối xu hướng phát triển khu vực ngân hàng thương mại bao gồm:

- Bối cảnh toàn cầu hóa và tự do hóa ngày càng gia tăng, những bất ổn khó lường của thị trường toàn cầu ngày càng mạnh mẽ hơn và tiến bộ công nghệ đang có những tác động mạnh đến sự phát triển hệ thống tài chính trong nước và toàn cầu, cách tiếp cận của các định chế tài chính. Để phù hợp với tình hình này, cần sự năng động của hệ thống tài chính, đặc biệt là các định chế tài chính trong nước phải được vững mạnh và hiệu quả.

- Kinh tế tri thức cùng với những tiến bộ về công nghệ đã xác định lại các quy tắc vận hành và sự chuyển đổi môi trường mà các định chế tài chính hoạt động. Bước sang thế kỷ XXI, chúng ta đang đứng trước thời cơ mới. nhân loại đang từng bước đi vào sử dụng tri thức cho phát triển và đang hình thành nền kinh tế dựa vào tri thức, sử dụng nhanh và gần như trực tiếp các thành tựu của khoa học công nghệ vào phục vụ sản xuất đời sống trong đó bao gồm ngành tài chính ngân hàng. Trong môi trường mới như vậy, khả năng của các định chế tài chính trong hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ một cách hiệu quả nhất sẽ là chìa khóa xác định chức năng và phạm vi hoạt động của định chế tài chính. Theo đó, khả năng thu được những lợi ích trong môi trường cạnh tranh mới phụ thuộc rất nhiều vào khả năng và năng lực của các định chế tài chính trong việc nhanh chóng thích nghi với môi trường mới và nắm bắt kịp thời những cơ hội mới.

- Tốc độ phát triển kinh tế nhanh chóng và chuyển đổi môi trường đã tạo ra nhu cầu mới cũng như cơ hội cho các doanh nghiệp. Điều này tất yếu đòi hỏi những dịch vụ tài chính là nguồn cung cấp vốn cho doanh nghiệp cần hoạt động hiệu quả. Đồng thời, sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp, cá nhân và hộ gia đình sẽ là nhân tố chính để duy trì sự ổn định của cả hệ thống tài chính.

- Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu là một thảm họa đối với nhân loại, với nền kinh tế thế giới và với nền kinh tế của mỗi quốc gia. Hậu

quả của nó tác động đến tất cả các mặt của đời sống: kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh, quốc phòng. Đã có nhiều cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu làm sụp đổ không chỉ nền kinh tế của một số nước mà còn làm thay đổi các thể chế chính trị, các chế độ và các nhà cầm quyền. đặt ra vấn đề phải tái cơ cấu hệ thống tài chính của từng quốc gia cũng như toàn cầu, theo một xu hướng tăng cường khả năng giám sát và cảnh báo sớm nhằm ngăn ngừa những bất ổn có thể xảy ra. Như vậy, có thể nói, nhìn về tương lai, sự phát triển hệ thống tài chính thế giới là theo xu hướng phát triển ổn định, bền vững, hiệu quả sẽ đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế.

Trải qua hơn 30 năm đổi mới và phát triển, khu vực ngân hàng Việt Nam mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, song trong giai đoạn phát triển tới, cần phải tập trung phấn đấu nâng cao năng lực tài chính và năng lực hoạt động bắt kịp tốc độ phát triển của ngân hàng một số nước phát triển trong khu vực. Việt Nam đến năm 2020 phải đảm bảo phát triển một hệ thống ngân hàng vững mạnh, cạnh tranh và năng động, hỗ trợ và đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế. Đồng thời, phải hướng tới một nền tảng công nghệ ngân hàng sẵn sàng đối mặt với những thách thức của tự do hóa và toàn cầu hóa.

Hệ thống ngân hàng thương mại phát triển ổn định, vững mạnh và an toàn là hệ thống có khả năng chịu được những biến động đột ngột bất lợi về kinh tế và tài chính xảy ra từ bên trong lẫn bên ngoài hệ thống mà không gây ảnh hưởng đáng kể các chức năng trung gian và chức năng của nền kinh tế. Để có được một hệ thống ngân hàng thương mại ổn định, thì phải có các định chế tài chính hoạt động vững mạnh, hiệu quả và có hiệu lực, có các quy định quản lý thận trọng với hệ thống thanh tra giám sát chặt chẽ và cơ sở hạ tầng tài chính đáng tin cậy.

Định chế tài chính vững mạnh phải là một định chế tài chính có năng lực quản lý rủi ro, chuyên môn tín dụng cũng như kỹ năng quản trị doanh nghiệp

vững mạnh. Quản trị doanh nghiệp sẽ được tăng cường thông qua việc cải thiện yếu tố chất lượng và tính chịu trách nhiệm trong quản lý của ban giám đốc điều hành. Khu vực ngân hàng sẽ phát triển ổn định, lành mạnh và đa dạng, phát triển theo chiều sâu, nâng cao vị thế, vai trò và tầm ảnh hưởng của khu vực ngân hàng trong nền kinh tế quốc dân, trong hệ thống tài chính của khu vực và thế giới nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu đa dạng của nền kinh tế, của xã hội về các sản phẩm và dịch vụ tài chính.

Về mục tiêu, Việt Nam cần xây dựng một hệ thống các tổ chức tín dụng có uy tín, có khả năng cạnh tranh, hoạt động có hiệu quả, an toàn, tăng cường huy động các nguồn vốn trong xã hội và mở rộng đầu tư đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hoá đất nước và quá trình hội nhập quốc tế. Cải cách căn bản, triệt để và phát triển toàn diện hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng hiện đại, hoạt động đa năng để đạt trình độ phát triển trung bình tiên tiến trong khu vực với cấu trúc đa dạng về sở hữu, về loại hình tổ chức tín dụng, có quy mô hoạt động lớn hơn, tài chính lành mạnh, đồng thời tạo nền tảng đến sau năm 2010 xây dựng được hệ thống các tổ chức tín dụng hiện đại, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực Châu Á, đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng, có khả năng cạnh tranh với các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới. Bảo đảm các tổ chức tín dụng, kể cả các tổ chức tín dụng nhà nước hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc thị trường và vì mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận.

Định hướng chiến lược phát triển hệ thống ngân hàng theo mục tiêu nói trên được chi tiết hoá bởi các nội dung cụ thể sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý có hiệu lực, đảm bảo sự bình đẳng an toàn cho mọi tổ chức hoạt động dịch vụ ngân hàng tài chính trên lãnh thổ Việt Nam. Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý, áp dụng đầy đủ hơn các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn kinh doanh

tiền tệ – ngân hàng. Hình thành môi trường pháp luật minh bạch và công bằng trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm thúc đẩy cạnh tranh và bảo đảm an toàn hệ thống tiền tệ, ngân hàng.

Hai là, xây dựng các quy chế quản lý và hoạt động phù hợp với chuẩn mực quốc tế như quản trị rủi ro, quản trị nguồn vốn, kiểm tra kiểm toán nội bộ, xây dựng quy trình tín dụng hiện đại và hoàn thiện sổ tay (hoặc cẩm nang) tín dụng, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ chỉ số an toàn và hiệu quả kinh doanh ngân hàng phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam. Ví dụ về quản trị rủi ro có Hiệp ước quốc tế Basel II là “sản phẩm” của Ủy ban Basel về Giám sát các ngân hàng với mục tiêu chuẩn hóa các quy định về an toàn vốn trong hoạt động ngân hàng. Basel được xây dựng trên nguyên tắc cơ bản đảm bảo các ngân hàng duy trì đủ nguồn vốn bù đắp cho các khoản lỗ có thể phát sinh từ những rủi ro mà ngân hàng đang nắm giữ. Việc triển khai Basel giúp chuẩn hóa, cải thiện và lành mạnh hóa lĩnh vực ngân hàng thông qua việc áp dụng các chuẩn mực toàn cầu.

Ba là, tiếp tục mở cửa thị trường trong nước trên cơ sở xoá bỏ dần các giới hạn về số lượng, loại hình tổ chức, phạm vi hoạt động, tỷ lệ góp vốn của nước ngoài, đảm bảo quyền kinh doanh của các ngân hàng và tổ chức tài chính nước ngoài theo các cam kết đa phương và song phương.

Bốn là, đổi mới mô hình tổ chức và quản trị của các ngân hàng thương mại, trước hết là các ngân hàng thương mại nhà nước. Một nội dung quan trọng trong đề án tái cơ cấu là đổi mới tổ chức bộ máy theo hướng ngân hàng thương mại hiện đại. Từng bước đổi mới cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, chức năng của hệ thống Ngân hàng Nhà nước nhằm nâng cao vai trò và hiệu quả điều hành vĩ mô của Ngân hàng Nhà nước, nhất là việc thiết lập, điều hành chính sách tiền tệ quốc gia và trong việc quản lý, giám sát hoạt động của các trung gian tài chính.

Trước hết, thực hiện tái cơ cấu lại hệ thống ngân hàng theo các đề án đã được Chính phủ phê duyệt và phù hợp với các cam kết với các tổ chức tài chính quốc tế, nhằm tạo ra các ngân hàng có quy mô lớn, hoạt động an toàn, hiệu quả và có đủ sức cạnh tranh. Đây được coi là nhiệm vụ trọng tâm và cấp bách của công cuộc đổi mới hệ thống ngân hàng - tài chính trong giai đoạn hiện nay.

Năm là, tăng quy mô về vốn cho các ngân hàng thông qua tích lũy và tập trung vốn theo hướng: (i) Nghiên cứu và xem xét tiến hành sát nhập các ngân hàng thương mại nhà nước để trở thành một ngân hàng có đủ tiềm lực về tài chính có thể cạnh tranh với các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới. Hiện nay, các ngân hàng thương mại nhà nước ở nước ta tuy có tên gọi khác nhau nhưng đều có các chức năng kinh doanh tiền tệ – tín dụng như nhau và đều có vốn sở hữu của Nhà nước. Chính việc chia nhỏ nguồn vốn của nhà nước thành nhiều ngân hàng đã làm cho hoạt động không hiệu quả bởi chi phí cho công tác điều hành chi phí quản lý quá cao. Sáp nhập sẽ tạo nên quy mô về vốn lớn hơn đồng thời giảm được chi phí điều hành, quản lý và hơn hết là tạo nên phương thức quản lý mới là cơ hội để sử dụng vốn có hiệu quả. (ii) Thúc đẩy tiến trình cổ phần hoá các ngân hàng thương mại nhà nước nhằm tận dụng các nguồn lực tài chính trong dân chúng trong nước và nước ngoài. Trên cơ sở đó thay đổi mô hình quản lý từ đó tạo sắc thái mới trong hoạt động kinh doanh. (iii) Đẩy mạnh liên doanh liên kết trong hệ thống ngân hàng để tận dụng vốn và kỹ thuật cũng như trình độ quản lý từ các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Sáu là, hiện đại hoá công nghệ ngân hàng, nhất là hệ thống thông tin quản lý cho toàn hệ thống ngân hàng phục vụ công tác điều hành hoạt động kinh doanh, kiểm soát hoạt động ngân hàng, quản lý vốn tài sản, quản lý rủi ro, quản lý công nợ và công tác kế toán, hệ thống thanh toán liên ngân hàng, hệ thống giao dịch điện tử và giám sát từ xa... nhằm nâng cao chất lượng phục vụ. Phát

triển hạ tầng công nghệ ngân hàng hiện đại ngang tầm với các nước trong khu vực dựa trên cơ sở ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin, điện tử tiên tiến và các chuẩn mực, thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Bảy là, đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngân hàng, thực hiện các dịch vụ ngân hàng điện tử, từ đó, giảm được việc phát triển các chi nhánh tốn kém trong việc xây dựng trụ sở và lãng phí trong sử dụng lao động. Phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng đa dạng, đa tiện ích được định hướng theo nhu cầu của nền kinh tế trên cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả các dịch vụ ngân hàng truyền thống, đồng thời tiếp cận nhanh hoạt động ngân hàng hiện đại và dịch vụ tài chính, ngân hàng mới có hàm lượng công nghệ cao. Nâng cao năng lực cạnh tranh của dịch vụ ngân hàng của các ngân hàng thương mại Việt Nam theo nguyên tắc thị trường, minh bạch, hạn chế bao cấp và chống độc quyền cung cấp dịch vụ ngân hàng để từng bước phát triển thị trường dịch vụ ngân hàng thông thoáng, cạnh tranh lành mạnh, an toàn và hiệu quả. Từng bước tự do hoá gia nhập thị trường và khuyến khích các ngân hàng thương mại cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ, công nghệ, uy tín, thương hiệu thay vì dựa chủ yếu vào giá cả dịch vụ và mở rộng mạng lưới.

Tám là, đào tạo, nâng cao trình độ nhận thức và kỹ năng nghiệp vụ ngân hàng là yêu cầu thường xuyên. Các ngân hàng cần có trung tâm đào tạo được trang bị hiện đại. Chương trình đào tạo ở các ngân hàng thương mại phải thiết thực, cụ thể nhằm trau dồi, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ của ngân hàng hiện đại. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, đào tạo và đào tạo lại cán bộ thực hiện tốt nghiệp vụ ngân hàng hiện đại, tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập quốc tế, nhất là những cán bộ trực tiếp tham gia vào quá trình đàm phán, ký kết hợp đồng quốc tế, cán bộ thanh tra giám sát và cán bộ chuyên trách làm công tác pháp luật quốc tế, cán bộ sử dụng và vận hành công nghệ mới.

4.1.2. Sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, xuất phát từ vai trò của ngân hàng thương mại là nơi cung cấp vốn cho nền kinh tế

Với hoạt động đứng ra huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi ở mọi tổ chức, cá nhân, mọi thành phần kinh tế (vốn tạm thời nhàn rỗi được giải phóng từ quá trình sản xuất, từ nguồn tiết kiệm của dân cư...). Thông qua nghiệp vụ tín dụng, ngân hàng thương mại đã cung cấp vốn cho nền kinh tế, đáp ứng đầy đủ kịp thời cho quá trình tái sản xuất. Chính nhờ hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại, đặc biệt là hoạt động tín dụng, các doanh nghiệp có điều kiện cải thiện hoạt động kinh doanh của mình, góp phần nâng cao hiệu quả của cả nền kinh tế. Vì vậy, có thể khẳng định, chủ thể chính đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh chính là ngân hàng thương mại.

Thông qua hoạt động tín dụng và thanh toán giữa các ngân hàng thương mại trong hệ thống, các ngân hàng thương mại đã góp phần mở rộng hay thu hẹp lượng tiền trong lưu thông. Hơn nữa, bằng việc cấp các khoản tín dụng cho nền kinh tế, ngân hàng thương mại thực hiện việc dắt dẫn các luồng tiền, tập hợp, phân chia vốn của thị trường điều khiển chúng một cách có hiệu quả. Cho nên, nếu hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại không được quản lý, cũng như áp dụng những biện pháp an toàn tín dụng nhất định, thì khi xảy ra bất kỳ biến động tài chính nào sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế quốc gia. Pháp luật về BHTG chính là công cụ mang tính hiệu quả cao trong công tác này.

Thứ hai, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ người gửi tiền

Xuất phát từ cơ sở vốn từ tiền gửi của người gửi tiền là khoản vốn hoạt động quan trọng nhất của ngân hàng, chiếm tỷ trọng cao nhất trong nguồn vốn. Tuy nhiên, bộ phận đáng kể này trong vốn tiền gửi luôn luôn biến động. Do vậy,

hệ thống ngân hàng thương mại luôn phải dự trữ khoản tài chính nhất định phòng khi nguồn vốn này diễn biến xấu đi nhằm duy trì khả năng thanh toán của ngân hàng. Theo đó, khi ngân hàng xây dựng được hệ thống các biện pháp xử lý, giải quyết những nguy cơ rủi ro xuất phát từ biến động của nguồn vốn này sẽ duy trì hoạt động bình thường của ngân hàng. Điều đó đồng nghĩa với việc bảo vệ hiệu quả quyền lợi của người gửi tiền cũng là bảo đảm chính quyền lợi của ngân hàng thương mại. Một trong những biện pháp bảo vệ hiệu quả quyền lợi của người gửi tiền chính là hoạt động BHTG, bởi như đã phân tích, mục tiêu cốt lõi của chính sách BHTG là bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền. Hệ thống pháp luật BHTG là cơ sở để Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phát huy chức năng, nhiệm vụ của mình. Với cơ chế pháp luật hoàn thiện, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam sẽ hoạt động hiệu quả, chính xác, dự báo cũng như có hướng xử lý kịp thời những vấn đề có ảnh hưởng tới quyền lợi của người gửi tiền và ngược lại. Cho nên, việc hoàn thiện pháp luật BHTG có tác động nhất định tới thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ người gửi tiền.

Thứ ba, khắc phục những nhược điểm của hệ thống pháp luật hiện hành về bảo hiểm tiền gửi

Trong những năm qua, các quy phạm pháp luật về BHTG nước ta ngày càng hoàn thiện, nhiều văn bản quy phạm pháp luật được ban hành. Đó là kết quả của quá trình pháp điển hóa, kế thừa và phát triển những quy định phù hợp với thực tiễn, không ngừng hoàn thiện để đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền một cách hiệu quả nhất. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật tài chính - ngân hàng nói chung và pháp luật về BHTG nói riêng vẫn rất cần được hoàn thiện. Điều này cũng là một hiện tượng khách quan, bởi pháp luật bao giờ cũng được xây dựng trên nền tảng kinh tế xã hội. Khi xã hội phát triển thì không thể nào tránh khỏi những thiếu sót. Những quan hệ xã hội nhất là những quan hệ dân sự, kinh

doanh, thương mại luôn luôn vận động, biến đổi không ngừng, tất yếu dẫn đến sự lỗi thời của pháp luật. Thực tế hiện nay cho thấy, pháp luật về BHTG hiện hành ở Việt Nam còn chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập so với yêu cầu đổi mới của đất nước và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Nhiều quy định của pháp luật còn chưa cụ thể, chưa rõ ràng nên khi áp dụng vào thực tế xảy ra tình trạng không nhất quán trong cách hiểu cũng như giải quyết... Điều đó sẽ ảnh hưởng nhất định đến quyền lợi người gửi tiền, từ đó ảnh hưởng tới nền kinh tế nói chung. Vì vậy, thực tiễn cuộc sống đã thực sự đặt ra những đòi hỏi cấp bách đối với việc hoàn thiện pháp luật về BHTG tại Việt Nam.

Từ sự phân tích trên cho thấy, đổi mới và hoàn thiện pháp luật về BHTG ở Việt Nam đang là vấn đề cần được đặt ra. Điều đó, không chỉ xuất phát từ yêu cầu trong nước, mà còn xuất phát từ những yêu cầu có tính quốc tế cũng như xu hướng vận động và phát triển chung của thế giới. Một khối lượng rất lớn công việc đang được đặt ra đối với công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật về BHTG, đòi hỏi phải có những quan điểm chỉ đạo đúng đắn và những giải pháp đồng bộ cho vấn đề này.

4.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam

Hoạt động BHTG được đánh giá là một trong những giải pháp góp phần bảo đảm an toàn đối với hoạt động ngân hàng ở mỗi quốc gia cũng như tại Việt Nam. Do đó:

4.2.1. Hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi phải gắn liền với định hướng cải cách cơ bản pháp luật về hoạt động ngân hàng ở Việt Nam

Theo đó, chúng ta cần cải cách căn bản, triệt để và phát triển toàn diện hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng hiện đại hoạt động đa năng để đạt trình độ phát triển trung bình tiên tiến trong khu vực ASEAN với cấu trúc đa dạng về sở

hữu, loại hình tổ chức tín dụng, có quy mô hoạt động lớn hơn, tài chính lành mạnh hơn. Đồng thời, tạo nền tảng đến sau năm 2010 xây dựng được hệ thống tổ chức tín dụng hiện đại, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực châu Á, đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng, có khả năng cạnh tranh với các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới. Bảo đảm các ngân hàng thương mại kể cả ngân hàng thương mại nhà nước hoạt động kinh doanh theo cơ chế thị trường.

Phát triển hệ thống ngân hàng thương mại hoạt động an toàn và hiệu quả vững chắc dựa trên cơ sở công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến, áp dụng thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng. Phát triển đa dạng hoá các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là huy động vốn, cấp tín dụng và thanh toán với chất lượng cao và mạng lưới phân phối phát triển hợp lý nhằm cung cấp kịp thời, đầy đủ, thuận tiện các dịch vụ, tiện ích ngân hàng cho nền kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Hình thành thị trường dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là thị trường tín dụng cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các loại hình tổ chức tín dụng, tạo cơ hội cho mọi cá nhân, tổ chức có nhu cầu hợp pháp, đủ khả năng và điều kiện đều có thể tiếp cận thuận lợi các dịch vụ ngân hàng. Ngăn chặn và hạn chế mọi tiêu cực trong hoạt động tín dụng.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống ngân hàng, tách bạch tín dụng chính sách và tín dụng thương mại nhằm bảo đảm quyền kinh doanh của các ngân hàng và các tổ chức tài chính nước ngoài. Tiếp tục củng cố, lành mạnh hoá và phát triển các ngân hàng thương mại cổ phần; ngăn ngừa kịp thời, không xảy ra đổ vỡ ngân hàng ngoài sự kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng thương mại yếu kém.

4.2.2. Hoàn thiện pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi phải gắn liền với chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã đặt ra các chỉ tiêu phát triển dịch vụ ngân hàng theo Đề án nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế và có tác động đến định hướng hoàn thiện pháp luật về BHTG trong thời gian tới. Ngoài việc khẳng định những thành quả đạt được của dịch vụ ngân hàng đối với nền kinh tế trong thời gian qua, Đề án đã vạch ra 8 mục tiêu cụ thể và 6 nguyên tắc trong quá trình thực hiện để nâng tầm chất lượng dịch vụ ngành ngân hàng.

Cụ thể, 8 chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2020 bao gồm: (i) 70% dân số trưởng thành có tài khoản tại các ngân hàng; (ii) Có ít nhất 20 chi nhánh, phòng giao dịch/100.000 dân số trưởng thành; (iii) Khoảng 30.000 máy ATM (40 máy/100.000 dân số trưởng thành); (iv) 300.000 POS (400 POS/100.000 dân số trưởng thành); (v) Có khoảng 15% số chi nhánh và phòng giao dịch của ngân hàng thương mại mở tại địa bàn nông thôn; (vi) Khoảng 35-40% người trưởng thành ở nông thôn có tiết kiệm tổ chức tín dụng; (vii) Khoảng 50-60% doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động tiếp cận tín dụng; (viii) Tăng gấp 2 lần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng [12].

4.2.3. Hoàn thiện pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi phải gắn liền với định hướng phát triển hoạt động huy động vốn

Nội dung định hướng phát triển dịch vụ huy động vốn thể hiện trên hai mặt cơ bản: (i) Khuyến khích các cá nhân, tổ chức tích lũy tài sản, đầu tư và gửi tiền vào ngân hàng bằng tiền Việt Nam. Trong đó, chú trọng các nguồn tiền gửi và tiết kiệm của khách hàng; tiền gửi, tiền vay trên thị trường liên ngân hàng. Đồng thời, đẩy mạnh phát hành giấy tờ có giá; dịch vụ tài khoản, tiếp nhận vốn uỷ thác từ trong và ngoài nước; quản lý tài sản của khách hàng cá nhân, tổ chức.

(ii) Khuyến khích các ngân hàng thương mại cạnh tranh huy động vốn chủ yếu dựa vào chất lượng, tính tiện lợi, công nghệ, hiệu quả, uy tín, mức độ tin cậy của ngân hàng thương mại thay cho hình thức cạnh tranh chủ yếu dựa vào lãi suất như hiện nay.

4.2.4. Hoàn thiện pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi phải bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển dịch vụ ngoại hối của Nhà nước ta

Đó là, tập trung các nguồn ngoại tệ vào hệ thống ngân hàng thương mại nhằm đáp ứng tốt nhất các nhu cầu chính đáng, hợp pháp về ngoại tệ của các doanh nghiệp và cá nhân, bảo đảm quyền sở hữu, mua, bán và sử dụng ngoại tệ của các doanh nghiệp và cá nhân theo quy định của pháp luật.

4.2.5. Hoàn thiện pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi phải khắc phục được những bất cập, hạn chế trong các quy định hiện hành

Theo đó, hệ thống các quy định về bảo hiểm tiền gửi cần được xây dựng theo hướng hiện đại, phù hợp với yêu cầu trình độ phát triển của hệ thống tín dụng - ngân hàng, là công cụ hữu hiệu để bảo vệ người gửi tiền, các ngân hàng thương mại cũng như các tổ chức tham gia BHTG khác, trong đó cần đặc biệt lưu ý đến các chế định như: Việc hình thành và xây dựng quỹ BHTG; mức phí BHTG; hạn mức chi trả BHTG; cơ chế kiểm tra, giám sát và tính an toàn trong hoạt động của các ngân hàng thương mại và các tổ chức tham gia BHTG khác.

4.3. Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

4.3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi

Một là, hoàn thiện quy định tạo điều kiện tăng nguồn thu cho quỹ BHTG

Cần bổ sung quy định về cơ chế bảo đảm cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam gia tăng quỹ BHTG thông qua các hoạt động đầu tư kinh doanh. Bởi vì, xuất

phát từ thực tế của hoạt động bảo hiểm là mang đặc tính đảo ngược chu kỳ kinh doanh. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cũng như các tổ chức bảo hiểm khác thực hiện thu phí bảo hiểm trước, thực hiện chi trả tiền bảo hiểm cho khách hàng trong tương lai khi có sự kiện bảo hiểm phát sinh.

Như vậy, phần lớn số phí BHTG (kể cả những tài sản khác của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam) tồn tại ở trạng thái “tĩnh” trong khoảng thời gian khá dài. Số vốn này cần thiết phải sử dụng để thực hiện đầu tư tìm kiếm lợi nhuận. Quy định về chức năng kinh doanh của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các cơ chế quản lý phù hợp sẽ là điều kiện thuận lợi để Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam gia tăng nguồn vốn hiện có, giảm gánh nặng tài chính cho nhà nước khi thực hiện chi trả tiền BHTG cho người gửi tiền.

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cũng như ở các nước được pháp luật quy định là một định chế tài chính độc lập, hoạt động theo pháp luật. Hơn thế nữa, bộ máy quản trị, điều hành được tổ chức như một tổ chức kinh tế hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận. Bên cạnh đó, tiềm lực tài chính của tổ chức thực hiện hoạt động BHTG của một quốc gia có ý nghĩa quan trọng đối với việc gây dựng và duy trì niềm tin đối với người gửi tiền. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh sẽ là điều kiện tốt nhằm tăng cường tiềm lực tài chính của tổ chức, giảm nhẹ gánh nặng cho Ngân sách Nhà nước do không còn phụ thuộc vào nguồn lực tài chính của nhà nước. Đồng thời, với tiềm lực tài chính được tăng cường, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có thể chủ động trong việc thực hiện chức năng chi trả BHTG cho người gửi tiền.

Hai là, hoàn thiện quy định về hạn mức trả tiền bảo hiểm

Nghiên cứu pháp luật của một số nước quy định về BHTG, cho thấy: Công ty Bảo hiểm Ký thác Liên bang Hoa Kỳ (FDIC) chi trả cho tất cả người gửi tiền tại ngân hàng với hạn mức lên tới 250.000USD (5,5 tỷ VNĐ), đồng thời,

cùng với FED (Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ) và các cơ quan có thẩm quyền khác giám sát hoạt động của các ngân hàng thương mại, nên người dân luôn yên tâm gửi tiền. Với hạn mức chi trả BHTG cao, dù có ngân hàng thương mại phá sản người dân cũng yên tâm gửi tiền, còn với hạn mức chi trả thấp, người dân sẽ mất niềm tin và tiền gửi sẽ bị rút ra. Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Hàn Quốc (KDIC) chi trả bảo hiểm tiền gửi cho người gửi tiền trong vòng 07 ngày trong trường hợp ngân hàng tiết kiệm bị đình chỉ. Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Hàn Quốc (KDIC) đã ký thỏa thuận với các ngân hàng để phát triển một hệ thống mạng tích hợp và vận hành hệ thống này từ ngày 23/11/2016. Bằng việc tích hợp mạng này, các ngân hàng tiết kiệm sẽ cung cấp thông tin tài chính cho Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Hàn Quốc (KDIC) và cho phép Tổng công ty này rút ngắn thời gian tính toán cho việc chi trả tiền bảo hiểm đối với người gửi tiền từ 05 tháng như hiện nay xuống còn 07 ngày làm việc [75].

Tháng 11/2016, Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Philippines (PDIC) đã giới thiệu đến người gửi tiền những thói quen tiết kiệm thông minh. Để là một người tiết kiệm thông minh, PDIC khuyến khích người gửi tiền tìm hiểu thông tin về hoạt động ngân hàng như: Thông tin về chủ sở hữu và đội ngũ nhân viên, tình hình tài chính, các sản phẩm của ngân hàng (các loại hình tiết kiệm, kỳ hạn gửi). PDIC lưu ý người gửi tiền cần chắc chắn ngân hàng đó đã đăng ký với hệ thống tính giá thanh toán (BSP) và là thành viên của PDIC. Bên cạnh đó, PDIC khuyến nghị người gửi tiền tìm hiểu các thông tin cần thiết về ngân hàng qua các kênh như: PDIC, hệ thống tính giá thanh toán (BSP), Ủy ban Chứng khoán & Hối đoái, website, báo giấy, tạp chí, các kênh phát thanh và truyền hình. Một người gửi tiền thông minh nên hiểu rõ nhu cầu của mình để lựa chọn dịch vụ ngân hàng phù hợp, và điều quan trọng là cần tìm hiểu kỹ về các mức phí ngân hàng áp dụng. Các thông tin cá nhân và hồ sơ ngân hàng như sổ tiết kiệm, thẻ

ATM, chứng chỉ tiền gửi, séc... cần được duy trì bảo mật mọi lúc và cập nhật thường xuyên. PDIC khuyến cáo người gửi tiền nên thường xuyên kiểm tra sao kê tài khoản. Người gửi tiền chỉ nên giao dịch tại ngân hàng với nhân viên được ủy quyền và trong quá trình thực hiện giao dịch, cần yêu cầu các nhân viên xuất trình thẻ cán bộ và đảm bảo mỗi giao dịch đều có đầy đủ chứng từ giao dịch xác nhận phiếu gửi tiền/rút tiền đi kèm. Ngoài ra, mỗi người gửi tiền phải cần hiểu rõ về các loại tiền gửi được bảo hiểm và hạn mức trả bảo hiểm tiền gửi của PDIC là 500.000 Peso (khoảng 10.314 USD, tương đương 219 triệu VNĐ). Cũng theo khuyến nghị của PDIC, lãi suất quá cao thường tiềm ẩn nhiều rủi ro. Đây là những tư vấn thiết thực, bổ ích của PDIC để giúp người gửi dân đảm bảo tốt nhất lợi ích của mình khi gửi tiền vào ngân hàng [36].

Các quốc gia phát triển rất linh hoạt trong việc điều chỉnh hạn mức chi trả BHTG theo tình hình kinh tế - xã hội từng thời kỳ, và thường đáp ứng các chỉ số như tỷ lệ số người gửi tiền được bảo hiểm toàn bộ trên tổng số người gửi tiền được bảo hiểm phải trên 80%; tỷ lệ số tiền gửi được bảo hiểm toàn bộ trên tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm khoảng 20-30%; tỷ lệ hạn mức BHTG trên GDP bình quân đầu người từ 2,5 đến 5 lần... Theo các tài liệu hướng dẫn của Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi Quốc tế (IADI), việc tính toán hạn mức trả tiền bảo hiểm phải tuân thủ hai mục tiêu cơ bản là bảo vệ những người gửi tiền nhỏ, thiếu thông tin về hoạt động ngân hàng và góp phần đảm bảo ổn định tài chính. Hạn mức chi trả phù hợp là hạn mức chi trả không quá thấp để khuyến khích người gửi tiền yên tâm gửi tiền vào ngân hàng và không quá cao để kiểm soát rủi ro đạo đức.

Các căn cứ để tính toán hạn mức bao gồm: (i) GDP bình quân đầu người và các yếu tố liên quan như lạm phát, tỷ giá, lòng tin của người dân vào hệ thống tài chính; (ii) Tỷ lệ phần trăm người gửi tiền được bảo vệ toàn bộ tính trên tổng số người gửi tiền; (iii) Tỷ lệ phần trăm giá trị tiền gửi được bảo vệ toàn bộ trên

tổng giá trị tiền gửi được bảo hiểm; (iv) Mức độ rủi ro của hệ thống ngân hàng và tổng thể nền kinh tế. Trong giai đoạn kinh tế bình thường, Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi Quốc tế (IADI) khuyến nghị hạn mức BHTG nên bảo vệ toàn bộ được 90% đến 95% số người gửi tiền; đồng thời tỷ lệ “hạn mức/GDP bình quân đầu người” nên tối thiểu bằng 2 và tương đương với mức trung bình của các quốc gia có cùng trình độ phát triển dịch vụ ngân hàng.

Ở nước ta, quy định hạn mức chi trả tiền bảo hiểm thể hiện chính sách của Nhà nước, được xây dựng trong từng thời kỳ và việc xác định hạn mức cần đảm bảo đồng thời 2 nguyên tắc sau: (i) Hạn mức BHTG cần đủ cao để duy trì niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống ngân hàng; (ii) Hạn mức cần đủ thấp để những người gửi tiền quy mô lớn không chủ quan với các hoạt động ngân hàng thiếu an toàn và rủi ro, qua đó, kiểm soát và điều tiết rủi ro đạo đức, tránh tình trạng mạo hiểm trong hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Mức BHTG được xây dựng dựa trên nhiều tiêu chí, nhưng có 2 tiêu chí quan trọng không thể bỏ qua, đó là: (i) Phải hướng đến bảo vệ số đông người gửi tiền, những người thiếu thông tin về hoạt động của ngân hàng; (ii) Mức tiền bảo hiểm được so sánh với mức thu nhập bình quân đầu người, thường gấp 3 lần mức thu nhập bình quân đầu người. Ngoài ra, việc xác định hạn mức cần chú ý tới các yếu tố có liên quan như: Thu nhập GDP bình quân đầu người, lạm phát, tỷ giá, lòng tin của người dân vào hệ thống tài chính; tỷ lệ % người gửi tiền được bảo vệ toàn bộ tính trên tổng số người gửi tiền; tỷ lệ % giá trị tiền gửi được bảo vệ toàn bộ trên tổng tiền gửi; mức độ rủi ro của hệ thống ngân hàng và tổng thể nền kinh tế.

Với quy định mức tối đa 75 triệu đồng về chi trả tiền bảo hiểm như hiện nay là chưa phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở Việt Nam đang không ngừng phát triển như hiện nay và là nguyên nhân làm giảm tính hiệu quả trong

việc kích thích nguồn vốn nhàn rỗi huy động trong dân, không khuyến khích người gửi tiền. Bởi hiện tại, mức tiền gửi của số đông người dân vào khoảng 150 triệu đến 200 triệu đồng, nhưng Nhà nước chỉ khi trả BHTG tối đa 75 triệu đồng cả gốc lẫn lãi là không phù hợp. Xét ở các yếu tố như thu nhập GDP bình quân đầu người, tình trạng lạm phát cao, tốc độ tăng trưởng tiền gửi... và chưa bảo vệ được hết quyền lợi của người gửi tiền nhưng cũng bù đắp được một phần rủi ro và hạn mức này đang được đề nghị nâng lên mức cao hơn để bảo vệ tốt nhất quyền lợi của người gửi tiền, duy trì niềm tin công chúng và tránh không gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của tổ chức tín dụng.

Khi so sánh với các nước trong khu vực Đông Nam Á, hạn mức chi trả BHTG của Việt Nam đang ở mức thấp nhất về số tiền tuyệt đối và hầu hết các tiêu chí khác như Hạn mức/GDP bình quân đầu người, tỷ lệ phần trăm người gửi tiền được bảo vệ toàn bộ, tỷ lệ phần trăm giá trị tiền gửi được bảo vệ toàn bộ. Cụ thể:

Quốc gia	Hạn mức chi trả BHTG (nguyên tệ)	Hạn mức chi trả BHTG (USD)	Hạn mức/GDP bình quân đầu người năm 2016
Thái Lan	25.000.000 (THB)	709.220	125,3
Indonesia	2.000.000.000 (IDR)	153.257	42,2
Malaysia	250.000 (MYR)	59.666	6,3
Singapore	50.000 (SGD)	35.971	0,7
Philippin	500.000 (PHP)	10.346	3,5
Việt Nam	50.000.000 (VNĐ)	2.242	1,0

Để đảm bảo tốt hơn quyền lợi người gửi tiền, ổn định tâm lý, tạo dựng niềm tin công chúng vào các ngân hàng, nhà làm luật, nhà nghiên cứu tài chính

cần nghiên cứu nâng hạn mức trả tiền bảo hiểm, hạn mức chi trả hợp lý vào khoảng 3 lần thu nhập bình quân người/năm (thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam năm 2017 ước tính là 53.500.000 đồng¹⁴, cao hơn thu nhập bình quân đầu người 45,7 triệu đồng (tương đương 2.109 USD) năm 2015) [1]. Như vậy, mức BHTG cần được quy định điều chỉnh lên 150 triệu hoặc cao hơn sẽ hợp lý hơn.

Ba là, hoàn thiện quy định về phí BHTG

Hiện nay, trên thế giới có 2 phương thức thu phí BHTG chủ yếu đó là phương pháp đồng hạng và phương pháp tính theo mức độ rủi ro. Với cách tính phí đồng hạng, số tiền phí phải nộp được tính theo một tỷ lệ phí đồng nhất áp dụng cho tất cả các tổ chức tham gia BHTG. Cách tính phí theo mức độ rủi ro với các tỷ lệ phí khác nhau, có phân biệt áp dụng cho từng nhóm tổ chức tham gia BHTG theo nguyên tắc tổ chức có rủi ro cao hơn phải nộp phí cao hơn và ngược lại.

Theo khảo sát của Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi Quốc tế (IADI) tại 63 quốc gia trên thế giới cho thấy, hiện nay, có 38/63 nước đang áp dụng phí đồng hạng, 25/63 nước áp dụng mức phí phân biệt. Thông lệ quốc tế cho thấy, các tổ chức BHTG có xu hướng áp dụng phương thức tính phí đồng hạng trong giai đoạn tổ chức BHTG mới thành lập, sau đó chuyển sang áp dụng phương thức tính phí theo mức độ rủi ro. Điều này xuất phát từ hai yếu tố chủ yếu: (i) Sau một thời gian hoạt động, tổ chức BHTG tích lũy đủ nguồn lực, kinh nghiệm, có khả năng đánh giá, xếp hạng, phân loại các tổ chức tham gia BHTG một cách phù hợp; (ii) Từ yêu cầu của chính hệ thống ngân hàng (yêu cầu nâng cao động lực quản trị

¹⁴ Báo cáo kinh tế- xã hội năm 2017, Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

rủi ro, đảm bảo công bằng cho các tổ chức tham gia BHTG, từ đó, nâng cao sự an toàn, lành mạnh của toàn hệ thống).

Phương pháp xác định phí BHTG theo mức độ rủi ro được xây dựng một cách phù hợp có thể tính mức phí cao hơn đối với tổ chức tham gia bảo hiểm có nhiều rủi ro và mức phí thấp hơn đối với những tổ chức hoạt động an toàn hơn. Như vậy, việc áp dụng thành công hệ thống phí BHTG theo mức độ rủi ro sẽ đạt được hai mục tiêu: (i) Khuyến khích tổ chức tín dụng giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo sự công bằng cho các tổ chức tín dụng tham gia BHTG (nếu chấp nhận rủi ro cao thì nộp phí cao hơn và ngược lại); (ii) Đẩy nhanh quá trình tích lũy quỹ BHTG (ví dụ chia các tổ chức tín dụng thành 4 nhóm với mức phí thu khác nhau là 0,15% - 0,2% - 0,25% - 0,3%).

Trong tương lai lâu dài, tại Việt Nam, khi mà Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có đủ năng lực, kinh nghiệm chuyên môn thì cần thiết nên trao quyền tính phí BHTG cho cơ quan này nắm thể chủ động theo dõi và quản lý hoạt động BHTG được hiệu quả hơn. Theo đó, sẽ việc tính phí sẽ xác định theo mức độ rủi ro của ngân hàng tham gia bảo hiểm. Ngân hàng nào rủi ro cao, thì phải chịu phí BHTG cao, ngân hàng nào an toàn hơn, thì chịu phí BHTG thấp hơn. Khi tính phí theo chất lượng hoạt động kinh doanh của ngân hàng như vậy, ngân hàng sẽ phấn đấu đạt hạng tốt để được hưởng mức phí thấp, giảm giá thành chi phí.

Theo các chuyên gia lĩnh vực ngân hàng, việc tính toán hạn mức chi trả BHTG phù hợp không khó. Khó là ở việc xây dựng và áp dụng cơ chế phí dựa trên mức độ rủi ro của tổ chức tín dụng, gắn liền với việc chuyển đổi hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam từ mô hình chi trả (Pay-box) sang mô hình giảm thiểu rủi ro (Risk-Minimiser). Đối với việc xây dựng cơ chế phí dựa trên mức độ rủi ro của tổ chức tín dụng, trước mắt, nên chẳng thực hiện những bài khảo sát mô phỏng và tiếp thu ý kiến đóng góp từ các ngân hàng thương mại và các

chuyên gia. Sau đó có thể tiến hành thí điểm đối với một số tổ chức tín dụng trước khi áp dụng thực tế.

***Bốn là,** hoàn thiện quy định về hỗ trợ tài chính cho các ngân hàng thương mại và tổ chức tham gia BHTG khác*

Các quy định pháp luật về vấn đề này cần hoàn thiện theo hướng:

(i) Phải làm rõ căn cứ pháp lý để Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện hoạt động hỗ trợ tài chính đối với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng. Đó là trường hợp các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng gặp khó khăn nhưng chưa tới mức lâm vào tình trạng phá sản, hoặc chưa bị xếp vào nhóm cần kiểm soát đặc biệt, dựa vào tiêu chí cụ thể về chỉ số nợ/tài sản có của tổ chức.

(ii) Phải quy định cơ chế để Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được tham gia thẩm định điều kiện áp dụng hoạt động hỗ trợ tài chính đối với tổ chức tham gia BHTG. Mặc dù Luật Bảo hiểm tiền gửi (khoản 13 Điều 13) quy định Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được “tham gia vào quá trình kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tham gia BHTG”, nhưng lại “theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam...(?) Quy định như vậy chưa rõ ràng về vai trò, phạm vi thẩm quyền, cơ chế phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong việc xác định các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng có thể bị xếp vào diện “kiểm soát đặc biệt”.

(iii) Phải quy định về nghĩa vụ của các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng được nhận hỗ trợ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Bởi vì, về nguyên tắc, khoản tài chính được sử dụng để hỗ trợ các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng gặp khó khăn phải được thu hồi về quỹ BHTG. Về lâu dài, nên nghiên cứu ban hành quy định pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho việc thành lập, hoạt động của ngân hàng bắc cầu trong hoạt động BHTG. Kinh nghiệm của một số quốc gia cho thấy, hoạt động hỗ trợ tài chính là một trong các hoạt động

quan trọng của các tổ chức thực hiện hoạt động BHTG. Nhưng hoạt động hỗ trợ tài chính được quy định và bảo đảm thực hiện với nhiều điều kiện khác nhau nhằm đạt hiệu quả hoạt động của BHTG. Thiết lập và bảo đảm hoạt động đối với ngân hàng bắc cầu là một trong những cách thức có hiệu quả cao trong hoạt động hỗ trợ tài chính của BHTG đối với tổ chức tham gia BHTG gặp khó khăn về tài chính. Chẳng hạn, theo kinh nghiệm của Đài Loan, Luật Bảo hiểm tiền gửi của Đài Loan quy định Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Đài Loan (CDIC) hỗ trợ tài chính cho các tổ chức tham gia BHTG khi tổ chức này gặp khó khăn đến mức có nguy cơ mất khả năng chi trả, không thể tìm được các nguồn tài chính khác. Một trong các nội dung trong hồ sơ xin hỗ trợ phải có là kế hoạch chi tiết hoàn trả vốn vay, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc chấp nhận sáp nhập hoặc mua lại trong trường hợp tổ chức không thể phục hồi hoạt động kinh doanh. Nguồn tài chính hỗ trợ cho tổ chức tham gia BHTG được lấy từ vốn điều lệ và Quỹ dự phòng chi trả của Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Đài Loan (CDIC), vốn vay theo hình thức hỗ trợ đặc biệt của Ngân hàng Trung ương Đài Loan, trường hợp khẩn cấp và Ngân hàng Trung ương chưa cấp vốn kịp thời thì Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Đài Loan (CDIC) có thể vay từ các tổ chức tài chính khác. Thời hạn cho các tổ chức tham gia BHTG vay là 3 tháng và có thể gia hạn. Lãi suất cho vay bằng giá vốn cộng với 0,25% và mức này có thể tăng nếu nguy cơ rủi ro cao hoặc tổ chức nhận hỗ trợ tài chính được gia hạn vay.

Trường hợp xảy ra khủng hoảng có tính hệ thống và Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Đài Loan (CDIC) không thể mua lại hay tiếp nhận tổ chức được nhận hỗ trợ tài chính, Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Đài Loan (CDIC) có thể thành lập một ngân hàng trung gian (ngân hàng bắc cầu) để tiếp nhận một phần hay toàn bộ hoạt động kinh doanh của tổ chức đó. Ngân hàng trung gian cũng được coi như một tổ chức tham gia BHTG. Nếu ngân hàng trung gian không có

vốn thì Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Đài Loan (CDIC) có thể cấp vốn. Ngân hàng trung gian thường có thời hạn hoạt động ngắn hạn là một năm. Trường hợp hoạt động trên một năm phải được sự chấp nhận của Ủy ban Giám sát tài chính Trung ương của Đài Loan. Đây cũng là một trong những kinh nghiệm quốc tế mà Việt Nam có thể tham khảo khi triển khai công tác hoàn thiện pháp luật về hoạt động BHTG.

***Năm là,** hoàn thiện quy định chức năng giám sát, đánh giá rủi ro của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam*

Trong hoạt động của các tổ chức tham gia BHTG, góp phần bảo đảm an toàn và sự phát triển bình thường của hệ thống tài chính - tín dụng là chức năng không thể thiếu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và có tính chất bổ trợ cho chức năng bảo hiểm nói trên. Để thực hiện tốt chức năng bảo hiểm, nhằm giảm thiểu tối đa chi phí cũng như phòng chống đổ vỡ, ngăn chặn trước những sự kiện bảo hiểm có thể xảy ra, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải tham gia vào quá trình giám sát, đánh giá rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tham gia BHTG. Từ kết quả kiểm tra, giám sát, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đưa ra những khuyến nghị cho các tổ chức tham gia BHTG nhằm ngăn ngừa rủi ro, hạn chế đổ vỡ và trong giới hạn cho phép, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam còn có thể hỗ trợ, thậm chí có quyền can thiệp vào hoạt động của các tổ chức tham gia BHTG khi có dấu hiệu mất an toàn.

***Sáu là,** hoàn thiện quy định về xác lập quan hệ bảo hiểm tiền gửi*

Trước hết, cần hoàn thiện các quy định pháp luật về cấp giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi. Quy định của pháp luật về BHTG hiện hành về cấp, thu hồi giấy chứng nhận tham gia BHTG hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc tế. Tổ chức tín dụng hoạt động ở Việt Nam có nhận tiền gửi từ công chúng bắt buộc phải tham gia BHTG. Thực tiễn hoạt động BHTG ở Việt Nam thời gian vừa qua

cho thấy, một số tổ chức tín dụng đã thành lập, chính thức đi vào hoạt động (trong đó có hoạt động nhận tiền gửi) nhưng sau đó mới thực hiện thủ tục tham gia BHTG. Để khắc phục “khiếm khuyết” này, Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012 có quy định, các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng “phải tham gia BHTG trước khi tiến hành hoạt động”, thay thế quy định trước đây là “trước khi tiến hành hoạt động nhận tiền gửi”. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có thẩm quyền nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận tham gia BHTG cho các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Tuy nhiên, theo tác giả, các quy định pháp luật liên quan đến thủ tục xác lập quan hệ BHTG vẫn cần hoàn thiện theo các nội dung sau đây:

(i) Đối với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng bị đánh giá là nguy cơ rủi ro cao thông qua các chỉ tiêu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, việc tham gia BHTG của các tổ chức này có khả năng gây tổn thất đến quỹ BHTG. Do đó, cần bổ sung quyền hạn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong việc phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng về thẩm định điều kiện của các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng đó trước khi tiến hành hoạt động nói chung và hoạt động nhận tiền gửi nói riêng. Mặt khác, cần có quy định về sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính – ngân hàng như Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như thời hạn cụ thể để thực hiện cơ chế phối hợp nhằm tạo thuận lợi cho các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng đủ điều kiện tham gia BHTG hoặc xử lý theo hướng tái cơ cấu đối với tổ chức này. Trên cơ sở đó, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam quyết định việc cấp giấy chứng nhận tham gia BHTG cho các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng. Mặt khác, những thông tin về các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng có nguy cơ rủi ro cần

được xử lý thỏa đáng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền cũng như bảo đảm sự ổn định trong hoạt động ngân hàng.

(ii) Cần bổ sung các biện pháp chế tài pháp lý theo hướng nghiêm khắc đối với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng vi phạm nghĩa vụ tham gia BHTG như vi phạm qui định về thực hiện cấp, cấp đổi, niêm yết giấy chứng nhận tham gia BHTG. Các mức chế tài như mức phạt tiền phải bảo đảm mang tính răn đe đối với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng vi phạm. Từ đó, góp phần bảo đảm thực thi pháp luật về BHTG, bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền cũng như tránh tổn thất quỹ BHTG do rủi ro nhằm lẫn đối tượng tham gia BHTG.

(iii) Bổ sung các quy định pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tiền gửi. Bên cạnh hoàn thiện các quy định về cấp, cấp đổi, niêm yết giấy chứng nhận tham gia BHTG, cần bổ sung các quy định tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức tài chính khác có thể tham gia BHTG theo hình thức tự nguyện. Trong trường hợp này, cần quy định về các điều kiện mà một tổ chức tài chính phải bảo đảm để có thể tự nguyện tham gia BHTG; về thẩm quyền của các chủ thể quản lý trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng cùng với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thẩm định các điều kiện của tổ chức tài chính tự nguyện tham gia BHTG; về hợp đồng BHTG; về các chế tài pháp luật có liên quan.

Ở nhiều quốc gia, pháp luật về BHTG cũng có quy định “mềm” về chủ thể tham gia BHTG bằng việc các tổ chức tài chính có nhận tiền gửi của cá nhân, tổ chức mà không phải là các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng có thể tham gia BHTG. Chẳng hạn, Luật Bảo hiểm tiền gửi của Pháp quy định các ngân hàng tham gia BHTG bằng cách bắt buộc, các tổ chức tài chính phi ngân hàng như công ty bảo hiểm có thể tham gia BHTG (tức tự nguyện tham gia BHTG). Trong trường hợp này, hình thức pháp lý của quan hệ BHTG là hợp đồng

BHTG. Toàn bộ các điều khoản của hợp đồng do hai bên thỏa thuận trên cơ sở pháp luật về BHTG và các luật có liên quan. Hoặc theo Luật Bảo hiểm tiền gửi của Canada, khi một tổ chức tài chính (cấp tiểu bang) thể hiện ý chí về việc tham gia BHTG, Công ty BHTG Liên bang xem xét và chấp thuận để tổ chức đó tham gia BHTG hay không nếu tổ chức đó đã đáp ứng được các điều kiện của pháp luật về BHTG và pháp luật ngân hàng hay không. Hợp đồng BHTG được cấp vào ngày mà tổ chức tài chính chính thức trở thành thành viên của Công ty BHTG Liên bang. Hợp đồng BHTG phải tuân thủ hình thức, nội dung do pháp luật quy định và có thể được sửa đổi, thay thế, chấm dứt theo các quy định của pháp luật [72].

Như vậy, với thực tiễn hoạt động tài chính – ngân hàng ở Việt Nam trong những năm tới, các tổ chức tài chính được dự báo là sẽ trở nên rất đa dạng. Việc tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức tài chính tự nguyện tham gia BHTG không chỉ góp phần bảo vệ quyền lợi của người (cá nhân) tham gia giao dịch tài chính với các tổ chức đó trong trường hợp tổ chức bị chấm dứt hoạt động. Đồng thời, góp phần gia tăng quỹ BHTG, dần dần tiến đến không sử dụng ngân sách nhà nước trong chi trả BHTG cho người thụ hưởng.

Bây là, hoàn thiện quy định về chấm dứt bảo hiểm tiền gửi

Pháp luật cần quy định về sự kiện BHTG theo hướng bao quát đến cả ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Bởi vì, một trong những mục tiêu của chính sách pháp luật về BHTG là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, đặc biệt là người gửi tiền nhỏ thông qua hoạt động chi trả tiền BHTG cho người gửi tiền trong trường hợp tổ chức nhận tiền gửi - tổ chức tham gia BHTG lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, dù đó là ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng hay chi nhánh ngân hàng nước ngoài [69]. Vì vậy, việc pháp luật về BHTG xác định một thời điểm chi trả tiền BHTG

phù hợp thể hiện cam kết về mặt pháp lý đối với người dân trong việc bảo đảm chi trả khoản tiền BHTG cho họ nhanh chóng, kịp thời. Từ đó, củng cố uy tín của hệ thống ngân hàng trong lòng người gửi tiền; giảm thiểu tình trạng mất khả năng thanh toán của ngân hàng, góp phần duy trì hoạt động bình thường của hệ thống ngân hàng.

Về sự kiện BHTG, ý kiến của các chuyên gia cũng có sự khác nhau nhất định. Có quan điểm cho rằng, pháp luật về BHTG giữ quy định như hiện nay là sự kiện pháp lý làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền BHTG cho người gửi tiền của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và cơ quan này chính là cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia BHTG chấm dứt các giao dịch để tiến hành thanh lý tài sản hoặc kể từ ngày Tòa án thông báo quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật về phá sản. Với quan điểm này, có thể nhận thấy, quy định sự kiện BHTG theo hướng giữ nguyên quy định hiện hành là không phù hợp, không bao quát hết các trường hợp Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có nghĩa vụ chi trả tiền gửi cho người gửi tiền. Do đó, nếu tiếp tục quy định như vậy sẽ không thực hiện được các mục tiêu của pháp luật về BHTG.

Còn quan điểm khác lại cho rằng, sự kiện pháp lý làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền BHTG cho người gửi tiền của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có sự khác nhau đối với tổ chức tham gia BHTG là tổ chức tín dụng trong nước và chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Cụ thể, đối với tổ chức tham gia BHTG là tổ chức tín dụng trong nước, chính là thời điểm Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với tổ chức. Còn đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chính là thời điểm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu hồi giấy phép thành lập và chi nhánh ngân hàng nước ngoài không có khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.

Theo quan điểm của tác giả, quy định sự kiện BHTG theo hướng này sẽ khắc phục được hạn chế của pháp luật hiện hành về BHTG. Tuy nhiên, thực tế

cho thấy, nếu quy định sự kiện BHTG như trên đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thể dẫn đến việc chi trả BHTG cho người gửi tiền thường chậm hơn nhiều so với sự kiện BHTG quy định đối với tổ chức tham gia BHTG là các tổ chức tín dụng. Do đó, chưa bảo đảm mục tiêu bảo vệ tiền gửi của người gửi tiền. Mặt khác, có khả năng gây ra bất lợi về cạnh tranh đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Còn quan điểm khác về sự kiện BHTG cho rằng, sự kiện pháp lý làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền BHTG cho người gửi tiền của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cũng có sự khác nhau giữa các tổ chức tham gia BHTG là ngân hàng thương mại trong nước và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nhưng có điểm khác so với hai quan điểm nêu trên.

Cụ thể, đối với tổ chức tham gia BHTG là ngân hàng thương mại trong nước, chính là thời điểm Ngân hàng Nhà nước có văn bản về chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản về chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc văn bản về không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức vẫn lâm vào tình trạng phá sản. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chính là thời điểm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.

Xuất phát từ những quan điểm khác nhau dẫn đến những cách hiểu thiếu thống nhất, cho nên, sự kiện BHTG cần được quy định rõ ràng. Cụ thể, đối với ngân hàng thương mại trong nước là thời điểm có văn bản của Tòa án có thẩm quyền về việc ngân hàng thương mại mất khả năng thanh toán. Quy định như vậy vừa bảo đảm khắc phục được các bất cập của pháp luật hiện nay, vừa bảo đảm thống nhất với các quy định của Luật Phá sản.

Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đó là thời điểm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền. Quy định sự kiện BHTG theo hướng này sẽ bảo đảm việc chi trả BHTG sớm nhất cho người gửi tiền trong cả trường hợp tổ chức tham gia BHTG là ngân hàng thương mại trong nước và tổ chức tham gia BHTG là chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tuy nhiên, để thực hiện quy định này, pháp luật cần phải quy định bổ sung chức năng cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.

Liên quan đến quy định về chấm dứt BHTG, cần phân biệt rõ trường hợp thu hồi giấy chứng nhận tham gia BHTG và trường hợp chấm dứt BHTG. Pháp luật hiện hành đã có sự đồng nhất trường hợp chấm dứt BHTG và thu hồi giấy chứng nhận tham gia BHTG. Đó là khi ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng không nộp phí BHTG trong thời hạn ba tháng kể từ ngày phải nộp; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản chấm dứt hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng; cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng chấm dứt các giao dịch để tiến hành thanh lý tài sản hoặc Tòa án quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản.

Trong thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật trên, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam gặp những khó khăn do cơ chế phối hợp chia sẻ thông tin giữa Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa đồng bộ. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động kinh doanh, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng có thể có những thay đổi về chi nhánh hoạt động. Việc thu hồi giấy chứng nhận tham gia BHTG chưa đề cập đến trường hợp do thay đổi mạng lưới chi nhánh của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng. Do đó, cần bổ sung thêm trường hợp thu hồi giấy chứng nhận tham gia BHTG do sự thay đổi này.

Trong trường hợp pháp luật có ghi nhận tham gia BHTG tự nguyện và áp dụng chế định hợp đồng BHTG, nên bổ sung sự kiện BHTG là các trường hợp chấm dứt hợp đồng BHTG. Chẳng hạn, do tổ chức tham gia BHTG vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động BHTG, về huy động vốn hay có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức gặp khó khăn trong kinh doanh. Bên cạnh đó, cần quy định một thời hạn cụ thể để tổ chức tham gia BHTG hoàn thành các nghĩa vụ tài chính trước khi chấm dứt hợp đồng BHTG.

4.3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại

Thứ nhất, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng thương mại

Kiểm tra, giám sát ngân hàng thương mại là một trong những chức năng mà pháp luật về hoạt động BHTG quy định cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Như trên đã phân tích, hiện nay, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đang áp dụng phương pháp giám sát từ xa và kiểm tra tại chỗ các ngân hàng thương mại. Các chức năng này do Phòng nghiệp vụ I và Phòng nghiệp vụ II của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đảm nhiệm.

Nội dung tiến hành kiểm tra chủ yếu về sự tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động BHTG và quy định an toàn trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại. Trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát, chủ yếu dựa vào số liệu do ngân hàng thương mại cung cấp. Trên thực tế, hiệu quả kiểm tra, giám sát các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng không cao là nguyên nhân đòi hỏi cần có những giải pháp khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật về hoạt động BHTG. Trước hết, trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát, cần tránh gây phiền hà, cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của các ngân hàng thương mại. Bởi thông

tin hoạt động kiểm tra giám sát việc chấp hành pháp luật về hoạt động BHTG đối với ngân hàng thương mại không được quản lý tốt có thể tạo tâm lý hoang mang cho người gửi tiền, từ đó, dẫn đến hiện tượng rút tiền gửi đồng loạt, gây bất ổn cho nền tài chính nói chung. Trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát, phải tuân thủ đúng quy trình kiểm tra, giám sát cũng như tổ chức giám sát chặt chẽ hoạt động kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật về BHTG đối với các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng.

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cần chú trọng củng cố bộ máy, kiện toàn đội ngũ và thường xuyên bồi dưỡng về nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên. Đặc biệt, trong trường hợp có sự thay đổi về chương trình giám sát hoặc các chuẩn mực giám sát, cần chú trọng công tác tập huấn nghiệp vụ để cán bộ, nhân viên của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có thể cập nhật và phân tích kịp thời tình hình thực tế của các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng, đồng thời, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật về hoạt động BHTG. Để đảm bảo tính khách quan, thống nhất và hiệu quả, việc kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, nếu chủ động thực hiện tốt công tác này sẽ góp phần giảm thiểu rủi ro đạo đức trong nền tài chính vốn rất nhạy cảm.

Thứ hai, tăng cường hiện đại hóa bằng công cụ tin học trong thực hiện pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Để việc thực hiện pháp luật về BHTG, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cũng như hệ thống các tổ chức tham gia BHTG, trong đó có các ngân hàng thương mại cần ưu tiên đầu tư và phát triển các hệ thống thông tin phục vụ chuyên ngành như các chương trình quản lý ngân hàng thương mại, người gửi tiền có

tiền gửi được bảo hiểm... Đồng thời, xây dựng phần mềm tin học đặc thù chuẩn bị cho áp dụng mô hình BHTG theo mức độ rủi ro.

Hiện nay, với số lượng trên 1000 tổ chức nhận tiền gửi tham gia BHTG, cần thiết phải có một hệ thống mạng thông tin đáp ứng được nhu cầu truy cập và xử lý thông tin cần thiết cho hoạt động BHTG, đặc biệt là đáp ứng công tác giám sát từ xa của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đối với các ngân hàng thương mại và các tổ chức tham gia BHTG. Trong đó, cần thiết phải xây dựng chương trình lưu trữ, cập nhật thông tin về ngân hàng thương mại, cũng như khách hàng gửi tiền tại mỗi tổ chức đó. Đồng thời, cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phát triển hệ thống công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ các hoạt động BHTG, đặc biệt là hoạt động giám sát các ngân hàng thương mại và các tổ chức tham gia BHTG. Trong đó, chú trọng xây dựng và hiện đại hóa phần mềm giám sát, phân tích số liệu, hoặc đánh giá hoạt động của các định chế tài chính nhằm phục vụ cho công tác cảnh báo sớm đối với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng.

Cũng với đó là cần chú trọng đến công tác đào tạo cán bộ tin học phục vụ công tác liên quan đến hoạt động BHTG. Trong công tác này, phải tiến hành đào tạo thường xuyên và đặt vấn đề chất lượng đào tạo lên hàng đầu. Trong chương trình đào tạo, có thể đào tạo theo nhiều trình độ khác nhau như đào tạo các cán bộ có trình độ tin học cao nhằm phục vụ cho các dự án tin học lớn của ngành; đào tạo các cán bộ chuyên phục vụ công tác quản lý, triển khai ứng dụng; đào tạo các cán bộ không chuyên sử dụng chương trình ứng dụng làm việc tại các phòng, ban khác của các tổ chức tham gia BHTG. Chú trọng nối mạng giữa Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam với các chủ thể khác như ngân hàng thương mại và các tổ chức tham gia BHTG khác, với các chủ thể quản lý, giám sát tài chính để luôn cập nhật và xử lý thông tin cần thiết phục vụ cho công tác quản lý các ngân hàng thương mại và các tổ chức tham gia BHTG. Mặt khác, hiện đại hóa mạng truyền

thông trong hoạt động BHTG phải đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa, hội nhập của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam với các tổ chức BHTG ở các nước cũng như với các tổ chức tài chính quốc tế. Xây dựng hệ thống thông tin về sự phối hợp giữa Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các bộ quản lý ngành, các tổ chức giám sát khác trong hệ thống an toàn tài chính quốc gia, đó là Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời, xây dựng kho dữ liệu giúp các chủ thể giám sát cùng khai thác nhằm bảo đảm tính thống nhất trong xử lý thông tin về thị trường tài chính nói chung và hoạt động của các ngân hàng thương mại nói riêng. Bên cạnh đó, cũng cần xây dựng chế độ bảo mật an toàn mạng, quản lý dữ liệu và cập nhật thông tin tự động.

Như vậy, hệ thống mạng thông tin phục vụ các hoạt động BHTG phải đáp ứng được tính hiện đại, từng bước phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế không chỉ bảo đảm tính kịp thời trong thu thập, xử lý thông tin về các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, mà còn bảo đảm tính thống nhất trong phối hợp giữa các chủ thể thực hiện giám sát các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng. Mặt khác, đó còn là điều kiện để Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tham gia hội nhập quốc tế thông qua sự phối hợp, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm xử lý các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng ở tình trạng khó khăn. Từ đó, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền cũng như bảo đảm an toàn đối với hoạt động ngân hàng ở Việt Nam.

Thứ ba, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn thi hành pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi cũng như hoạt động ngân hàng

Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển năng động hiện nay của hoạt động tài chính - ngân hàng ở nước ta, bất kể trong lĩnh vực chịu sự điều chỉnh của pháp luật nào cũng như trong hoạt động BHTG, cần phải tăng cường công tác

tuyên truyền, phổ biến pháp luật hướng dẫn thi hành pháp luật về hoạt động BHTG cũng như hoạt động ngân hàng đến các đối tượng khác nhau. Đối với người gửi tiền - đặc biệt là người gửi tiền nhỏ, cần có các cách thức tuyên truyền đa dạng, phong phú giúp nâng cao nhận thức mục tiêu của pháp luật về hoạt động BHTG, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam... nhằm tạo tâm lý yên tâm cho họ khi gửi tiền vào ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Sự tin tưởng của họ vào hệ thống tài chính - ngân hàng là một trong những yếu tố quan trọng để bảo đảm sự ổn định, an toàn trong hoạt động ngân hàng cũng như hoạt động BHTG. Đối với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng, công tác tuyên truyền pháp luật về hoạt động BHTG giúp họ nhìn nhận một cách đúng đắn về mục đích, ý nghĩa của các hoạt động nghiệp vụ BHTG như kiểm tra tại chỗ và giám sát từ xa. Trên cơ sở đó, tăng cường sự hợp tác, phối hợp giữa các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng và các tổ chức giám sát tài chính khác trong các hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động của các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng.

Bên cạnh đó, cần kịp thời tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thi hành Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2017 (có hiệu lực từ ngày 15/01/2018). Theo Luật này, 5 phương án để cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bao gồm: Phương án phục hồi; phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp; phương án giải thể; phương án chuyển giao bắt buộc; và phương án phá sản. Trong các phương án này thì phá sản tổ chức tín dụng là mới nhất, lần đầu được áp dụng. Ngân hàng Nhà nước sẽ trình Chính phủ quyết định chủ trương phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi khi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt lâm vào tình trạng phá sản. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Chính phủ quyết định chủ trương phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát

đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm phối hợp với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam xây dựng phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trình Ngân hàng Nhà nước xem xét. Trường hợp xây dựng phương án phá sản quỹ tín dụng nhân dân, Ban kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm phối hợp với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam thực hiện. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phương án phá sản, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm xem xét, đánh giá tính khả thi của phương án, trình Chính phủ phê duyệt phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt. Phương án phá sản bao gồm các nội dung tối thiểu: Đánh giá thực trạng và quá trình xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được quyết định chủ trương phá sản; đánh giá tác động của việc thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đối với sự an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng; phương án chi trả tiền gửi của khách hàng là cá nhân; lộ trình thực hiện và trách nhiệm triển khai phương án phá sản. Về việc tổ chức phá sản, Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung tại phương án phá sản đã được phê duyệt, bao gồm cả việc yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung phương án phá sản.

Theo nhiều chuyên gia, giải pháp phá sản tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật chỉ được thực hiện khi không ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, đến quyền và lợi ích hợp pháp cũng như niềm tin của người gửi tiền. Ở góc độ người gửi tiền, với hàng loạt những cơ chế, quy trình đó có thể thấy, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ có những động thái can thiệp, quản lý sát sao hơn hệ thống ngân hàng khiến người tiêu dùng yên tâm

hơn và tin tưởng hơn về hoạt động an toàn của hệ thống. Hay nói một cách khác, nhìn một cách tích cực, những cơ chế này cũng giống như "lá chắn" để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực tín dụng - ngân hàng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Trong Chương 4 của Luận án, tác giả đã tập trung phân tích khái quát yêu cầu, định hướng của việc hoàn thiện pháp luật về BHTG, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về BHTG ở Việt Nam. Những giải pháp hoàn thiện pháp luật về BHTG trong chương này hướng tới các quy định về chủ thể tham gia BHTG; phí BHTG; đối tượng BHTG; sự kiện BHTG... nhằm tạo cơ sở pháp lý toàn diện, đầy đủ cho hiệu quả điều chỉnh bằng pháp luật các quan hệ BHTG ở Việt Nam.

Cũng trong chương này, tác giả còn phân tích những giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về BHTG nhằm đáp ứng yêu cầu thực thi pháp luật về hoạt động BHTG ở Việt Nam phù hợp tiêu chuẩn quốc tế. Đó là, cần xác định rõ thẩm quyền của các chủ thể trong hệ thống giám sát tài chính quốc gia tạo cơ sở pháp lý cho sự phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau giữa các tổ chức có chức năng quản lý, giám sát tài chính - ngân hàng, trong đó có Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật về BHTG đối với các chủ thể tham gia BHTG là các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền pháp luật về hoạt động BHTG đối với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng, cũng như người gửi tiền tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng; tăng cường hiện đại hóa trong thực hiện pháp luật về BHTG bằng công cụ tin học nhằm đáp ứng yêu cầu thực thi pháp luật về BHTG và tiêu chuẩn quốc tế trong thời đại công nghiệp 4.0.

KẾT LUẬN

Sau khi thực hiện nghiên cứu đề tài “Hoạt động bảo hiểm tiền gửi theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn các ngân hàng thương mại” trong khuôn khổ Luận án Tiến sĩ luật học, cho phép tác giả rút ra một số kết luận sau đây:

1. Hệ thống bảo hiểm tiền gửi ra đời từ rất sớm vào những năm đầu thế kỷ XIX và trở thành hoạt động không thể thiếu trong quá trình phát triển kinh tế của mọi quốc gia trên thế giới. BHTG là thỏa thuận của tổ chức BHTG sẽ thực hiện thanh toán thay tổ chức tham gia BHTG (các ngân hàng thương mại) khi tổ chức này chấm dứt hoạt động hoặc mất khả năng thanh toán cho người gửi tiền. Mục đích cao nhất của hoạt động BHTG là bảo vệ người gửi tiền và góp phần bảo đảm an toàn và phát triển bền vững hệ thống ngân hàng và hệ thống tài chính quốc gia. Để thực hiện được những mục tiêu đó, thì pháp luật về BHTG chính là công cụ hữu dụng và hiệu quả nhất mà Nhà nước sử dụng để điều chỉnh mọi quan hệ phát sinh trong lĩnh vực BHTG gắn với hoạt động tín dụng - ngân hàng.

2. Hoạt động BHTG của các ngân hàng thương mại chính là việc thực hiện pháp luật về BHTG của các chủ thể tham gia BHTG. Tham gia BHTG là điều kiện bắt buộc đối với tất cả các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng có huy động tiền gửi từ công chúng và xã hội. Quy định bắt buộc tham gia BHTG là nhằm bảo đảm an toàn về quyền lợi của người gửi tiền. Thông thường các ngân hàng hoạt động an toàn, lợi nhuận ổn định sẽ có khuynh hướng không muốn tham gia BHTG để giảm chi phí. Còn ngân hàng hoạt động với độ rủi ro cao hơn, uy tín trên thị trường đang trong quá trình xây dựng và củng cố lại mong muốn tham gia BHTG để cải thiện hình ảnh, tăng cường niềm tin từ cộng đồng, tăng khả năng huy động tiền gửi. Với quy định bắt buộc các ngân hàng có huy động tiền gửi phải tham gia BHTG cũng là nhằm mục đích để các loại ngân hàng

này đều bình đẳng về trách nhiệm tham gia BHTG. Theo quy định của pháp luật, tổ chức BHTG có trách nhiệm kiểm tra, giám sát định kỳ đối với 100% tổ chức tham gia BHTG (trong đó có các ngân hàng thương mại), kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về BHTG và an toàn trong hoạt động của các ngân hàng. Thông qua hoạt động giám sát từ xa, tổ chức BHTG sẽ phát hiện các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng yếu kém, tiềm ẩn rủi ro, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý kịp thời.

3. Luận án cũng phân tích những ưu điểm, những mặt còn hạn chế của pháp luật về BHTG hiện hành. Nội dung phân tích gồm các vấn đề như: Sự bất cập trong các quy định pháp luật về các nội dung hoạt động BHTG và một số vấn đề liên quan. Bên cạnh đó, Luận án cũng phản ánh thực tiễn thực hiện pháp luật về BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Những phân tích về thực trạng pháp luật và thực tiễn hoạt động BHTG của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam là cơ sở thực tiễn để Luận án đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật về BHTG nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho hoạt động BHTG ở Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả luận án cũng nghiên cứu tham chiếu đến pháp luật về BHTG của một số quốc gia, đặc biệt là các quốc gia được đánh giá sở hữu hệ thống pháp luật về BHTG hiệu quả và các quốc gia có điểm tương đồng về điều kiện thực hiện BHTG với Việt Nam như Hàn quốc, Đài Loan, Indonesia... Việc nghiên cứu tham chiếu được tiến hành phù hợp với phạm vi nghiên cứu của Luận án.

4. Xuất phát từ cơ sở những vấn đề đặt ra đối với hệ thống pháp luật về BHTG hiện hành, Luận án đã phân tích những yêu cầu, đưa ra định hướng cơ bản và kiến nghị những giải pháp nhằm hoàn thiện hoàn thiện pháp luật về BHTG ở Việt Nam, đồng thời, kiến nghị những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về BHTG, nâng cao hiệu quả hoạt động BHTG của

các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Đây là yếu tố không thể thiếu để đánh giá tính hiệu quả của hệ thống pháp luật về BHTG.

Trong điều kiện kiến thức và khả năng nghiên cứu còn hạn chế, với dung lượng cho phép của một Luận án Tiến sĩ, đề tài nghiên cứu có tính chuyên sâu, cho nên, một số nội dung nghiên cứu đã đặt ra trong Luận án nhưng chưa được giải quyết triệt để sẽ trở thành ý tưởng cho những công trình nghiên cứu tiếp theo để vấn đề được nghiên cứu sâu sắc và hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngọc Anh (2016), *Thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam năm 2016 khoảng 50 triệu đồng*, <http://www.doisongphapluat.com/kinh-doanh/thi-truong/thu-nhap-binh-quan-cua-nguoi-viet-nam-2016-khoang-50-trieu-a143826.html>, 2/5/2016.
2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (2012), *Báo cáo tổng kết thực hiện vắc văn bản quy phạm pháp luật về BHTG giai đoạn 1999- 2011*, Hà Nội.
3. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (2016), *Thông tin báo chí Kết quả hoạt động năm 2014 của BHTGVN*, Hà Nội.
4. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (2016), *Thông tin báo chí Kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và phương hướng hoàn thiện 6 tháng cuối năm của BHTGVN*, Hà Nội.
5. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (2016), *Quyết định Ban hành Quy chế chi trả tiền gửi được bảo hiểm ngày 19 tháng 10 năm 2016*.
6. Bộ Tài chính (1994), *Quyết định 101/TCQĐ-BH ngày 01/02/1994 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm của Quỹ tín dụng nhân dân đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn*, Hà Nội;
7. Bộ tài chính (2014), *Thông tư số 41/2014/TT-BTC ngày 8/4/2014 của Bộ tài chính quy định chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam*, Hà Nội.
8. Chính phủ (2005), *Nghị định số 89/1999/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 109/2005/NĐ-CP về Bảo hiểm tiền gửi*, Hà Nội;
9. Chính phủ (2006), *Nghị định 141/2006/NĐ – CP của Chính phủ Về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng*.

10. Chính phủ (2010), *Nghị định số 05/2010/NĐ-CP ngày 18/01/2010 qui định áp dụng Luật Phá sản đối với các TCTD và Công ty tài chính*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2013), *Nghị định số 68/2013/NĐ-CP ngày 25/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật BHTG*, Hà Nội.
12. Chính phủ (2017), *Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*.
13. TS. Nguyễn Mạnh Dũng (2004), *Những vấn đề chung về chế độ tính phí bảo hiểm gắn với mức độ rủi ro của các ngân hàng*, Tạp chí Ngân hàng, số 2, tr.16.
14. Nguyễn Mạnh Dũng, *Kinh nghiệm tính phí bảo hiểm tiền gửi căn cứ vào mức độ rủi ro của các ngân hàng tại Canada*, Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, tr.31.
15. Lê Thẩm Dương (2010), *Bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính – khoảng trống pháp lý*, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (15), tr. 11-12.
16. Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Hà nội;
18. TS. Phạm Thị Định (2013), *Bảo hiểm tiền gửi: Ngóng chờ giải pháp...*, <http://tapchitaichinh.vn/thi-truong-tai-chinh/bao-hiem-tien-gui-ngong-cho-giai-phap-29514.html>, 9/8/2013.
19. Hoàng Thu Hằng (2013), *Pháp luật về hoạt động Bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

20. Nguyễn Thị Hiền (2008), *Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động bảo hiểm tiền gửi Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Học viện Ngân hàng, Hà Nội, tr. 6.
21. Phạm Thị Hiền, “*Hoạt động giám sát từ xa tại các chi nhánh của DIV một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng giám sát trong thời gian tới*”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, tr.12.
22. Hội đồng Quản trị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, *Quyết định số 2522/QĐ-BHTG về Ban hành Quy chế thông tin báo cáo về tiền gửi được bảo hiểm ngày 15 tháng 12 năm 2017*.
23. Thạch Huệ (2015), *Bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam: Vẫn chưa tạo dựng được niềm tin*, <http://www.vietnamplus.vn/bao-hiem-tien-gui-o-viet-nam-van-chua-tao-dung-duoc-niem-tin/347116.vnp>, 3/10/2015.
24. Bùi Thu Hương (2010), *Hoàn thiện hoạt động nghiệp vụ Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong thời kỳ hội nhập*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế, Học viện Ngân hàng, Hà Nội.
25. Lê Quốc Lý (2008), *Bảo hiểm tiền gửi và vấn đề nâng cao năng lực tài chính*, Tạp chí Ngân hàng, tr.40.
26. Lê Việt Nga (2013), *Quản lý hoạt động Bảo hiểm tiền gửi của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Đại học Ngoại thương, Hà Nội.
27. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2007), *Báo cáo thường niên các năm 1997-2006*;
28. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2009), *Báo cáo thường niên các năm từ năm 1997 đến năm 2008*, Hà Nội.
29. Ngân hàng Nhà nước Việt nam (2011), *Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về bảo hiểm tiền gửi giai đoạn 1999 – 2010*, Hà Nội.

30. Ngân hàng nhà nước Việt Nam (2006), *Thông tư 03/2006/TT-NHNN Về việc hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 89/1999/NĐ-CP của Chính phủ về bảo hiểm tiền gửi và Nghị định số 109/2005/NĐ-CP ngày 24/8/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/1999/NĐ-CP*, Hà Nội.
31. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2013), *Quyết định số 3090/QĐ-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước VN về cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam*, Hà Nội.
32. Ngân hàng nhà nước Việt Nam (2014), *Thông tư số 24/2014/TT-NHNN ngày 06/09/2014 Hướng dẫn một số nội dung về hoạt động BHTG*, Hà Nội.
33. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2014), *Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Thống đốc NHNN Quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*.
34. TS. Lê Xuân Nghĩa (2009), *Giám sát rủi ro mới thực sự là giám sát tài chính hiện đại*.
35. Lê Thị Kim Oanh (2004), *Giải pháp phát triển hoạt động bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Ngân hàng, Hà Nội.
36. Phòng NCTH & HTQT (2016), *Một số diễn biến đáng chú ý về hoạt động BHTG quốc tế trong tháng 11/2016*, <http://www.div.gov.vn/Default.aspx?tabid=296&CtrName=detail&ArticleId=6542&CatID=3&PageIndex=1>.
37. Quốc hội (1946, 1954, 1980, 1992, 2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1946, 1954, 1980, 1992, 2013*, Hà Nội.
38. Quốc hội (2010), *Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010*, Hà Nội.

39. Quốc hội (2010), *Luật các tổ chức tín dụng 47/2010/QH12*, Hà Nội.
40. Quốc hội (2012), *Luật Bảo hiểm tiền gửi số 06/2012/QH13*, Hà Nội.
41. Quốc hội (2014), *Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13*, Hà Nội.
42. Quốc hội (2015), *Luật kế toán 88/2015/QH13*, Hà Nội.
43. Quốc hội (2015), *Luật Ban hành văn bản qui phạm pháp luật 2015 của Nhà nước CHXHCN Việt Nam*, Hà Nội.
44. Quốc hội (2017), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14*.
45. Lê Thị Thúy Sen (2004), *Sự ra đời của BHTG thế giới, châu Á và Việt Nam*, Tạp chí Tài chính – Tiền tệ, tr. 33.
46. Bùi Khắc Sơn (2005), “*Bảo hiểm tiền gửi Việt nam phát triển và hội nhập*”, Bài phỏng vấn do Thanh Bích thực hiện, Tạp chí Thị trường Tài chính, tr.5.
47. TS. Đinh Dũng Sỹ, *Mô hình nào cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam?*, <http://www.bsc.com.vn/News/2010/1/7/77558.aspx>.
48. TS. Đinh Dũng Sỹ (2008), *Mô hình bảo hiểm tiền gửi hiện nay và những vấn đề quan tâm khi xây dựng Luật bảo hiểm tiền gửi*, <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn>, 13/4/2008.
49. TS. Đinh Dũng Sỹ (2010), *Địa vị pháp lý của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam*, <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn>, 23/10/2008.
50. Tạp chí Tổ chức nhà nước Số 6/2012.
51. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Quyết định số 112/2006/QĐ-TTg ngày 24/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành ngân hàng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.

52. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định 1395/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động BHTGVN*, Hà Nội.
53. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 1394/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ Về việc thành lập Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và quy định chức năng, nhiệm vụ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam*, Hà Nội.
54. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ Đề án nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế*.
55. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định về hạn mức trả tiền bảo hiểm ngày 15 tháng 6 năm 2017*.
56. Lê Thị Thu Thủy (2008), *Pháp luật về BHTG ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 36.
57. TS. Lê Thị Thu Thủy (2008), *Bàn về mô hình bảo hiểm tiền gửi trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế*, <https://luattaichinh.wordpress.com>, 21/12/2008.
58. Hồ Sỹ Thụy (2005), “*Giám sát của bảo hiểm tiền gửi Việt nam đối với hoạt động của các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi*”, Tạp chí Thị trường tài chính, tr.31.
59. Bùi Hữu Toàn (2012), *Pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
60. Đào Văn Tuấn (2005), *Giải pháp hoàn thiện chính sách BHTG ở Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện ngân hàng, Hà Nội, tr.7;

61. Đào Trí Úc (2009), *Bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền theo pháp luật về bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam – Thực trạng và phương hướng hoàn thiện*, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.
62. Basel Committee on Banking Supervision and Internaytional Association of Deposit Insurers: Core Principles for Effctive Deposit Insurance Systums, 2009.
63. Bradley C.M (2000), *A historial perspective on Deposit Insurance Coverage*.
64. BCBS – IADI (2010), *Method of compliance review the principles of developing effective deposit insurance system*.
65. Chapter Deposit Insurrance Fund of the Federal Republic of Germany, 2010; 3(1) [115;3], [112 Ch, II], [1116; Ch.II], tr. 52.
66. Choi J. B, *Structuring a deposit insurance system from the Asian perspective*.
67. Deposit Insurance around the world – A Date base.
68. FDIC (1998), *A Brief History of Deposit Insurance in US*.
69. Gillian G. H. Garcia, *Deposit insurance and the appropriate institutions*.
70. Kunt A. D and Kane E.J (2001), *Deposit Insurance around the Globe: Where does it work?* World Banh and Boston College.
71. Laeven L. (2002), *Pricing of Deposit Insurace*, World Bank Policy Publishers, 33 Irving Place, New York, tr.60.
72. Law Canada deposit insurance amendment 2011.
73. Law Korea Deposit Insurance 2005.
74. Mankiw G.N (1992), *Marcroeconomics*, Harvard University, Worth Pubishers, 33 Irving Place, New York.

75. Nam Hyun-woo, *Clients to receive deposit insurance benefits in 7 days*,
http://m.koreatimes.co.kr/phone/news/view.jsp?req_newsidx=219167.
76. Shanmugam B và Turton C, *Bank Management*, University of New England.
77. The deposit insurance law amendment Taiwan 2010.
78. Website của Tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam,
<http://www.div.gov.vn/>.
79. Website của Công ty Bảo hiểm tiền gửi Liên bang Mỹ, www.fdic.gov.
80. Website của Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi quốc tế, www.iadi.org.
81. Website của Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Trung ương Đài Loan,
www.cdic.gov.
82. Website của cơ quan Bảo hiểm tiền gửi các nước và World Economic Outlook, Database (IMF, 10, 2016).
83. <http://Dân trí/>, *Gần 160 ngân hàng ở Hoa Kỳ giải thể năm 2010*, 02/01/2011.